

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SỢI THỂ KỸ  
CENTURY SYNTHETIC FIBER  
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 280-23/CV-CTTK

TP.HCM/Hochiminh city, ngày/date 17 tháng/month 07 năm/year 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**INFORMATION DISCLOSURE  
ON THE STATE SECURITIES  
COMMISSION AND HOCHIMINH STOCK  
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
*The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM  
*Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ  
*Organization name: Century Synthetic Fiber Corporation*
- Mã chứng khoán/Ticker: STK
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B1-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP.HCM  
*Headquarter office: Lot B1-1, North West Cu Chi Industrial Zone, Cu Chi District, HCMC.*
- Điện thoại/Tel.: (+84.276) 388 7565 Fax: (+84.276) 388 7566
- Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Triệu Hòa - Chức vụ: Tổng giám đốc  
*Spokesman: Dang Trieu Hoa - Title: Managing Director*
- Loại thông tin công bố/Type of information disclosure:  
 định kỳ/periodic  bất thường/irregular  24h/24 hours  theo yêu cầu/on demand

**Nội dung thông tin công bố/Contents of information disclosure:**

1. Cập nhật Báo cáo thường niên năm 2022  
*Update changes in Annual Report 2022*
2. Báo cáo Phát triển bền vững năm 2022  
*Sustainability Development Report 2022*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/07/2023 tại đường dẫn:  
<https://theky.vn>

*This information was published on the Company's website on 17/07/2023 at the link: <https://theky.vn>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.*

**Tài liệu đính kèm/Attachments**

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT.  
*Documents related to the information disclosure.*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ON BEHALF OF THE COMPANY  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
LEGAL REPRESENTATIVE  
TỔNG GIÁM ĐỐC/MANAGING DIRECTOR**



Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

**Báo Cáo  
Thường Niên**

**2022**





Là loài cây đại - **Phong Ba** oai lì.  
Thân cong nứt nẻ xù xì.  
Bám sâu vào cát sợ gì gió giông.

# NỘI DUNG CHÍNH

Giới thiệu tổng quan	5
Chiến lược phát triển	26
Quản trị rủi ro	36
Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của ban điều hành	45
Báo cáo tác động đến môi trường - xã hội	63
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	75
Cổ phiếu và quan hệ nhà đầu tư	76
Quản trị công ty	83
Báo cáo ban kiểm soát	96
Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có liên quan	101
Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất	104

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCTN	Báo cáo thường niên	HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát	HSX, HOSE	Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên	IMF	Quỹ tiền tệ thế giới
CP	Cổ phần, cổ phiếu	POY	Partially Oriented Yarn
DN	Doanh nghiệp	PTBV	Phát triển bền vững
DTY	Drawn Textured Yarn	TGD	Tổng giám đốc
FDY	Fully Drawn Yarn	THPT	Trung học phổ thông
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	TNCN	Thu nhập cá nhân
GRS	Global Recycle Standard (tiêu chuẩn tái chế toàn cầu)	ROE	Tỷ suất sinh lợi trên vốn
GPM	Biên lợi nhuận gộp	ROS	Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu
y-o-y	So sánh với cùng kỳ năm ngoái	ROA	Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản
GTGT	Giá trị gia tăng		

# Tổng quan Doanh nghiệp

Báo cáo thường niên năm 2022

6

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

7

Thông điệp của Tổng giám đốc

8

Thành tựu nổi bật năm 2022

9

Tổng quan Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ

10

Quá trình hình thành và phát triển

11

# Báo cáo thường niên năm 2022

Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ cung cấp tổng quát các thông tin tài chính và phi tài chính về môi trường, lao động và xã hội trong năm tài chính 2022.

Chúng tôi phát hành báo cáo điện tử có định dạng PDF và được đăng tải công khai trên Website của Công ty tại đường dẫn [www.theky.vn](http://www.theky.vn). Báo cáo được lập bằng Tiếng Việt và được dịch sang Tiếng Anh nhằm tiếp cận được đa dạng đối tượng các bên liên quan.

**“ QUẢN TRỊ RỦI RO,  
VƯỢT QUA NGHỊCH CẢNH,  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ”**

*Để sinh tồn và phát triển trong một thế giới thay đổi không ngừng và khó dự đoán, một doanh nghiệp có sức bền bỉ chống chọi với nghịch cảnh thời vẫn chưa đủ mà phải chú trọng quản trị rủi ro để phòng ngừa những rủi ro từ trong nội tại cũng như từ bên ngoài và giảm thiểu tác động tiêu cực đến tình hình hoạt động của mình. Do đó, doanh nghiệp cần phải có khả năng xác định những điểm còn yếu kém và cải thiện để phát triển bền vững.*

## Trách nhiệm đảm bảo tính tin cậy và chuẩn mực áp dụng trong Báo cáo thường niên

### THÀNH PHẦN CỦA BÁO CÁO

- > Báo cáo thường niên
- > Báo cáo quản trị Công ty
- > Báo cáo phát triển bền vững
- > Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất
- > Báo cáo tài chính kiểm toán chuẩn quốc tế

### PHẠM VI CỦA BÁO CÁO

Niên độ năm tài chính: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### CÁC CHUẨN MỰC ÁP DỤNG

- > Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- > Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS
- > Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS
- > Thẻ điểm quản trị ASEAN
- > Các quy trình theo chuẩn mực ISO
- > Chứng chỉ GRS, Oeko-Tex100
- > Chuẩn mực GRI

### TRÁCH NHIỆM ĐẢM BẢO TÍNH TIN CẬY CỦA BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- > Dữ liệu tài chính: thống nhất với BCTC năm 2022 đã được Công ty TNHH E&Y kiểm toán độc lập.
- > Dữ liệu về ngành trong nước và quốc tế: dữ liệu hải quan-xuất nhập khẩu của các nước đối chiếu; các báo cáo kinh tế-ngành dệt may được đăng tải công khai.
- > Dữ liệu liên quan đến hoạt động Công ty.
- > Dữ liệu về HĐQT, BKS: thống nhất với Báo cáo quản trị năm 2022.
- > Dữ liệu về cổ đông: Trung tâm Lưu ký Việt Nam cung cấp;

## Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quý Cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Trước hết, với tư cách là Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ (“STK”), tôi xin thay mặt công ty gửi lời cảm ơn sâu sắc tới khách hàng, đối tác, nhà cung cấp, CBCNV và cổ đông đã hỗ trợ cho sự phát triển của Công ty trong những năm qua.

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với Quý vị Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty. Tôi hi vọng báo cáo này sẽ mang đến cho Quý vị những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh của STK trong năm qua và tầm nhìn và chiến lược kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Khó khăn nối tiếp khó khăn trong năm 2022. Nhu cầu về sợi sau dịch Covid mới chỉ chớm phục hồi trong quý 1-2023 thì đã dần sụt giảm trong các quý tiếp theo do người tiêu dùng các sản phẩm dệt may ở các thị trường lớn như Mỹ, EU cắt giảm chi tiêu trước áp lực lạm phát và thất nghiệp khi bóng ma suy thoái kinh tế toàn cầu xuất hiện. Trong bối cảnh đó, kiểm soát rủi ro, kiện toàn hoạt động và nâng cao sức mạnh nội tại là kế hoạch hành động chính mà Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành Công ty đang chú trọng thực hiện để duy trì sức mạnh cạnh tranh trên thị trường. Nhờ uy tín trong việc phát triển các sản phẩm cao cấp, có tính năng đặc biệt nên Công ty vẫn tiếp tục nhận được các đơn hàng có giá trị cao trong nửa cuối 2022. Do đó, Công ty đã hoàn thành 81% kế hoạch doanh thu và gần 81% kế hoạch lợi nhuận của năm, tương ứng doanh thu đạt 2,114 tỷ đồng và lợi nhuận đạt 242 tỷ đồng.

Khó khăn sẽ vẫn còn tiếp diễn trong năm 2023 khi cuộc chiến Nga – Ukraina vẫn còn diễn ra. Tuy nhiên, chúng tôi tin tưởng rằng với nền tảng vững chắc mà Sợi Thế Kỳ đã xây dựng trong những năm qua, Công ty sẽ có khả năng khôi phục rất nhanh khi nhu cầu trên thị trường phục hồi. Với danh mục các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi màu, năng lực phát triển các tính năng đặc biệt, khả năng giao hàng nhanh, dịch vụ khách hàng vượt trội và uy tín của Công ty trong việc hài hòa lợi ích của các bên liên quan (khách hàng, đối tác, nhà cung ứng, CBCNV, cổ đông và cộng đồng xã hội) sẽ giúp STK đạt được sự tăng trưởng bền vững trong những năm tiếp theo.

Với sự nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành, CBCNV Công ty và sự ủng hộ mạnh mẽ của Quý Cổ đông và Nhà đầu tư, tôi tin rằng STK sẽ duy trì nâng cao sự phát triển bền vững trong những năm tới.



Chủ tịch Hội đồng quản trị - **ĐẶNG MỸ LINH**





**Tổng giám đốc - ĐẶNG TRIỆU HOÀ**

## Thông điệp của Tổng giám đốc

Quý Cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Khó khăn đối với ngành sợi tiếp diễn trong năm 2022. Do ảnh hưởng của lạm phát và suy thoái kinh tế trên toàn cầu, các thương hiệu lớn dự báo nhu cầu tiêu dùng sẽ sụt giảm và vì vậy các thương hiệu đã hạn chế đặt hàng mới trong nửa cuối năm 2022 để khống chế tồn kho. Vì vậy, doanh số bán của STK vì vậy đã giảm 5% so với 2021. Mặc dầu vậy, nhờ vào những đơn hàng có giá trị gia tăng cao cũng như giá bán tăng trong năm 2022 nên doanh thu năm 2022 của STK tăng 3,5% so với 2021 và lợi nhuận gộp cũng được duy trì gần bằng mức của 2021. Nhờ vào việc kiện toàn hoạt động, kiểm soát chặt chẽ chi phí nên Công ty đã tiết giảm các chi phí hoạt động bù đắp phần nào chi phí tài chính tăng cao. Con số lợi nhuận của cả năm 2022 – 242 tỷ là kết quả đạt được nhờ những nỗ lực không ngừng của tập thể CBCNV của Công ty. Tiếp tục định hướng phát triển bền vững, trong năm 2022, Sợi tái chế đóng góp 52% trong tổng doanh thu, góp phần tái chế 1,04 tỷ chai nhựa đã qua sử dụng.

Nhằm kiểm soát tốt những rủi ro trong nội tại cũng như các rủi ro từ môi trường bên ngoài, trong năm 2022 Công ty đã tiến hành xây dựng hệ thống kiểm toán nội bộ và đã thuê Công ty kiểm toán AFC thực hiện kiểm toán nội bộ cho năm tài chính 2022. Trên cơ sở các phát hiện từ hoạt động kiểm toán, Công ty sẽ kiện toàn hoạt động sản xuất, quản lý tài chính và kinh doanh, tạo nền tảng mạnh mẽ để triển khai chiến lược phát triển bền vững với trọng tâm là các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi màu, các loại sợi có giá trị gia tăng cao. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng khai phá những thị trường mới và thu hút thêm khách hàng mới.

Năm 2023 vẫn sẽ còn nhiều thách thức và khó khăn. Tuy nhiên, tôi tin rằng các thành tựu STK đạt được trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội cũng như năng lực sản xuất vượt trội đang và sẽ tiếp tục giúp Công ty gắn kết mạnh mẽ hơn với chuỗi cung ứng của các thương hiệu hàng đầu, góp phần thu hút đơn hàng khi nhu cầu phục hồi. Ngoài ra nhà máy sợi UNITEX khi đi vào hoạt động năm 2024 sẽ mở ra một chương mới trong tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Chúng tôi mong rằng với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự ủng hộ của cổ đông, Công ty sẽ đạt được các mục tiêu đặt ra và mang lại nhiều lợi ích cho cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội.

# Thành tựu nổi bật năm 2022

Đơn vị: tỷ đồng

Tổng tài sản  
hợp nhất **2.125**

Vốn chủ sở hữu  
hợp nhất **1.541**

Tổng doanh thu  
bán hàng hợp nhất **2.114**

Lợi nhuận sau thuế  
hợp nhất **242,3**

Vốn điều lệ **843,6**

Tỷ lệ Sợi tái chế  
trên Doanh thu **52%**

GPM % **17,7%**

ROS % **11,4%**

ROA % **11,3%**

ROE % **15,6%**



Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2022 do HOSE tổ chức

Đạt Top 10 doanh nghiệp niêm yết có vốn hóa vừa (mid-cap) có Tình hình quản trị Công ty tốt nhất

Đạt giải **NHẤT** Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất.



Cuộc bình chọn top 100 Doanh nghiệp PTBV Việt Nam

Đạt Top 13 trên 100 Doanh nghiệp PTBV Việt Nam (lần thứ 7 liên tiếp)



Đạt Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất do Tạp chí Forbes bình chọn



## Tổng quan Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ

Tên công ty	<b>Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ</b>
Tên tiếng Anh	<b>Century Synthetic Fiber Corporation</b>
Tên giao dịch	<b>Century Corp.</b>
Mã chứng khoán	<b>STK (HSX)</b>
Trụ sở chính	B1-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh	Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
Văn phòng đại diện	102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	843.638.250.000 đồng
Điện thoại	+84.028 3790 7565 / +84.276 389 9536
Fax	+84.028 3790 7566 / +84.276 389 9537
Email	<a href="mailto:csf@century.vn">csf@century.vn</a>
Website	<a href="http://www.theky.vn">www.theky.vn</a>
Mã số thuế doanh nghiệp	0302018927

## Quá trình hình thành và phát triển

### 2016

Bắt đầu sản xuất sợi tái chế  
Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4,  
nâng tổng công suất của Công ty  
lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm.

### 2011

Phát triển sản phẩm mới FDY  
Mở rộng công suất toàn công ty  
lên 29.500 tấn POY/năm  
và 37.000 tấn DTY & FDY/năm.

### 2005

Cổ phần hóa - Sự thay đổi  
mang tính chiến lược  
Công ty TNHH Sợi Thế Kỳ  
chính thức được chuyển đổi thành  
Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ.

### 2015

Niêm yết trên HOSE, phát triển  
thành công sản phẩm mới sợi tái chế.

Tổng công suất đạt khoảng  
52.000 tấn DTY & FDY/năm  
từ nhà máy Trảng Bàng 3.

### 2008

Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất  
Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất  
lên 14.500 tấn POY/năm  
& 15.000 tấn DTY/năm.

### 2000

Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên  
tại Củ Chi ngày 01/06/2000.

Sản phẩm chính: DTY

Công suất ban đầu:  
4.800 tấn sợi DTY/năm.

## Quá trình hình thành và phát triển (tiếp theo)

### 2017

Tận dụng cơ hội từ thị trường  
- Gặt hái thành công  
Nâng tổng công suất  
lên 63.000 tấn/năm.

### 2020

Phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch  
Đạt được mục tiêu về lợi nhuận  
năm 2020 sau khi điều chỉnh.  
Sản phẩm chiến lược Sợi tái chế  
vẫn duy trì ở mức lợi nhuận cao.  
Triển khai dự án  
điện mặt trời áp mái.

### 2019

Kiên định thực hiện mục tiêu  
Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 20%  
so với cùng kỳ.  
Đưa ra lộ trình đạt 100% tỷ lệ  
sợi tái chế năm 2025.

### 2021

Lửa thử vàng, gian nan thử sức  
Triển khai Dự án mở rộng công suất  
ở Công ty con.  
Dự án điện năng lượng mặt trời đi vào  
hoạt động, giảm phát thải CO<sub>2</sub>.  
Lợi nhuận năm 2021  
vượt kế hoạch.

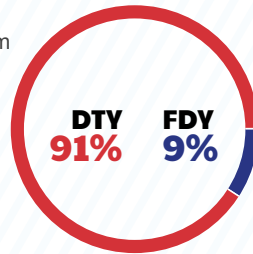
### 2022

Kiên trì với chiến lược kinh doanh cốt lõi  
Dự án mở rộng công suất ở Công ty con  
đang trong quá trình xây dựng.  
Áp dụng các sáng kiến PTBV, tái chế  
và tái sử dụng nguyên vật liệu  
trong quá trình sản xuất.  
Tiếp tục nâng cao tỷ trọng Sợi tái chế  
trong cơ cấu doanh thu.

# Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

## Lĩnh vực kinh doanh

STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài polyester, bao gồm sợi DTY (Drawn Textured Yarn) và FDY (Fully Drawn Yarn).



### May mặc



### Nội thất xe hơi

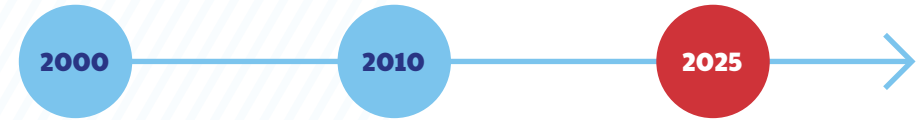


### Nội thất nhà ở



## Quy mô sản xuất

Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng trên với tổng diện tích là 80.000 m<sup>2</sup>.



Trụ sở chính Củ Chi:  
20.000 tấn/năm

Chi nhánh Trảng Bàng:  
43.000 tấn/năm

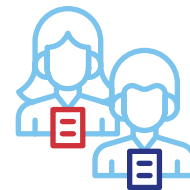
Công ty con Unitex:  
dự kiến 60.000 tấn/năm



2 nhà máy sản xuất  
(spinning/texturizing)



Diện tích 80.000 m<sup>2</sup>

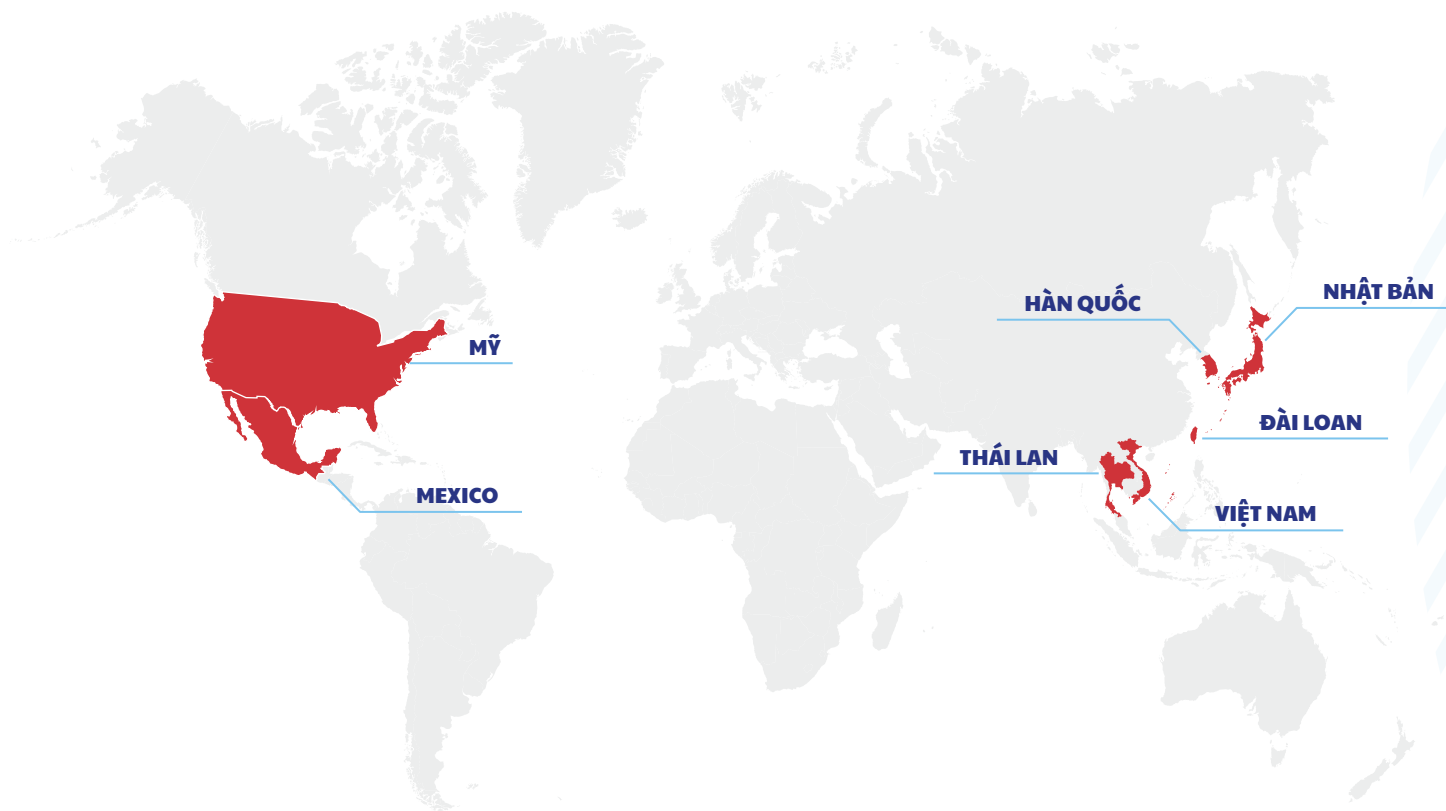


1.000 nhân viên

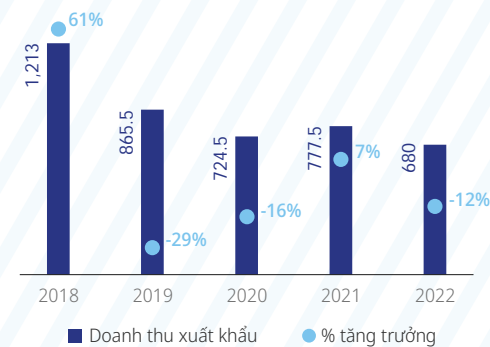
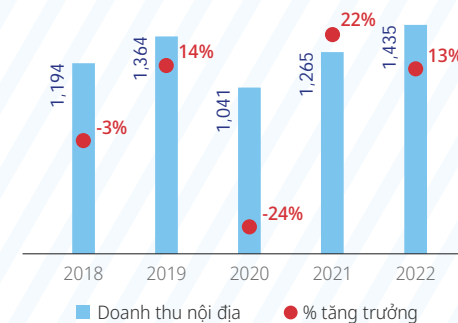


Sản phẩm sợi được sử dụng để sản xuất quần áo thể thao-dã ngoại, giày thể thao, túi vải polyester, trang phục bơi, rèm-màn cửa, đệm bọc xe hơi, băng quần y tế...

## Địa bàn kinh doanh



**800** khách hàng trên toàn thế giới với  
**690** khách hàng đang giao dịch thường xuyên.



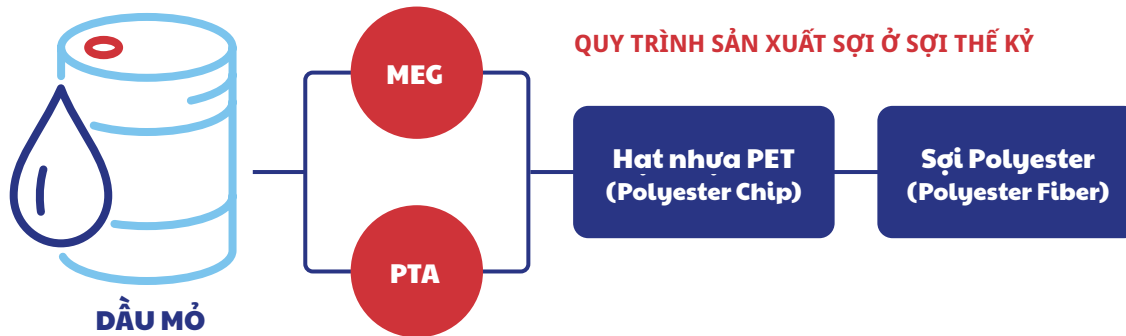
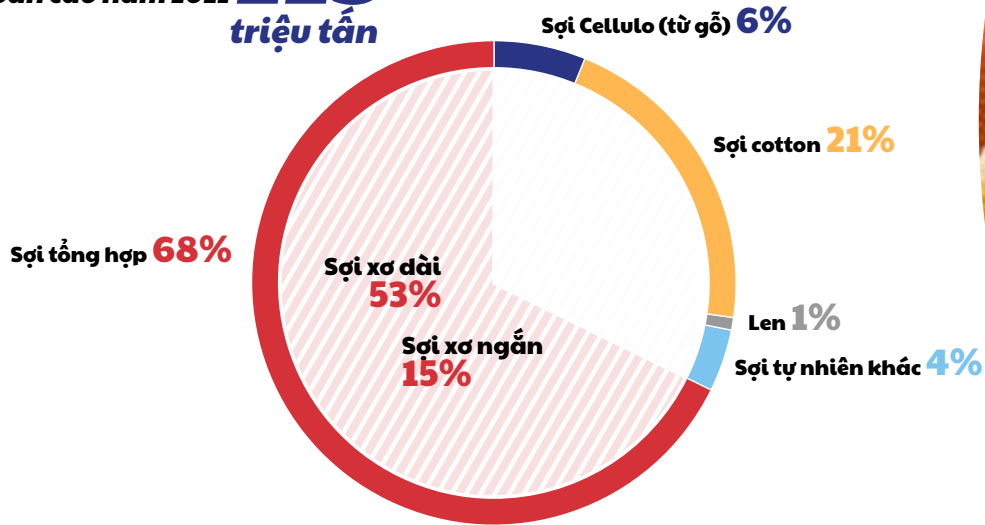
Số lượng khách hàng mới năm 2022: **54** khách hàng

## Chuỗi giá trị của ngành dệt may



Trong đó:

Tổng lượng tiêu thụ sợi toàn cầu năm 2021 **113** triệu tấn





# Triết lý kinh doanh

## TÂM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

## SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

- > Mang đến cho KH các SP-DV có chất lượng cao với giá cả hợp lý;
- > Sản phẩm thân thiện với môi trường;
- > Quy trình sản xuất đạt chuẩn quốc tế; nguồn NVL có xuất xứ rõ ràng.

### ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung.

- > Gắn kết chặt chẽ với các bên liên quan;
- > Sử dụng các nguồn lực để mang lại giá trị cao nhất cho các bên;

### LIÊN TỤC CẦU TIẾN

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

- > Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, thị trường mới để gia tăng hiệu quả kinh tế;
- > Áp dụng các biện pháp cải tiến trong quản lý sản xuất, chi phí, lợi nhuận; các rủi ro đến từ nội bộ Công ty.

### CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

- > Chia sẻ lợi ích với các bên liên quan như cổ đông, người lao động; phát hành cổ tức, chào bán cổ phiếu với giá ưu đãi;
- > Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng.

## CAM KẾT

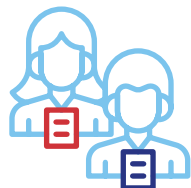
Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc.



## Gắn kết hệ giá trị mang lại lợi ích cho các bên liên quan



**KHÁCH HÀNG**



**NGƯỜI LAO ĐỘNG**



**NHÀ CUNG ỨNG**



**CỔ ĐÔNG**



**CỘNG ĐỒNG**



**NHÀ NƯỚC**

## Gắn kết giá trị các bên liên quan

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
<b>Cổ đông</b>	<p>Cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>Buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư.</p> <p>Hội thảo và tham quan nhà máy.</p> <p>Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails.</p> <p>Bản tin IR, Investor Day, Analyst's meetings.</p>	<p>Minh bạch thông tin.</p> <p>Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư/cổ đông.</p> <p>Quản trị doanh nghiệp tốt.</p> <p>Định hướng phát triển lâu dài.</p> <p>Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư.</p> <p>Định hướng phát triển bền vững.</p> <p>Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng (ESG).</p> <p>Chính sách cổ tức.</p> <p>Thù lao cho HĐQT, BKS, BDH.</p> <p>Giá trị của doanh nghiệp.</p> <p>Tính thanh khoản và cơ hội đầu tư.</p> <p>Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint.</p>	<p>Doanh thu đạt 2.114,5 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế 242,3 tỷ VND, đều hoàn thành ~81% kế hoạch đề ra.</p> <p>Mở rộng thị trường mới: từng bước phát triển thêm khách hàng thị trường Mỹ.</p> <p>Nâng cao tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu lên 52% 2022.</p> <p>Huy động vốn thông qua phát hành thành công tỷ lệ 20% cho cổ đông hiện hữu với mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu (tổng vốn huy động là 142,2 tỷ VND).</p> <p>Phát triển các loại sản phẩm mới có nhiều tính năng và thân thiện với môi trường Recycle Plus.</p> <p>Tuân thủ đúng về quy định công bố thông tin.</p> <p>Cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm.</p> <p>Chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 15% bằng tiền mặt cho năm tài chính 2021.</p> <p>Đa dạng các kênh công bố thông tin.</p> <p>Thực hiện giám sát và đo lường mức phát thải carbon footprint tại Công ty.</p>

## Gắn kết giá trị các bên liên quan (tiếp theo)

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
<b>Khách hàng</b>	<p>Trao đổi trực tiếp.</p> <p>Các buổi gặp mặt, đến thăm công ty khách hàng.</p> <p>Phiếu khảo sát khách hàng</p> <p>Website Công ty</p> <p>Hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành.</p> <p>Email, điện thoại.</p>	<p>Công ty hoạt động bền vững (ESG)- an toàn và uy tín.</p> <p>Chất lượng sản phẩm- dịch vụ.</p> <p>Giá cả cạnh tranh.</p> <p>Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn.</p> <p>Dịch vụ khách hàng vượt trội.</p> <p>Công nghệ, năng lực sản xuất tốt.</p> <p>Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng.</p> <p>Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao.</p> <p>Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại.</p> <p>Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint</p>	<p>Nghiên cứu và sản xuất các loại sợi có độ nhuộm rất cao, tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi màu dope dyed.</p> <p>Đảm bảo chất lượng của sản phẩm ổn định.</p> <p>Nâng cao nghiệp vụ bán hàng của đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng.</p> <p>Giao hàng đúng hạn và không thiếu hàng, thời gian giao hàng nhanh và linh hoạt.</p> <p>Liên tục đào tạo nguồn lực đội ngũ bán hàng nội địa và xuất khẩu.</p> <p>Tham gia công bố thông tin về phát triển bền vững trên các platform như CDP, đo lường tác động môi trường của sản phẩm.</p> <p>Nâng cao chất lượng các tiêu chí phục vụ khách hàng.</p> <p>Sản phẩm được chứng nhận không sử dụng các chất độc hại (REACH 168).</p> <p>Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe.</p> <p>Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard).</p> <p>Được khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ.</p> <p>Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.</p>
<b>Người lao động</b>	<p>Chương trình Tôn chỉ.</p> <p>Các cuộc họp giao ban.</p> <p>Đổi thoại định kỳ với người lao động.</p> <p>Hội nghị người lao động hàng năm.</p> <p>Trực tiếp trao đổi với người quản lý.</p> <p>Trực tiếp trao đổi với phòng nhân sự.</p> <p>Phiên họp thương lượng tập thể.</p>	<p>Môi trường làm việc thoải mái an toàn.</p> <p>Đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp.</p> <p>Cân bằng giữa công việc và cuộc sống.</p> <p>Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao.</p> <p>Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển nâng cao tay nghề.</p> <p>Cơ hội thăng tiến trong công việc</p> <p>Tâm nhìn của người lãnh đạo.</p> <p>Sự công bằng và dân chủ.</p> <p>Không phân biệt đối xử.</p> <p>An toàn lao động trong nơi làm việc.</p> <p>Công việc ổn định và được hướng dẫn.</p>	<p>Cải thiện chính sách tiền lương, chế độ thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến và môi trường làm việc cho người lao động.</p> <p>Tăng lương bình quân 5% tùy vào vị trí công việc.</p> <p>Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 29 người.</p> <p>Ban Điều Hành cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng của người lao động.</p> <p>Đảm bảo tỷ lệ mức lương cho người lao động cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành.</p> <p>Thực hiện cơ chế 5S, cải thiện môi trường làm việc.</p> <p>Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, người lao động được chăm lo sức khỏe.</p> <p>Tuân thủ quy định trách nhiệm xã hội theo pháp luật.</p> <p>Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm – 15, 16/12/2022.</p> <p>Duy trì lương đơn hàng ổn định, tạo công việc làm cho người lao động và duy trì thu nhập ổn định cho công nhân.</p>

## Gắn kết giá trị các bên liên quan (tiếp theo)

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
<b>Nhà cung ứng</b>	<p>Gặp gỡ trực tiếp.</p> <p>Tham quan nhà máy.</p> <p>Thông qua email, điện thoại.</p> <p>Thu thập thông tin qua khảo sát.</p>	<p>Uy tín, cộng tác dài lâu.</p> <p>Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển.</p> <p>Xây dựng chuỗi giá trị bền vững, không bị gián đoạn.</p> <p>Đối tác đảm bảo các hoạt động phát triển bền vững-ESG, giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint.</p>	<p>Nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên.</p> <p>Bình đẳng trong việc lựa chọn nhà cung ứng trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh.</p> <p>Đánh giá nhà cung ứng để đảm bảo duy trì tính hiệu quả hợp tác lâu dài.</p> <p>Đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng, để đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên.</p> <p>Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.</p>
<b>Nhà nước</b>	<p>Thông qua các cuộc họp, các đợt thanh tra.</p> <p>Thông qua các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA.</p> <p>Các văn bản hành chính của nhà nước.</p>	<p>Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật.</p> <p>Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định.</p> <p>Hỗ trợ phát triển cộng đồng.</p> <p>Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước.</p> <p>Doanh nghiệp xanh, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường.</p>	<p>Tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước.</p> <p>Không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật.</p> <p>Thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, an toàn-môi trường-sức khỏe.</p> <p>Ủng hộ chủ trương của nhà nước.</p> <p>Nộp thuế đầy đủ.</p> <p>Hỗ trợ phát triển địa phương.</p> <p>Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.</p> <p>Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.</p>

## Gắn kết giá trị các bên liên quan (tiếp theo)

Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan
<b>Ngân hàng đối tác</b>	Các cuộc gặp mặt trực tiếp. Điện thoại và email.	Công ty hoạt động bền vững và uy tín. Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp. Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp. Hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Các hoạt động phát triển bền vững-ESG, giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint.	Linh hoạt trong chính sách hợp tác về hạn mức vay. Thực hiện chi trả lãi vay đúng và sớm hơn hạn quy định. Theo dõi và hỗ trợ thường xuyên các giao dịch. Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.
<b>Cộng đồng địa phương</b>	Buổi gặp mặt trao đổi định kỳ. Văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương. Các hoạt động xã hội cộng đồng.	Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng. Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân. Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương. Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.	Nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương. Trao học bổng cho các trường cao đẳng tại địa phương. Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương. Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương. Phát triển đô thị hóa nông thôn thông qua việc xây dựng cơ sở hạ tầng mới từ các dự án nhà máy mới như Unitex, Liên minh sợi dệt may. Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.
<b>Hiệp hội ngành (VCOSA)</b>	Các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi.	Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành. Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.	Hỗ trợ cung cấp thông tin và hợp tác tích cực với hiệp hội ngành. Đóng góp hội phí thường niên. Tham gia là ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam (VCOSA). Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.

# Mô hình kinh doanh

## MACHINE

### Máy móc

Đầu tư vào máy móc thiết bị hiện đại (tiết kiệm năng lượng, đảm bảo chất lượng)

**SAP Business All-in-One**

**POC**

## MAN

### Nguồn nhân lực

Chú trọng chất lượng tuyển dụng, liên tục đào tạo chuyên môn, hoàn thiện chính sách nhân sự, kế hoạch đào tạo đội ngũ kế cận và xây dựng văn hóa doanh nghiệp lành mạnh



### Mục tiêu trọng điểm

Vươn lên nhóm dẫn đầu thị trường

Cung ứng sản phẩm chất lượng cao với mức giá cạnh tranh

Đạt tốc độ tăng trưởng cao và duy trì tình hình tài chính lành mạnh

## MATERIAL

### Nguyên vật liệu

Mua NVL chất lượng cao nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng



## METHOD

### Quản lý/Công nghệ

Áp dụng các hệ thống quản lý hiện đại, công nghệ kỹ thuật nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa, dịch vụ và hạ giá thành



# Vị thế của Sợi Thế Kỷ - Yếu tố tạo động lực tăng trưởng

## Vị thế của Sợi Thế Kỷ

Sợi Thế Kỷ là một trong bảy doanh nghiệp sản xuất sợi polyester filament ở Việt Nam. Tuy STK đứng thứ 4 về mặt quy mô nhưng là một trong những doanh nghiệp đứng đầu về mặt chất lượng.

Với mục tiêu tiên phong trong ngành sợi dệt và trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu, Sợi Thế Kỷ đã và đang dẫn đầu trong thị trường nội địa cũng như vươn mình ra thế giới, mang đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn cao nhất nhu cầu của khách hàng.

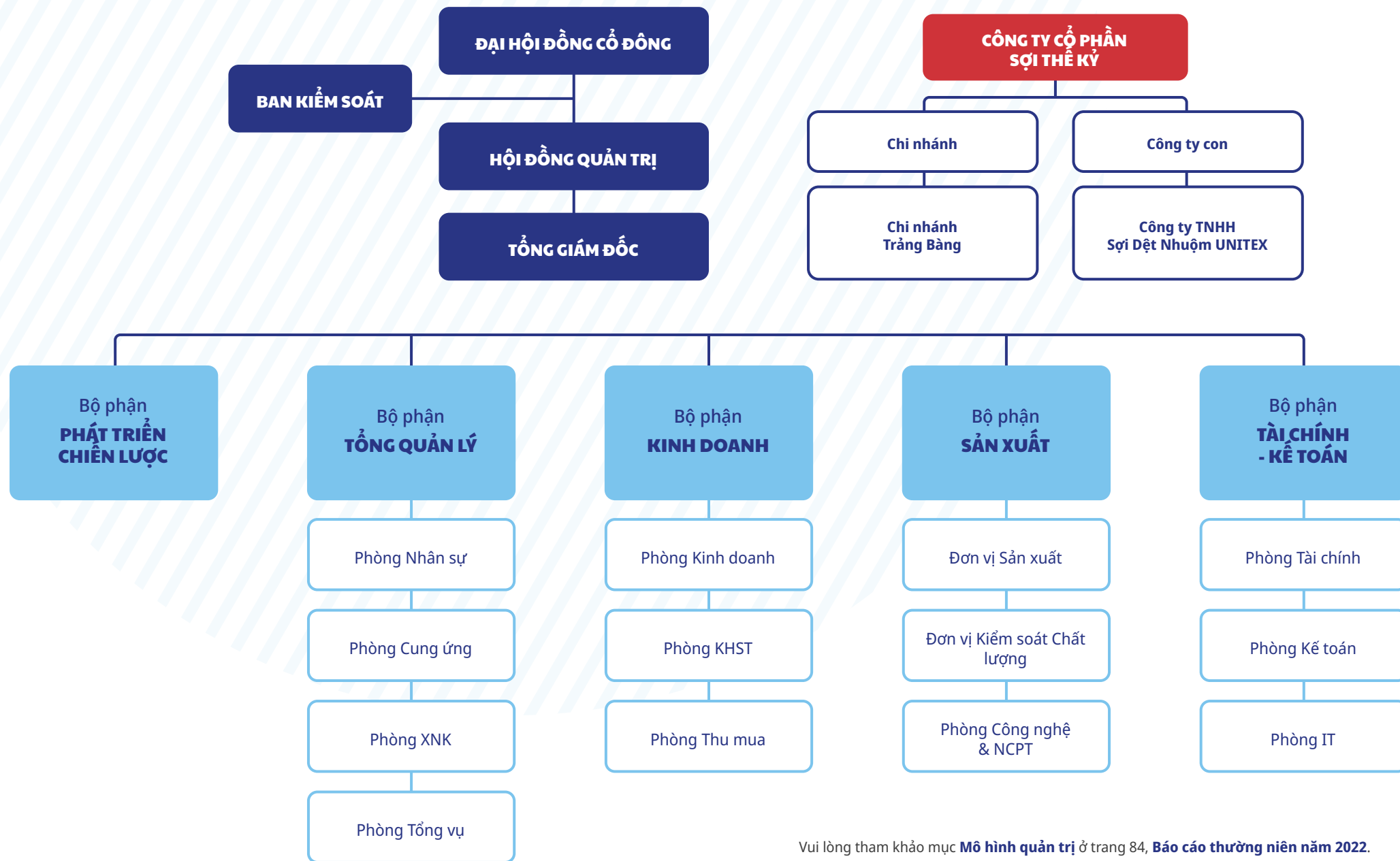


## Yếu tố tạo động lực tăng trưởng

Các yếu tố đầu vào	Cụ thể hóa yếu tố đầu vào	Kết quả đầu ra
Nguồn lực tài chính	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông)	Sử dụng hiệu quả thông qua hoạt động đầu tư dự án, mở rộng công suất Đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm. Chi trả cổ tức với tỷ lệ 15% trên mệnh giá.
Nguồn lực tài chính	Vốn vay từ các tổ chức tín dụng	Tận dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý và an toàn để tài trợ cho các dự án tăng công suất, vốn lưu động, gia tăng lợi nhuận cho cổ đông. Đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn.
Nguồn nhân lực	Người lao động	Xây dựng được đội ngũ nhân viên kế thừa lành nghề và giàu tinh thần trách nhiệm. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua tuyển dụng và đào tạo. Kiến tạo văn hóa doanh nghiệp, gắn kết người lao động. Chính sách phúc lợi hợp lý, tạo động lực cho NLD gia tăng hiệu quả sản xuất.
Nguồn lực sản xuất và tài sản hữu hình và vô hình	Công suất tối đa: 63.000/tấn. Tổng tài sản (hợp nhất) đạt 2.125 tỷ đồng. Hệ thống phần mềm quản lý hoạt động sản xuất-kế toán tài chính-nhân sự. Mạng lưới khách hàng nội địa và xuất khẩu. Danh tiếng và vị thế của Công ty trên thị trường.	Máy móc được nhập khẩu từ công nghệ châu Âu tiên tiến bậc nhất trên thế giới (Đức). Áp dụng CNTT để gia tăng hiệu quả sản xuất và giảm giá thành sản xuất; theo dõi và rút kinh nghiệm để cải thiện chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn dẫn đầu trong ngành sợi về chất lượng cao đi đôi giá cả hợp lý, mở rộng và duy trì được mạng lưới khách hàng.
Quản trị doanh nghiệp	Hệ thống quản trị rủi ro Mô hình quản trị áp dụng những thông lệ tốt trong nước và quốc tế	Áp dụng Kiểm toán nội bộ để củng cố “hàng phòng ngự” trong việc kiểm soát rủi ro từ nội bộ. Người phụ trách về quản trị Công ty có vai trò theo dõi và đưa ra sáng kiến cải thiện quản trị; đồng thời kết hợp với chỉ đạo từ HĐQT để giữ vững được tính minh bạch trong việc quản trị Công ty theo chuẩn mực trong nước và quốc tế.
Yếu tố xã hội	Cơ hội từ xu hướng thay đổi của văn hóa tiêu dùng và các yếu tố nhân khẩu học như thay đổi cơ cấu dân số theo tuổi tác, giới tính, văn hóa quốc gia vùng lãnh thổ...	Nắm bắt được những thay đổi trong hành vi của người tiêu dùng để mở ra cơ hội phát triển sản phẩm mới và phân khúc thị trường mới; đón đầu được xu hướng mới trong ngành và chuỗi cung ứng trong nước và trên toàn cầu.
Yếu tố môi trường	Cơ hội từ xu hướng bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và xu hướng xanh hóa ngành.	Thực hiện các sáng kiến PTBV để giảm thiểu khí thải CO <sub>2</sub> , giảm lượng tiêu thụ năng lượng không tái tạo và lượng tiêu thụ nước sạch.



# Cơ cấu tổ chức Công ty



Vui lòng tham khảo mục **Mô hình quản trị** ở trang 84, **Báo cáo thường niên năm 2022**.

# Tình hình công ty con

**CÔNG TY TNHH  
SỢI, DỆT NHUỘM  
UNITEX**

Vốn điều lệ: **222.100.190.000** đồng

Tỷ lệ sở hữu: **100%**

**Địa chỉ:** Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim (chưa đi vào hoạt động)

Trong năm 2022, Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 222.100.190.000 đồng từ vốn góp của Công ty mẹ (STK), theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901206611 cấp lần đầu ngày 29/06/2015 và sửa đổi lần thứ 4 ngày 08/11/2022.

## Tình hình hoạt động của Công ty con

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	±%, YoY
Doanh thu hoạt động tài chính	2.018.205.268	21.417.563	9323.13%
Chi phí tài chính	(4.218.968.733)	(84.716.237)	4880.12%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.793.432.514)	(79.341.668)	4681.14%
Lợi nhuận sau thuế	(3.793.432.514)	(114.341.668)	3217.63%
Tài sản ngắn hạn	354.473.954.246	19.104.338.452	1755.46%
Tài sản dài hạn	108.008.825.234	78.369.689.989	37.82%
Nợ phải trả	244.341.262.334	17.639.268.781	1285.21%
Vốn chủ sở hữu	218.141.517.146	79.834.759.660	173.24%
Tổng tài sản	462.482.779.480	97.474.028.441	374.47%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex  
Hiện nay UNITEX chưa triển khai hoạt động. Do đó mới chỉ ghi nhận chi phí phát triển dự án.

## Chi tiết doanh thu hoạt động tài chính

	2022	2021
Lãi tiền gửi	1.966.384.962	57.563
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.006.237	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.814.069	21.360.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.018.205.268</b>	<b>21.417.563</b>

## Chi tiết chi phí tài chính

	2022	2021
Chi phí lãi vay	3.925.728.233	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	293.240.500	84.716.237
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.218.968.733</b>	<b>84.716.237</b>

(Xem thêm mục **Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án**, trang 75)

# Chiến lược phát triển

Phân tích S.W.O.T

27

Tổng quan ngành dệt may và phân ngành xơ sợi dài

28

Gắn kết Tăng trưởng kinh tế với Phát triển bền vững

31

Cơ hội và thách thức tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty

33

Chiến lược trung và dài hạn đến năm 2025

35

## ĐIỂM MẠNH

- > Tập trung kinh doanh ngành nghề cốt lõi;
- > Chiến lược kinh doanh đón đầu xu hướng của thị trường;
- > Máy móc, công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực lâu năm và lành nghề;
- > Tình hình tài chính ổn định và minh bạch;
- > Thương hiệu vững mạnh được khách hàng đánh giá cao nhờ chất lượng sản phẩm vượt trội và dịch vụ sản phẩm chuyên nghiệp.
- > Tình hình quản trị minh bạch, hướng đến các thông lệ quốc tế.

## ĐIỂM YẾU

Nguồn nhân lực cấp cao và cấp trung còn thiếu kinh nghiệm quản lý và đào tạo nguồn nhân lực cấp thấp hơn.

Là doanh nghiệp xuất khẩu nhưng vẫn còn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Công ty ghi nhận các khoản vay ngắn và dài hạn bằng đồng ngoại tệ USD nên phải thiết lập dự phòng lỗ chênh lệch tỷ giá khi VNĐ mất giá so với USD, ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của Công ty.

## Phân tích S.W.O.T

## CƠ HỘI

- > Sợi Polyester nói chung và sợi Polyester Filament nói riêng vẫn chiếm ưu thế lớn nhất trong cơ cấu của ngành sợi; nhu cầu sợi thân thiện với môi trường vẫn tiếp tục tăng cao;
- > Xu hướng dịch chuyển đơn hàng dệt may sang Việt Nam để tận dụng các ưu đãi thuế quan theo Các hiệp định thương mại;
- > Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hoạt động bán hàng ở nội địa sẽ có tiềm năng tăng trưởng cao, bao gồm cả xuất khẩu gián tiếp.
- > Phân khúc quần áo thể thao cao cấp được đánh giá sẽ phục hồi mạnh hơn các phân khúc khác và có khả năng tăng trưởng do sự thay đổi hành vi người tiêu dùng.

## THÁCH THỨC

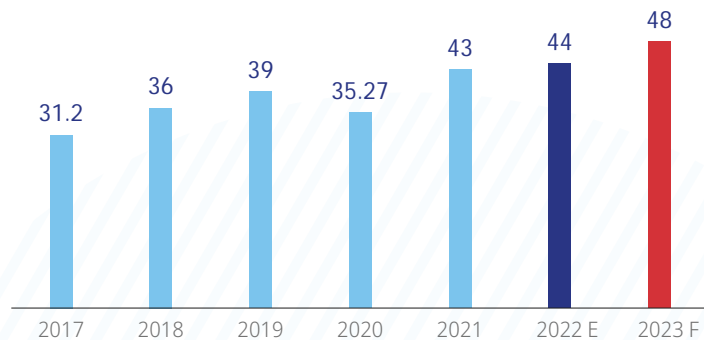
- > Rủi ro nền kinh tế suy thoái và nhu cầu sụt giảm có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
- > Việc giãn cách xã hội do dịch bệnh có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng và giảm công suất hoạt động của nhà máy, gây tăng chi phí cho Công ty.
- > Rủi ro Công ty xuất khẩu có khả năng bị kiện chống bán phá giá ở các thị trường xuất khẩu.

# Tổng quan ngành dệt may và phân ngành xơ sợi dài

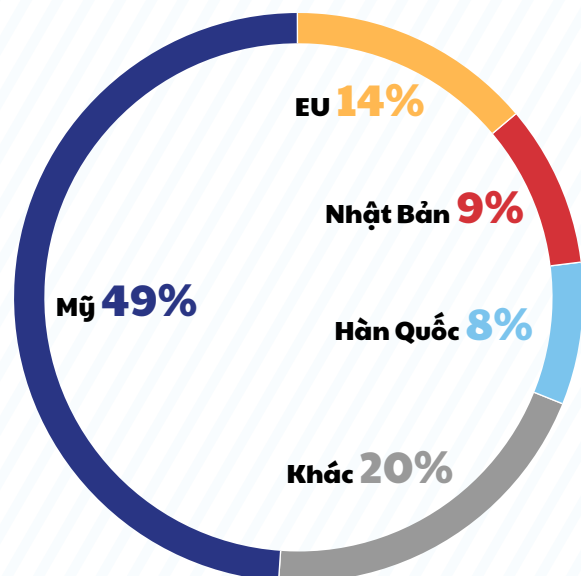
## Tình hình ngành dệt may trong nước và ngoài nước

Kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam vẫn duy trì ở mức tăng trưởng dương, ước đạt 44 tỷ USD, tăng 2,3% so với cùng kỳ do nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật bản phục hồi trong 9 tháng đầu năm sau khi bệnh dịch Covid 19 đã được kiểm soát.

### Xuất khẩu dệt may của Việt Nam (tỷ USD)



### Các thị trường xuất khẩu dệt may của Việt Nam 2022

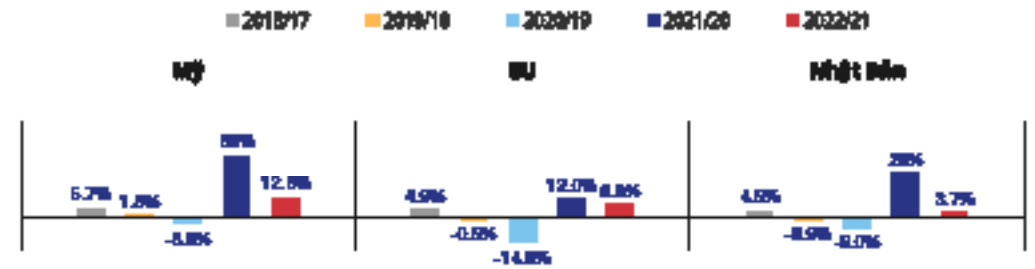


Nguồn: Hiệp hội Dệt may Việt Nam

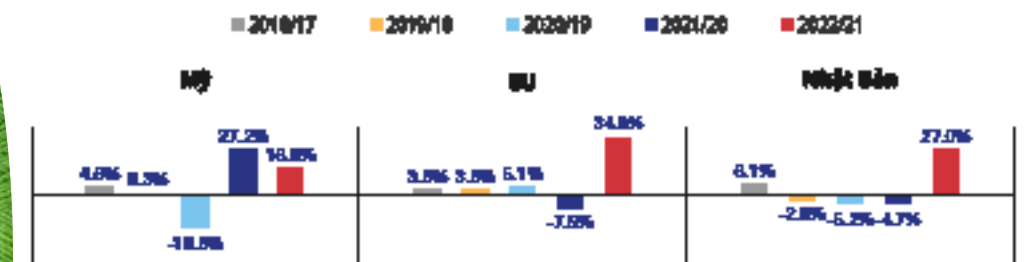




**Tốc độ tăng trưởng sản lượng nhập khẩu dệt may tại 3 thị trường**



**Tốc độ tăng trưởng giá trị nhập khẩu dệt may tại 3 thị trường**

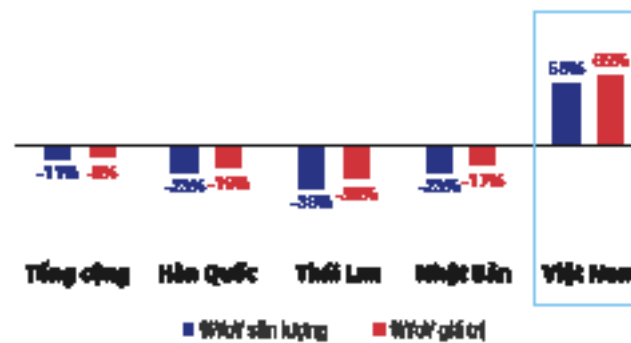


Nguồn: OTEXA, EUROPA, JF e-stat

**PHÂN NGÀNH SỢI XƠ DÀI (POLYESTER FILAMENT)**

Do vị trí ở thượng nguồn chuỗi cung ứng, nên ngành sợi nói chung và sợi polyester filament nói riêng bị ảnh hưởng tiêu cực khi các thương hiệu thời trang dự báo nhu cầu sẽ giảm tốc trước tác động tiêu cực của lạm phát và suy thoái kinh tế. Do đó trong năm 2022, ngành sợi Polyester Filament của Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng âm về sản lượng và giá trị xuất khẩu. Ngoại trừ thị trường xuất khẩu tại chỗ (Việt Nam) đạt mức tăng trưởng cao, các thị trường chủ chốt khác đều tăng trưởng chậm hơn so với năm 2021.

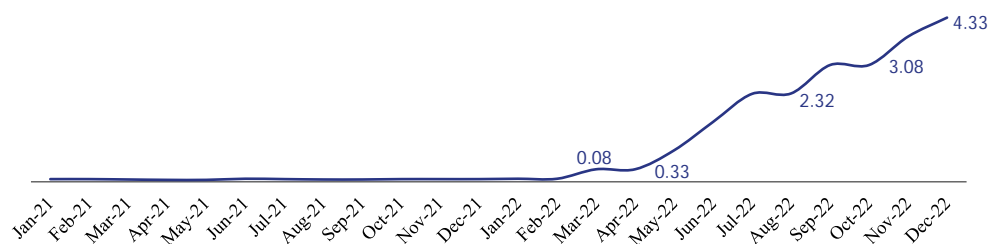
**Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sợi Polyester Filament của các thị trường năm 2022 so với cùng kỳ**



Nguồn: STA tổng hợp

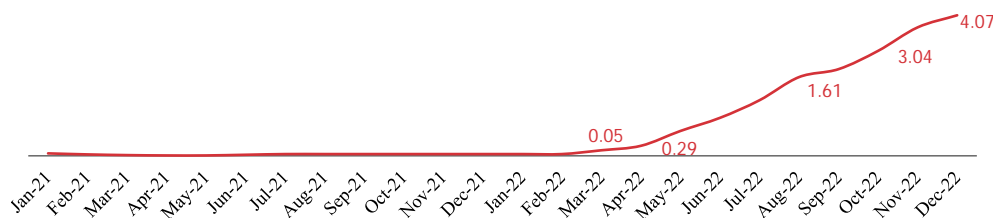
## TÌNH HÌNH LÃI SUẤT NĂM 2022

### Lãi suất Quỹ liên bang (%) (Federal Fund Rate)



Nguồn: investing.com

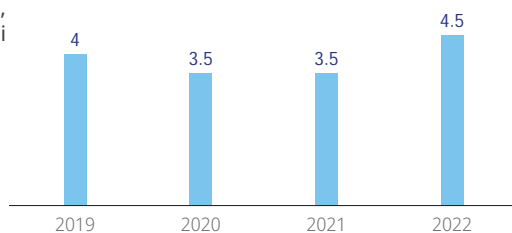
### Lãi suất tài trợ qua đêm có bảo đảm % (SOFR)



Nguồn: www.global-rates.com

Để chống lạm phát, Cục dự trữ liên bang Mỹ, cũng như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã liên tục tăng lãi suất trong năm 2022. Do đó, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại cũng tăng tương ứng trong kỳ.

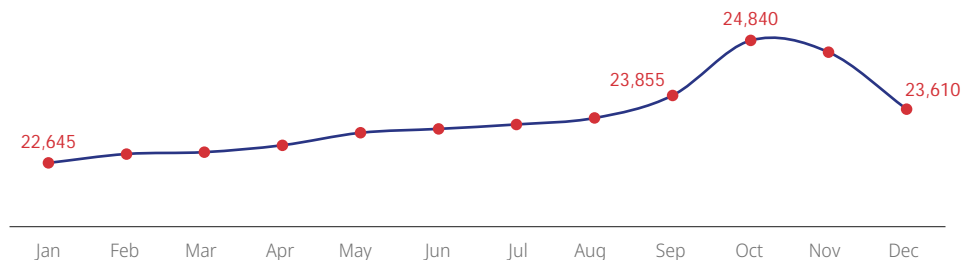
### Lãi suất tái chiết khấu của Ngân hàng Trung ương Việt Nam (%)



Nguồn: sbv.gov.vn

## TÌNH HÌNH TỶ GIÁ VND/USD NĂM 2022

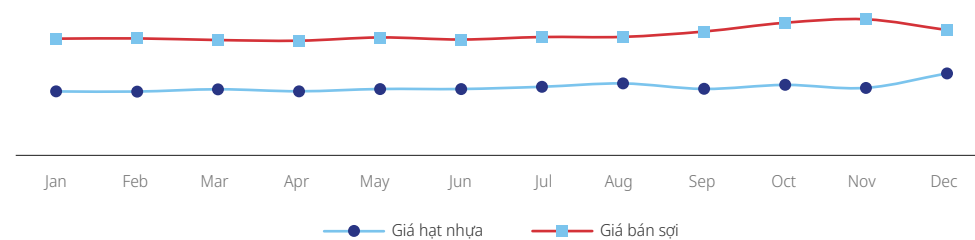
### Tỷ giá VND/USD trong năm 2022



Nguồn: investing.com

Do đồng USD mạnh lên cùng với những bất ổn của thị trường tài chính Việt Nam ở đầu Quý 4-2022, tỷ giá VND/USD đã tăng đột biến 9,7%, trước khi hạ nhiệt vào cuối năm. Tính chung cả năm 2022, tỷ giá VND/USD tăng 3,4%. Những biến động bất ngờ của tỷ giá trong giai đoạn tháng 9-tháng 11/2022 đã làm tăng chi phí tài chính thuần của Công ty lên 9,6 tỷ đồng so với kế hoạch.

### Giá hạt nhựa và price gap năm 2022



Nguồn: STK tổng hợp

Giá hạt nhựa bình quân năm 2022 đã tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó giá hạt nhựa nguyên sinh và giá hạt nhựa tái chế tăng lần lượt 23% và 5%.

Giá bán thành phẩm bình quân năm 2022 cũng tăng 9,5% so với năm trước, trong khi giá sợi nguyên sinh tăng 6% thì giá sợi tái chế tăng 12%.

Có thể thấy, sản phẩm Sợi tái chế vẫn duy trì ổn định và mang lại lợi nhuận cao cho STK.

# Gắn kết Tăng trưởng kinh tế với Phát triển bền vững

Trong định hướng chiến lược của STK, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận phải luôn gắn kết với việc bảo vệ môi trường, hài hòa lợi ích với các bên có liên quan và phát triển xã hội.

Chiến lược phát triển bền vững của STK bao gồm 3 mục tiêu chính:

- > Mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận: Để đạt được mục tiêu này, Công ty chú trọng phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường và có giá trị gia tăng cao đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và khách hàng đánh giá cao, mở rộng thị trường và khách hàng.
- > Mục tiêu bảo vệ môi trường: Để đạt được mục tiêu này, Công ty (i) đầu tư vào những công nghệ thân thiện với môi trường, có hiệu suất cao, hạn chế phế phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu, (ii) áp dụng các biện pháp để cắt giảm, tái sử dụng và tái chế nguyên vật liệu, điện, nước; (iii) sử dụng năng lượng tái tạo.
- > Mục tiêu phát triển con người và xã hội: Các chính sách lương, thưởng phúc lợi của công ty được xây dựng trên cơ sở Công ty luôn chia sẻ lợi ích với người lao động, đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các bên có liên quan. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo ra môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và quan tâm đào tạo người lao động cũng như trao cho họ những cơ hội thăng tiến trong công việc.

Sợi tái chế vẫn là sản phẩm chiến lược cho đến năm 2025, có biên lợi nhuận cao và xu hướng giá cả ổn định.

## TẬP TRUNG VÀO CÁC SẢN PHẨM CÓ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CAO VÀ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

2023  
trở đi

Sợi tái chế công chức năng như co dãn cao, hút ẩm, chống tia cực tím, v.v  
(sợi màu dope dye đen / trắng / xám.)

Sợi hiệu ỨNA Melange



## LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

- > Chia sẻ lợi ích
- > Xây dựng văn hóa doanh nghiệp
- > Đào tạo và thăng tiến
- > Phát triển nghề nghiệp

## TĂNG TRƯỞNG DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

- > Sản phẩm thân thiện với môi trường
- > Mở rộng thị trường
- > Phát triển sản phẩm mới

## MÔI TRƯỜNG

Đầu tư vào công nghệ thân thiện môi trường  
Cắt giảm, tái sử dụng và tái chế  
Sử dụng năng lượng tái tạo

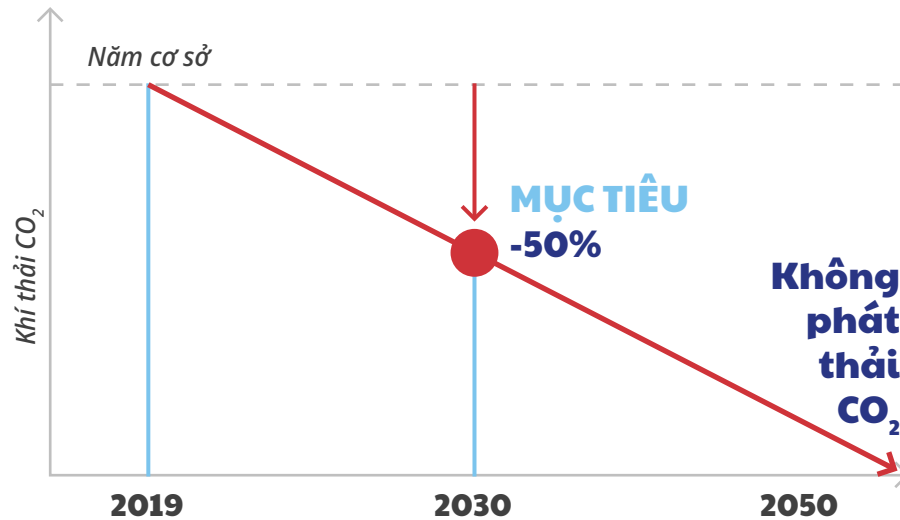


## Xu hướng phát triển bền vững trong ngành dệt may

Trong những năm gần đây, do nhận thức của người tiêu dùng về bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền con người và trách nhiệm xã hội ngày càng tăng nên các thương hiệu thời trang hàng đầu cũng đã tích cực thay đổi chiến lược kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.

Về bảo vệ môi trường, các thương hiệu thời trang đã đưa ra các cam kết về chống biến đổi khí hậu và bảo vệ nguồn nước.

Nhằm giữ cho nhiệt độ trái đất không nóng hơn 1,5 độ C, năm 2018 các nhãn hàng đã đưa ra cam kết cắt giảm khí nhà kính xuống 50% vào năm 2030 và mức phát thải bằng không vào năm 2050. Tính đến năm 2021 đã có 132 nhãn hàng (bao gồm Adidas, H&M, Inditex, Lululemon, VF Group) đã tham gia cam kết này.

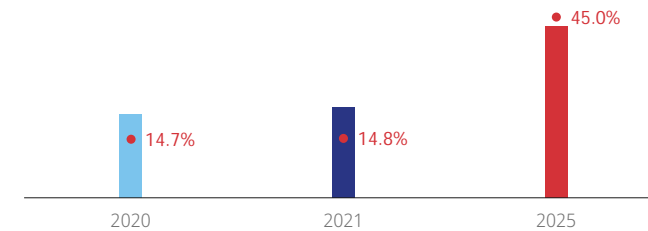


### Chiến lược hành động để đạt mục tiêu chống biến đổi khí hậu:

- > Sử dụng hiệu quả năng lượng
- > 100% điện năng được sản xuất từ năng lượng tái tạo;
- > 100% nguồn nguyên liệu tái chế
- > Các nhà cung ứng cũng tham gia thực hiện cam kết.

Để đạt được cam kết chống biến đổi khí hậu nói trên, vào tháng 4 năm 2021 các thương hiệu đã đưa ra cam kết nâng tỷ trọng sợi polyester tái chế trong tổng lượng polyester sử dụng từ 14,7% (năm 2020) lên 45% (năm 2025). Như vậy khối lượng sợi polyester recycle dự kiến sẽ tăng từ 8,37 triệu tấn (2020) lên 17,1 triệu tấn (2025).

### Sản lượng sợi tái chế toàn cầu (triệu tấn)



Nguồn: Textile Exchange

Tỷ trọng sợi tái chế chiếm 14,83% trong tổng lượng sợi tiêu thụ toàn cầu (113 triệu tấn) năm 2021, trong đó: sợi tái chế xơ dài chỉ chiếm gần 4%. Đây là cơ hội rất lớn để STK nâng tỷ trọng sợi tái chế trong tổng doanh thu trong những năm tới.

Để bảo vệ nguồn nước, các thương hiệu cũng cam kết không thải hóa chất độc hại ra môi trường theo sáng kiến của chương trình Zero Discharge Hazardous Chemical ("ZDHC"). Do đó, các sản phẩm giúp các thương hiệu cắt giảm việc tiêu thụ nước và hóa chất như sợi màu cũng sẽ có cơ hội phát triển.

Nhằm đảm bảo các yêu cầu về quyền con người, các quyền của người lao động như không phân biệt đối xử, không sử dụng lao động cưỡng bức, đảm bảo môi trường lao động an toàn, đảm bảo thời gian nghỉ ngơi, v.v, các thương hiệu tiến hành kiểm toán định kỳ các nhà cung ứng trong chuỗi của họ.

# Cơ hội và thách thức tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty

Những yếu tố chính từ ngành và thị trường tác động đến Sợi Thế Kỳ trong năm 2022 và dự báo cho năm 2023

↑ có tác động tích cực đến Công ty    ↓ có tác động tiêu cực đến Công ty    ↓↓ tiếp tục có tác động tiêu cực

Các yếu tố tác động	2022	2023	Ghi chú
Dự báo Nhu cầu tiêu thụ dệt may giảm ở các thị trường tiêu thụ hàng dệt may chủ chốt như Mỹ và EU do khủng hoảng năng lượng, lạm phát và suy thoái kinh tế.	↓	↓↓↓	Tăng trưởng GDP của Mỹ dự kiến đạt 1,6% năm 2022 và chỉ đạt 1% năm 2023. Tăng trưởng GDP Khu vực châu Âu được dự báo đạt 3,1% năm 2022 và giảm xuống còn 0,5% năm 2023.
Xu hướng sourcing gần chuỗi cung ứng (near-shoring) nhằm tiết giảm chi phí của các thương hiệu thời trang	↓	↓	
Phân khúc cao cấp vẫn được dự báo ít bị tác động bởi tình hình kinh tế sụt giảm.	↑	↑	
Xu hướng phát triển bền vững	↑	↑	Cam kết của các thương hiệu thời trang hàng đầu về chống biến đổi khí hậu. Sợi tái chế vẫn được các nhãn hàng chú trọng, nhu cầu tiêu thụ dự báo vẫn được duy trì.
Xu hướng tỷ giá đồng USD và mặt bằng lãi suất chung tăng cao	↓	↓↓↓	
Dịch Covid-19 vẫn có thể bùng phát ở châu Á do sự xuất hiện các biến chủng mới	↓	↓	
Ưu tiên chọn quốc gia để sourcing có các hiệp định thương mại về ưu đãi thuế, tình hình chính trị ổn định	↑	↑	Việt Nam đều thỏa mãn 2 yếu tố này nên vẫn được xem là nơi sourcing tốt nhất của các nhãn hàng ở châu Á.
Quyết định rà soát thuế chống bán phá giá của Cục phòng vệ thương mại Việt Nam đối với sợi nhập khẩu từ Trung Quốc	↑	↑	Góp phần ngăn chặn các hành vi phá giá của các doanh nghiệp sản xuất ở Trung Quốc

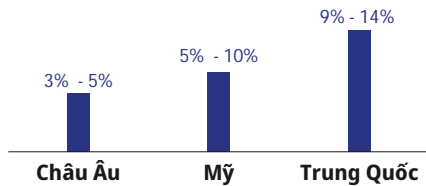
## Hành động của Sợi Thế Kỷ trước cơ hội và thách thức

### NHU CẦU TIÊU THỤ HÀNG DỆT MAY VÀ TIÊU DÙNG KHẢ DỤNG ĐƯỢC DỰ BÁO GIẢM TRONG NĂM 2023

Mặc dù lượng tiêu thụ được dự báo giảm và chi tiêu cho may mặc có phần được thắt chặt hơn, phân khúc trang phục thể thao cao cấp vẫn được đánh giá có nhiều tích cực trong năm 2023.

Sợi Thế Kỷ có khoảng 80% doanh thu là cung cấp các mặt hàng cao cấp cho các nhãn hàng thời trang lớn trên thế giới như Nike, Adidas, Fast Retailing (Uniqlo), Lululemon (thuộc top 20 tập đoàn có lợi nhuận lớn nhất thế giới). (Nguồn: McKinsey Global Fashion Index).

#### Dự báo tốc độ tăng trưởng của phân khúc cao cấp năm 2023



Nhờ vào mạng lưới khách hàng chuyên cung cấp cho các "ông lớn", STK có nhiều lợi thế để thúc đẩy hoạt động bán hàng và nâng cao biên lợi nhuận hơn các đối thủ cùng ngành khác; từ đó đặt mục tiêu phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao.

Nguồn: McKinsey Forecasts

### CÁC NHÃN HÀNG KHẮT KHE HƠN TRONG VIỆC LỰA CHỌN NƠI SOURCING

Việt Nam vẫn là quốc gia có nhiều ưu thế trong việc trở thành nơi sourcing cho các nhãn hàng.

- > Việt Nam có nhiều ưu đãi thuế quan, giúp giảm giá sản phẩm xuất khẩu sang các nước trong khu vực và các thị trường trọng điểm.
- > Chuỗi sản xuất dệt may của Việt Nam đang dần hoàn thiện với đầy đủ các khâu sợi, dệt nhuộm, may mặc, góp phần rút ngắn thời gian giao hàng, tăng khả năng linh hoạt để đáp ứng yêu cầu của các thương hiệu.
- > Việt Nam có nền chính trị tương đối ổn định và kiểm soát dịch bệnh tương đối tốt hơn so với các nước châu Á khác.
- > Các doanh nghiệp dệt may ở Việt Nam ngày càng chú trọng đến việc lồng ghép các yếu tố PTBV vào hoạt động kinh doanh của mình.

Nơi sourcing	Thời gian hoàn thành đơn hàng	Chi phí sourcing	Tính linh hoạt và nhanh chóng	Rủi ro tuân thủ về lao động xã hội	Rủi ro tuân thủ về môi trường
Hoa Kỳ	●	■	▲	●	●
Mexico	●	▲	▲	▲	▲
CAFTA-DR	▲	▲	▲	▲	▲
Trung Quốc	▲	▲	▲	■	■
<b>Việt Nam</b>	▲	●	▲	▲	▲
Bangladesh	■	●	▲	■	■
Indonesia	■	▲	▲	■	■
Ấn Độ	■	▲	▲	■	■
Srilanka	■	▲	▲	▲	▲
Cam-pu-chia	■	●	▲	■	■

● được đánh giá mức độ cao    ▲ được đánh giá mức độ trung bình    ■ được đánh giá mức độ thấp

Nguồn: US-FIA 2022 benchmarking study

Từ đó, có thể thấy Việt Nam nhìn chung được đánh giá cao nhất trong khu vực châu Á trên nền 05 yếu tố đánh giá.

# Chiến lược trung và dài hạn đến năm 2025

## Tăng cường nội lực và mở rộng thị phần

Đầu tư vào phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường: sợi tái chế, sợi màu, sợi đặc biệt khác...;

Kiên toàn hệ thống để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm;

Nâng cao trình độ kỹ năng cho cấp quản lý khối sản xuất nói riêng và người lao động nói chung;

Mở rộng công suất thêm 60.000 tấn/năm (Nhà máy Unitex)

Áp dụng tự động hóa và công nghệ thông tin để giảm bớt sự phụ thuộc vào thao tác thủ công và kinh nghiệm của người vận hành.

## Quản trị rủi ro hoạt động và rủi ro PTBV

Áp dụng cơ chế Kiểm toán nội bộ để kiểm soát rủi ro nhất là trong vận hành sản xuất và hệ thống giá thành..

Cải thiện chính sách phúc lợi, cơ chế thưởng-phạt, KPIs, điều kiện làm việc để thu hút và giữ chân người lao động lành nghề, có tinh thần trách nhiệm cao.

Thường xuyên nâng cao tay nghề, tăng cường đào tạo đến các đối tượng người lao động khác nhau.

Kiểm soát rủi ro từ môi trường, áp dụng triệt để các sáng kiến PTBV để tiết giảm lượng tiêu thụ năng lượng không tái tạo và nước sạch; áp dụng phương pháp LCA (Life Cycle Assessment) để đo lường mức độ gây tác động đến môi trường (phát thải khí CO<sub>2</sub> trên một kilogram sản phẩm).

Trong những năm vừa qua, Sợi Thế Kỳ là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực PTBV, được khách hàng và đối tác đánh giá cao ở các khía cạnh:

- > Sử dụng nguồn nguyên liệu từ chai nhựa đã qua sử dụng (Sợi tái chế);
- > Phát triển sợi màu để giảm thiểu lượng tiêu thụ nước sạch;
- > Lắp đặt và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái và có kế hoạch mở rộng công suất;
- > Tái chế lại sợi thứ cấp để giảm việc thải nhựa ra môi trường.

Xem thêm **Chiến lược phát triển bền vững**, mục **Báo cáo tác động môi trường, lao động, xã hội**, trang 64, **Báo cáo thường niên 2022**.

# Quản trị rủi ro

*Trong bối cảnh doanh nghiệp luôn đối mặt với những thách thức và nguy cơ không dự báo trước được của nền kinh tế vĩ mô và điều kiện kinh doanh, việc quản trị rủi ro càng trở nên quan trọng đối với sự tồn tại của doanh nghiệp và là điều kiện tiên quyết để chứng minh khả năng cải thiện hay xoay chuyển trong nghịch cảnh của doanh nghiệp đó*

Mục tiêu của quản trị rủi ro

**37**

Hệ thống quản trị rủi ro của STK

**38**

Xác định mức độ trọng yếu của rủi ro

**40**

Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu

**41**

Báo cáo kiểm toán nội bộ

**44**

## Mục tiêu của quản trị rủi ro

1

Nhận diện rủi ro từ bên ngoài và nội tại của Công ty, từ đó chủ động quản trị rủi ro, giảm thiểu thiệt hại và tận dụng các cơ hội đến từ nguy cơ, từ đó hoàn thiện quy trình hoạt động và sản xuất.

2

Đảm bảo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định, bền vững, duy trì được tốc độ tăng trưởng, hoàn thành được mục tiêu đã đề ra.

3

Phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm ở từng bộ phận trong việc quản trị rủi ro.

4

Xây dựng ý thức và văn hóa phòng ngừa và quản trị rủi ro hơn là giải quyết vấn đề.

### Mục tiêu quản trị rủi ro của Sợi Thế Kỷ

Trong năm 2022, STK đã thiết lập và ban hành **Quy chế kiểm toán nội bộ** đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn để kiểm toán nội bộ hoạt động của doanh nghiệp, từ đó làm cơ sở để đánh giá tổng quan về những rủi ro hiện hữu và tiềm ẩn.

Quản trị rủi ro hiệu quả có tầm quan trọng đối với việc thực hiện mục tiêu chiến lược và phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh của mình.

Rủi ro trong phát triển bền vững là khi rủi ro xuất hiện về môi trường, xã hội hoặc quản trị có thể gây tác động tiêu cực nghiêm trọng tiềm ẩn hoặc hiện hữu đối với giá trị của các khoản đầu tư. Chúng ta thường xuyên phải đối mặt với những điều kiện kinh doanh không thuận lợi nhưng với một chính sách quản trị rủi ro hiệu quả có thể giúp cho doanh nghiệp có khả năng để ứng phó, giảm thiểu rủi ro và phát hiện cơ hội từ những rủi ro đó.

Mặc dù trong năm 2022 có nhiều thách thức như nền kinh tế phục hồi chậm sau đại dịch Covid-19, lạm phát - tỷ giá và lãi suất tăng cao và sự thiếu hụt nguồn nhân lực ngành dệt may, Công ty vẫn thể hiện được sức mạnh nội tại bền bỉ và duy trì được lợi nhuận một cách tương đối.

# Hệ thống quản trị rủi ro của STK



## Ba hàng phòng vệ trong quản trị rủi ro tại Sợi Thế Kỷ

### 1 TGD & quản lý các phòng ban

- > Xây dựng ma trận rủi ro cho từng bộ phận và toàn Công ty.
- > Đánh giá và xếp hạng rủi ro sau khi đã được nhận diện theo mức độ ảnh hưởng đến Công ty.
- > Đưa ra những cải tiến nhằm hạn chế rủi ro trong từng hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

### 2 Ban kiểm toán nội bộ

Xem xét những cơ chế quản trị rủi ro của các phòng ban, từ đó xây dựng nên các chỉ tiêu để làm cơ sở đánh giá. Theo dõi, rà soát hoạt động có đúng như những chỉ tiêu đã đề ra hay không. Kịp thời ngăn chặn và xử lý khi có sai phạm, hoặc các nguy cơ có thể xảy ra.

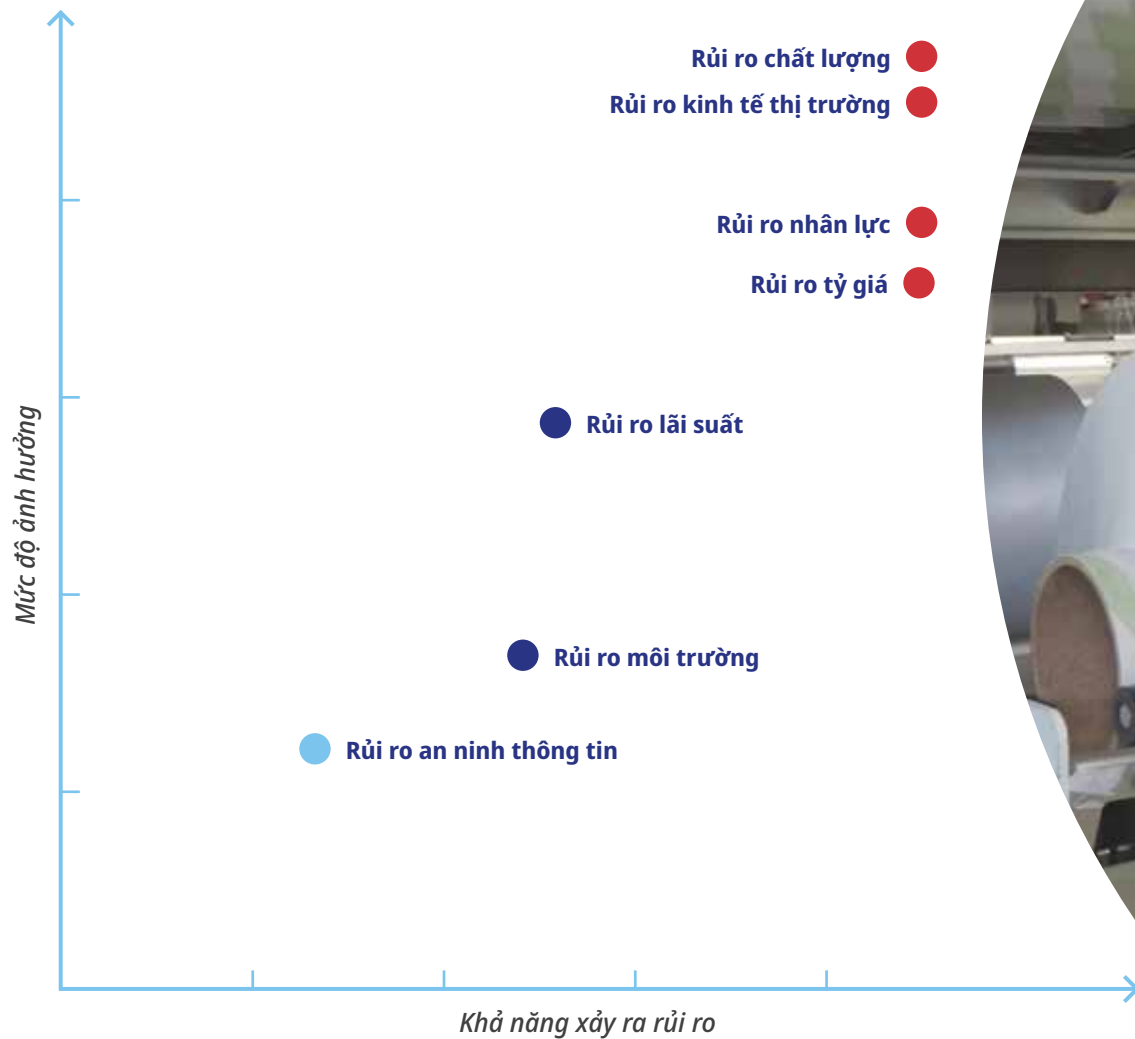
### 3 Ban kiểm soát

- > Đánh giá hoạt động của ban kiểm soát nội bộ có hiệu quả và kịp thời hay không.
- > Đưa ra những giải pháp cải tiến, hoàn thiện cơ chế quản trị rủi ro.



## Xác định mức độ trọng yếu của rủi ro

Thông qua hoạt động của các phòng ban, Ban điều hành và đơn vị kiểm toán nội bộ đã lập ra ma trận rủi ro và đánh giá, xếp hạng theo mức độ trọng yếu của rủi ro đối với Sợi Thế Kỳ.



# Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu

## Rủi ro giá cả

Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<p>Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng sản phẩm dệt may có tác động lớn đến giá cả;</p> <p>Biến động giá cả nguyên vật liệu trên thị trường hàng hóa (giá dầu) có thể gây ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp.</p>	<p>Theo dõi các yếu tố vĩ mô để dự đoán xu hướng nền kinh tế, ngành dệt may.</p> <p>Tích cực phát triển các khách hàng mới và thị trường mới.</p> <p>Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để giữ chân khách hàng thân thiết.</p> <p>Chú trọng công tác nghiên cứu phát triển để ra những sản phẩm có tính năng kỹ thuật đặc biệt được các thương hiệu thời trang thể thao ưa dùng.</p> <p>Đa dạng hóa nhà cung cấp và danh mục khách hàng cũng như cơ chế khớp hợp đồng mua nguyên liệu với hợp đồng bán thành phẩm nhằm duy trì được biên lợi nhuận giữa giá bán thành phẩm và giá mua hạt nhựa polyester chip.</p>
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	<b>Phòng kinh doanh và Phòng thu mua</b>
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023	<b>Tăng</b>

## Rủi ro cạnh tranh

Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<p>Xu hướng dịch chuyển sản xuất dệt may từ Trung Quốc và các quốc gia khác như Hàn Quốc và Đài Loan sang Việt Nam cùng với làn sóng đầu tư để đón cơ hội từ FTA sẽ dẫn đến sự cạnh tranh lớn hơn trong ngành sản xuất sợi.</p> <p>Các đối thủ chuyển sang phân khúc cao cấp hoặc sản xuất sợi tái chế.</p>	<p>Tăng cường lợi thế cạnh tranh về giá và chất lượng;</p> <p>Thiết lập các rào cản về công nghệ, quản lý chất lượng, quản lý sản xuất, nhãn hiệu để tạo sự khác biệt trong chất lượng sản phẩm.</p>
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	<b>Phòng kinh doanh và Quản lý nhà máy</b>
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023	<b>Không đổi</b>

## Rủi ro bị kiện chống bán phá giá

Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<p>Trong bối cảnh tự do hóa Thương mại hiện nay, các biện pháp phòng vệ thương mại (như kiện bán phá giá, kiện chống trợ cấp) thường được chính phủ các nước nhập khẩu áp dụng để bảo vệ nền sản xuất nội địa của nước họ.</p> <p>Các yêu cầu áp dụng các biện pháp phòng vệ Thương mại này của các nhà sản xuất nội địa đôi khi rất phi lý và để bác bỏ các yêu cầu phi lý đó đòi hỏi nhiều công sức và thời gian.</p>	<p>Áp dụng chính sách giá cả hợp lý cho thị trường xuất khẩu và nội địa và có hệ thống báo cáo đầy đủ để có thể chứng minh là STK không bán phá giá.</p> <p>Đa dạng hóa thị trường, không tập trung doanh thu quá nhiều vào 1 thị trường.</p>
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	<b>Phòng xuất nhập khẩu, Phòng kinh doanh</b>
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023	<b>Duy trì</b>

## Rủi ro chất lượng sản phẩm

Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<p>Chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu của Công ty, chất lượng không đạt sẽ ảnh hưởng lớn đến khách hàng, dẫn đến việc Công ty bị khiếu nại hoặc bồi thường thiệt hại, bị mất khách hàng, mất đơn hàng.</p> <p>Chất lượng nguyên liệu đầu vào chính và các nguyên liệu phụ cũng có thể tác động đến chất lượng sản phẩm.</p>	<p>Công ty thiết lập các quy trình, cơ chế kiểm soát chéo chất lượng ở từng khâu sản xuất.</p> <p>Nâng cao tay nghề, kỹ năng tác nghiệp cho người lao động;</p> <p>Đa dạng hóa nhà cung cấp nguyên vật liệu;</p> <p>Đánh giá chất lượng nhà cung cấp định kỳ.</p> <p>Nâng cấp nền tảng công nghệ, tự động hóa ở một số khâu sản xuất để giảm bớt thao tác thủ công.</p>
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	<b>Khối sản xuất và Phòng thu mua</b>
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023	<b>Tăng</b>

# Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu (tiếp theo)

## Rủi ro chất lượng nguồn nhân lực

Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<p>Nguồn nhân lực không đủ hoặc không đủ năng lực cũng gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất-kinh doanh nhất là cấp quản lý cấp trung và cấp cơ sở.</p> <p>Dịch bệnh có tính lây lan cao có thể hạn chế người lao động làm việc.</p> <p>Môi trường làm việc không tích cực, phúc lợi xã hội không đầy đủ có thể làm tăng tỷ lệ nghỉ việc.</p>	<p>Chú trọng tuyển dụng nguồn lao động, đào tạo, huấn luyện phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu công việc.</p> <p>Đảm bảo các chính sách lương thưởng, phúc lợi, chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.</p> <p>Tập trung vào công tác đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa.</p>
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	<b>Phòng nhân sự và Phòng tổng vụ</b>
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023	<b>Tăng</b>

## Rủi ro đứt gãy và thiếu hụt nguồn cung ứng

Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<p>Dịch bệnh, thảm họa thiên nhiên, thiếu hụt nguồn cung, chậm trễ trong khâu hậu cần, hay trục trặc về chất lượng của nhà cung cấp có thể dẫn đến việc thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty</p>	<p>Công ty luôn duy trì ít nhất 3 nhà cung ứng cho mỗi một loại nguyên liệu, linh kiện.</p> <p>Trong trường hợp có rủi ro bị đứt gãy nguồn cung do dịch bệnh, thảm họa thiên nhiên thì Công ty sẽ đặt hàng sớm hơn, nhiều hơn để đảm bảo đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất trong thời gian tới</p> <p>Nhờ vào chính sách đa dạng nhà cung ứng nhất là đối với NVL nhập khẩu, Công ty luôn tìm kiếm các nhà cung ứng có vị trí địa lý khác nhau để giảm bớt rủi ro thiếu hụt nguồn NVL.</p>
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	<b>Phòng thu mua</b>
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023	<b>Giảm</b>

## Rủi ro biến động tỷ giá

Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<p>Tỷ giá biến động có thể gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.</p> <p>Tỷ giá tăng lên sẽ làm tăng lỗ tỷ giá chưa thực hiện, làm giảm lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp; đồng thời làm chi phí lãi vay cũng tăng lên do Công ty sử dụng nợ vay chủ yếu bằng đồng Đô-la Mỹ.</p>	<p>50% Doanh thu là Doanh thu xuất khẩu nên Công ty vẫn có dòng tiền thu vào bằng đồng Đô-la Mỹ.</p> <p>Trong trường hợp lỗ tỷ giá chưa thực hiện tăng lên, vì đây là khoản dự phòng cho nên không ảnh hưởng kết quả kinh doanh của Công ty trên thực tế.</p>
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	<b>Phòng kinh doanh và Phòng tài chính kế toán</b>
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023	<b>Tăng</b>

## Rủi ro tuân thủ

Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<p>Việc công ty không tuân thủ các quy định và thông lệ tốt nhất liên quan đến quản trị doanh nghiệp, thương mại, thuế, kế toán, tài chính, xuất nhập khẩu, môi trường, lao động có thể dẫn đến việc Công ty bị phạt, kiện tụng, danh tiếng bị hủy hoại, khách hàng, người lao động, đối tác, nhà cung cấp, cổ đông và ngân hàng quay lưng.</p>	<p>Các bộ phận phụ trách chuyên môn của Công ty phải thường xuyên cập nhật các quy định và thông lệ mới vào quy chế hoạt động có liên quan của Công ty.</p> <p>Trường các bộ phận có trách nhiệm chủ động cập nhật và tìm hiểu, từ đó huấn luyện và đào tạo cấp dưới để nắm bắt các quy định mới cần thiết, làm cơ sở cho việc thay đổi quy trình chính sách kịp thời.</p>
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	<b>Phòng tổng vụ, Phòng kinh doanh, Tài chính-Kế toán, Xuất nhập khẩu</b>
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023	<b>Không đổi</b>



## Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu (tiếp theo)

### Rủi ro về môi trường

Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<p>NVL chính của STK là PET chip- là chế phẩm của dầu mỏ- và NVL phụ là ống giấy và thùng giấy là những sản phẩm mà việc sản xuất có thể gây ô nhiễm môi trường và suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chính vì thế, các qui định và chính sách trên thế giới về môi trường đặc biệt là về vấn đề khai thác dầu mỏ và tài nguyên rừng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn cung của các nguyên vật liệu này, qua đó gây tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của STK.</p> <p>Trong quá trình sản xuất và hoạt động của Công ty có thể gây ra tác động đến môi trường như các chất thải rắn và lỏng, khí thải, nước thải, tiếng ồn và bụi; việc sử dụng điện năng liên tục 24 tiếng/ngày cũng có thể gây tăng lượng khí thải nhà kính ra môi trường.</p>	<p>STK đã thực hiện nghiên cứu phát triển các loại sản phẩm mới như sợi Recycled (sử dụng Recycled PET chip được tái chế từ các chai nhựa polyester để giảm thiểu khai thác dầu mỏ), sợi màu (giảm lượng nước sử dụng và không dùng đến các hóa chất độc hại) và phối hợp với đơn vị cung ứng để nâng cao chất lượng sản phẩm ống giấy POY để có thể tái sử dụng lại nhiều lần (qua đó hạn chế việc khai thác rừng).</p> <p>Công ty đang vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái với công suất 10,5MWp, giúp tiết kiệm lượng tiêu thụ điện năng, giảm khí thải CO<sub>2</sub>.</p> <p>Đối với nước thải: có hệ thống thu gom nước thải để xử lý trước khi đưa vào mạng lưới xử lý nước thải của Khu công nghiệp.</p> <p>Đối với chất thải độc hại và không độc hại: phân loại và thu gom tập trung tại nơi quy định cho từng loại chất thải.</p> <p>Đối với tiếng ồn và bụi: Công ty sử dụng các máy móc tân tiến, hiện đại, có bộ phận chứa bụi và giảm tiếng ồn, giảm tối đa tác động đến môi trường.</p> <p>Biện pháp phòng chống cháy nổ, phòng ngừa sự cố môi trường: Thực hiện lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy; thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh hiện tượng chập điện xảy ra; thành lập đội phòng cháy chữa cháy; định kỳ tập huấn và thực hành thao tác phòng cháy chữa cháy theo quy định. Khi có sự cố xảy ra, ngắt điện kịp thời trong và ngoài khu vực cơ sở; thông báo cho lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên ngành tại địa phương để được kịp thời hỗ trợ và ngăn chặn đám cháy lây lan.</p> <p>Công ty còn đưa ra các cam kết, ban hành Sổ tay môi trường và các chính sách hướng dẫn quản lý và sử dụng hóa chất độc hại để giảm thiểu tối đa các tác động xấu của quá trình sản xuất kinh doanh đến môi trường xung quanh.</p>
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	<b>Phòng tổng vụ, Phòng thu mua, Phòng Cơ điện và Khối sản xuất</b>
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2023	<b>Không đổi</b>

## Báo cáo kiểm toán nội bộ

Trong năm 2022, Công ty đã phối hợp đơn vị kiểm toán độc lập để hình thành chức năng kiểm toán nội bộ.

Bước đầu, đơn vị kiểm toán đã đánh giá mức độ rủi ro toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp, xác định bộ phận có độ rủi ro cao nhất để tiến hành kiểm toán nội bộ.

Cụ thể:

**ĐƠN VỊ SẢN XUẤT  
POY**



**TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN**



**NHÂN SỰ**

### Các công việc đã thực hiện

1

Rà soát quy trình hiện hữu để phát hiện những điểm chưa phù hợp, từ đó đề xuất điều chỉnh để hạn chế rủi ro trong quá trình vận hành

Hỗ trợ Ban điều hành thiết lập các chốt kiểm soát quan trọng để có thể phát hiện được rủi ro kịp thời.

2

3

Tái kiểm tra và đánh giá rủi ro sau khi đã tiếp nhận ý kiến của kiểm toán nội bộ, từ đó đề ra kế hoạch theo dõi rủi ro trong tương lai, hỗ trợ Ban điều hành hoàn thiện cơ chế kiểm soát chéo, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.

4

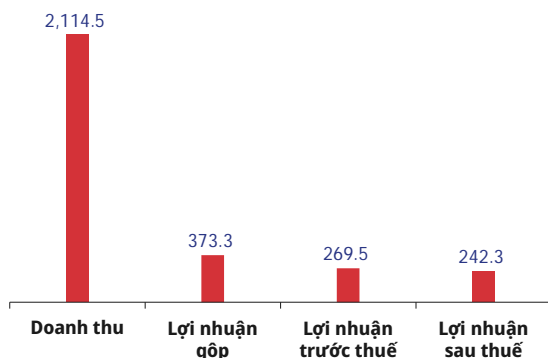
Lập kế hoạch và mở rộng phạm vi kiểm toán nội bộ cho các đơn vị khác trong năm 2023.

# **Báo cáo** **hoạt động** **sản xuất** **kinh doanh** **của Ban** **điều hành**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022	<b>46</b>
Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	<b>52</b>
Dự báo kết quả kinh doanh năm 2023	<b>57</b>
Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán	<b>57</b>
Phát triển nguồn nhân lực	<b>58</b>

# Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

## Kết quả kinh doanh hợp nhất toàn Công ty năm 2022 (tỷ đồng)



Doanh thu thuần hợp nhất năm 2022 của Công ty đạt 2.114,5 tỷ đồng, tăng 3,5% so với cùng kỳ. Mặc dù năm 2022 ghi nhận nhu cầu giảm do nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm nhưng Công ty vẫn đẩy mạnh chiến lược bán hàng linh hoạt, phát triển đơn hàng và khách hàng mới và thu hút các đơn hàng sợi tái chế và có giá trị gia tăng cao. Vì vậy mặc dù doanh số sợi nguyên sinh giảm 6,8% so với năm 2021, doanh số bán sợi tái chế chỉ giảm 3,4%; Nhờ giá bán sản phẩm tăng 9,5% so với năm 2021 nên đã phần

nào bù đắp được sự sụt giảm doanh số bán., theo đó doanh thu năm 2022 vẫn tăng nhẹ so với năm 2021.

Tuy nhiên do áp lực cạnh tranh nên giá sợi nguyên sinh tăng (6,2%) thấp hơn tốc độ tăng giá của nguyên vật liệu chính (hạt nhựa PET nguyên sinh tăng 23,4% so với năm 2021). Mặc dù lợi nhuận gộp của mảng sợi tái chế tăng 37% nhưng không đủ để bù đắp sự sụt giảm lợi nhuận của sợi nguyên sinh cũng như sụt giảm doanh số bán nói chung. Vì vậy tổng lợi nhuận gộp đạt 373,3 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,3% so với cùng kỳ.

Tỷ giá VND/USD năm 2022 đã tăng đột biến 9,7% trong giai đoạn tháng 9/2022 - tháng 10 hay tháng 11/2022, và tăng 3,4% so với năm 2021 làm chi phí tài chính của Công ty tăng hơn 5 lần so với cùng kỳ, kéo theo Lợi nhuận trước thuế đã giảm 5,7% và Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đã giảm 13% so với cùng kỳ 2021.

Trong năm 2022, Công ty vẫn kiên định với chiến lược phát triển thị trường và sản phẩm mới. Số lượng khách hàng mới đã phát triển trong năm 2022 là 54 đối tượng. Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa, tỷ trọng doanh thu ở thị trường nội địa chiếm 68% năm 2022 trong khi năm 2021 tỷ trọng này đạt 62%.

Tỷ trọng sợi tái chế năm 2022 đạt 52% trên doanh thu, giá bán trung bình sợi tái chế tăng 12% so với cùng kỳ. Đây là kết quả của sự nỗ lực không ngừng của Ban điều hành và đội ngũ kinh doanh trong việc duy trì lợi nhuận bền vững của mảng sợi tái chế.

Năm 2022	Sợi nguyên sinh	Sợi tái chế
Tỷ trọng trên doanh thu (%)	48%	52%

## Tình hình thực hiện so với cùng kỳ

### KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT:

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	+/- %
Doanh thu thuần	2.114,5	2.042,4	3,5%
Lợi nhuận gộp	373,3	374,5	-0,3%
Biên lợi nhuận gộp (%)	17,7%	18,3%	-0,7%
Lợi nhuận trước thuế	269,5	285,7	-5,7%
Lợi nhuận sau thuế	242,3	278,5	-13,0%

### KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	+/- %
Doanh thu thuần	2.114,5	2.042,4	3,5%
Lợi nhuận gộp	373,3	374,5	-0,3%
Biên lợi nhuận gộp (%)	17,7%	18,3%	-0,7%
Lợi nhuận trước thuế	273,3	286,2	-4,5%
Lợi nhuận sau thuế	246,1	278,9	-11,8%

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2022 hợp nhất toàn Công ty đạt 2.114,5 tỷ đồng, tăng 3,5% so với cùng kỳ. Trong đó giá bán bình quân tăng 9,5% và sản lượng tiêu thụ năm 2022 giảm 5,4% so với năm 2021.

Các chỉ tiêu lợi nhuận năm 2022 đều giảm so với năm 2022 nguyên nhân chủ yếu là do giá vốn bán tăng 4,5% và tỷ giá VND/USD tăng dẫn đến chi phí tài chính tăng do trích lập dự phòng lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng từ nợ vay ngắn hạn và các khoản trả trước bằng ngoại tệ.

## Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022	Dự báo năm 2022	Thực hiện /Dự báo
Doanh thu thuần	2.114,5	2.605,7	81,1%
Lợi nhuận trước thuế	269,5	340,3	79,2%
Lợi nhuận sau thuế	242,3	300,3	80,7%

Doanh thu năm 2022 không đạt Dự báo ban đầu nguyên nhân là do sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 81% so với kế hoạch đặt ra năm 2022; chủ yếu là do các nhân hàng thời trang giảm lượng hàng tồn kho và nhu cầu tiêu dùng sụt giảm trên thế giới.

Chi phí tài chính vượt kế hoạch khá lớn, mặc dù chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp thấp hơn so với kế hoạch. Do đó, Lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều không đạt Dự báo, lần lượt chỉ đạt 79,2% và 80,7%.

## Tình hình tài chính

### TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ CỦA CÔNG TY MẸ NĂM 2022 SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ NĂM 2021

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2022	2021	%tăng/giảm	2022	2021	%tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	2.125,0	1.971,1	7,8%	2.124,5	1.969,9	7,8%
Doanh thu thuần	2.114,5	2.042,4	3,5%	2.114,5	2.042,4	3,5%
Lợi nhuận gộp	373,3	374,5	-0,3%	373,3	374,5	-0,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	270,7	285,2	-5,1%	274,5	285,6	-3,9%
Lợi nhuận khác	(1,24)	0,56		(1,24)	0,60	
Lợi nhuận trước thuế	269,5	285,7	-5,7%	273,3	286,2	-4,5%
Lợi nhuận sau thuế	242,3	278,5	-13,0%	246,1	278,9	-11,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	15%		15%	15%	



## CƠ CẤU NGUỒN VỐN HỢP NHẤT VÀ CỦA CÔNG TY MẸ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2022	31/12/2021	+/-%	31/12/2022	31/12/2021	+/-%
<b>Nợ phải trả</b>	<b>583,9</b>	<b>712,1</b>	<b>-18,0%</b>	<b>579,4</b>	<b>710,8</b>	<b>-18,5%</b>
<b><i>Nợ ngắn hạn</i></b>	<b><i>583,7</i></b>	<b><i>711,9</i></b>	<b><i>-18,0%</i></b>	<b><i>579,2</i></b>	<b><i>710,5</i></b>	<b><i>-18,5%</i></b>
Phải trả người bán ngắn hạn	219,8	291,4	-24,6%	215,3	290,0	-25,8%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8,8	41,6	-78,9%	8,8	41,6	-78,9%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3,6	11,8	-69,8%	3,6	11,8	-69,8%
Phải trả người lao động	24,6	26,6	-7,5%	24,6	26,6	-7,5%
Chi phí phải trả ngắn hạn	6,4	8,3	-22,0%	6,4	8,3	-22,0%
Phải trả ngắn hạn khác	6,7	6,2	6,8%	6,7	6,2	6,8%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	308,1	321,3	-4,1%	308,1	321,3	-4,1%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,7	4,6	24,4%	5,7	4,6	24,4%
<b><i>Nợ dài hạn</i></b>	<b><i>0,3</i></b>	<b><i>0,3</i></b>	<b><i>-3,3%</i></b>	<b><i>0,3</i></b>	<b><i>0,3</i></b>	<b><i>-3,3%</i></b>
Phải trả dài hạn khác						
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Dự phòng phải trả dài hạn	0,3	0,3	-3,3%	0,3	0,3	-3,3%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.541,1</b>	<b>1.259,0</b>	<b>22,4%</b>	<b>1.545,0</b>	<b>1.259,2</b>	<b>22,7%</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	843,6	707,3	19,3%	843,6	707,3	19,3%
Thặng dư vốn cổ phần	40,8	35,1	16,3%	40,8	35,1	16,3%
Cổ phiếu quỹ	(42,4)	(42,4)		(42,4)	(42,4)	
Quỹ đầu tư phát triển	1,2	1,2		1,2	1,2	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	697,8	557,8	25,1%	701,8	558,0	25,8%
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.125,0</b>	<b>1.971,1</b>	<b>7,8%</b>	<b>2.124,5</b>	<b>1.969,9</b>	<b>7,8%</b>

Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn. Trong năm 2022, không có khoản nợ nào quá hạn.

## CƠ CẤU TÀI SẢN HỢP NHẤT VÀ CỦA CÔNG TY MẸ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2022	31/12/2021	+/-%	31/12/2022	31/12/2021	+/-%
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1.200,0</b>	<b>986,2</b>	<b>21,7%</b>	<b>1.085,3</b>	<b>983,4</b>	<b>10,4%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	235,3	366,2	-35,8%	92,0	366,1	-74,9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	180,0			130,0		
Các khoản phải thu ngắn hạn	226,0	87,0	159,7%	315,5	92,2	242,2%
Hàng tồn kho	466,1	471,5	-1,1%	466,1	471,5	-1,1%
Tài sản ngắn hạn khác	92,5	61,5	50,5%	81,7	53,6	52,5%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>925,1</b>	<b>984,9</b>	<b>-6,1%</b>	<b>1.039,2</b>	<b>986,5</b>	<b>5,3%</b>
Các khoản phải thu dài hạn		11,3			11,3	
Tài sản cố định	730,6	806,7	-9,4%	730,6	806,7	-9,4%
Tài sản dở dang dài hạn	40,9	24,2	69,3%	11,0	23,8	-54,0%
Đầu tư tài chính dài hạn	13,8	6,1	126,3%	235,9	86,1	174,0%
Tài sản dài hạn khác	139,8	136,6	2,3%	61,7	58,6	5,4%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.125,0</b>	<b>1.971,1</b>	<b>7,8%</b>	<b>2.124,5</b>	<b>1.969,9</b>	<b>7,8%</b>

## THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Hợp nhất		Công ty mẹ	
	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0,78	6,50	0,78	6,50
Thuế thu nhập cá nhân	0,49	0,11	0,49	0,11
Thuế giá trị gia tăng	2,31	5,20	2,31	5,20
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,57</b>	<b>11,81</b>	<b>3,57</b>	<b>11,81</b>

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp,... theo các quy định của Nhà nước.

## TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

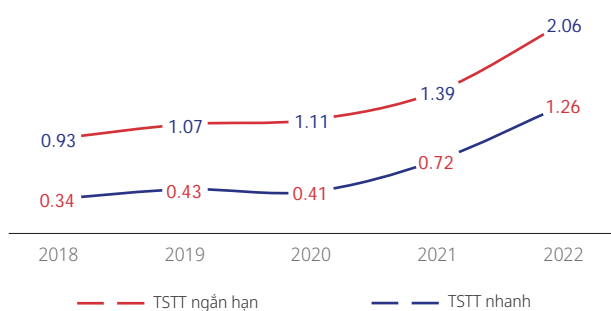
Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Các quỹ trích lập (tỷ đồng)	2022	2021
Quỹ đầu tư và phát triển	1,219	1,219

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị	Hợp nhất			Công ty mẹ		
		2022	2021	+/-	2022	2021	+/-
<b>Khả năng thanh toán</b>							
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,06	1,39	0,67	1,87	1,38	0,49
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,26	0,72	0,53	1,07	0,72	0,35
<b>Cơ cấu vốn</b>							
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,20	0,26	(0,06)	0,20	0,26	(0,06)
Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,14	0,16	(0,02)	0,15	0,16	(0,02)
<b>Năng lực hoạt động</b>							
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	3,71	3,64	0,07	3,71	3,64	0,07
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,00	1,04	(0,04)	1,00	1,04	(0,04)
<b>Tỷ suất sinh lời</b>							
Lợi nhuận từ HĐKD trên doanh thu thuần	%	12,80%	13,96%	-1,16%	12,80%	13,96%	-1,16%
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	11,46%	13,63%	-2,18%	11,64%	13,66%	-2,18%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	11,40%	14,13%	-2,73%	11,58%	14,16%	-2,73%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	15,72%	22,12%	-6,40%	15,93%	22,15%	-6,40%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	3.341	4.084				

## CHỈ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

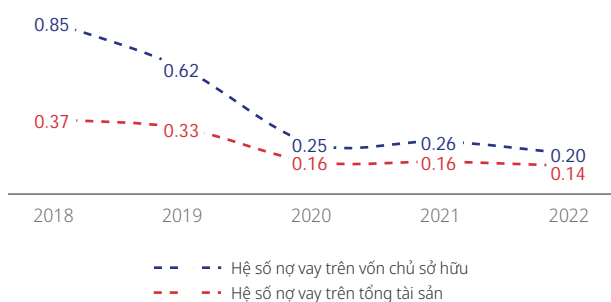


Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2022 đạt 2,06 lần, thể hiện tài sản ngắn hạn đủ để tài trợ cho nợ ngắn hạn.

Hệ số thanh toán nhanh năm 2022 cũng tăng so với năm 2021, do tài sản ngắn hạn tăng 21,7% trong khi nợ ngắn hạn giảm 18% so với năm 2021.

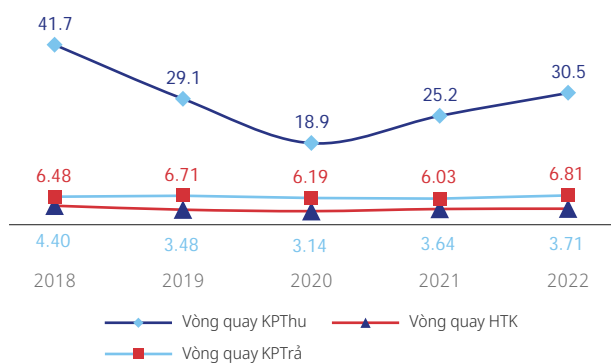
Công ty chú trọng việc quản lý nợ phải trả do đó Hệ số thanh toán năm 2022 đều tốt hơn năm 2021.

## CƠ CẤU VỐN



Trong năm 2022 Công ty đã chủ động giảm nợ vay ngắn hạn nhất là trong bối cảnh lãi suất và tỷ giá tăng cao giúp hạn chế rủi ro và đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.

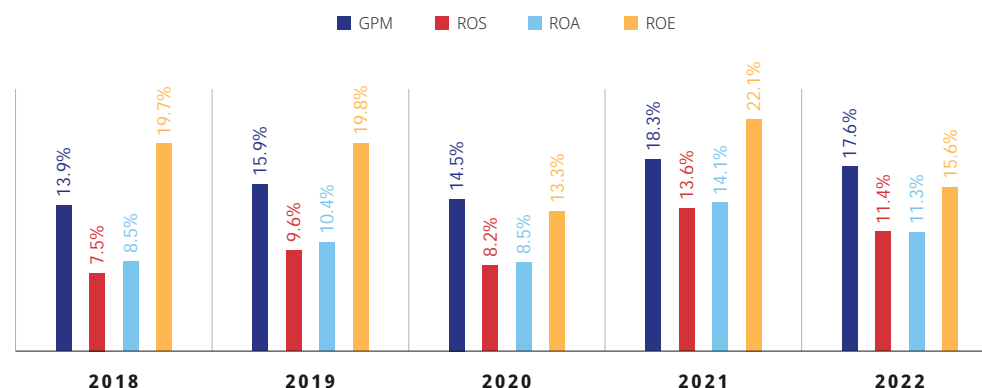
## CHỈ SỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Các chỉ số năng lực hoạt động của Công ty năm 2022 đều tăng so với năm 2021.

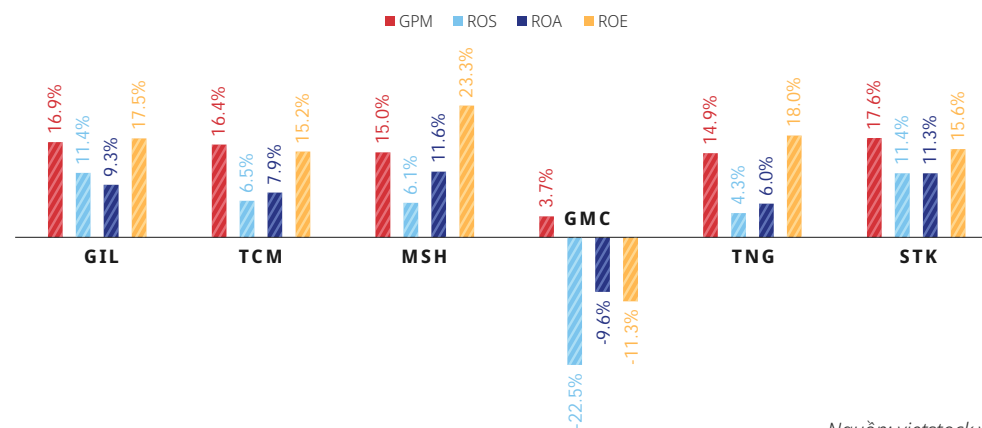
- > Vòng quay khoản phải thu của Công ty đạt 30,5 lần.
- > Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 3,64 lần lên 3,71 lần.
- > Vòng quay khoản phải trả giảm còn 6,81 lần.

## TỶ SUẤT SINH LỜI



Do lợi nhuận sau thuế năm 2022 giảm so với cùng kỳ 2021, cho nên các chỉ số sinh lời đều giảm nhẹ so với năm 2021.

## SO SÁNH TỶ SUẤT SINH LỜI CỦA STK VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NỔI YẾU CÙNG NGÀNH NĂM 2022



Nguồn: vietstock.vn

# Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

## Danh sách Ban điều hành



### Bà Nguyễn Phương Chi

*Giám đốc Chiến lược, Người phụ trách quản trị Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin*

Năm sinh: 1972

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng

Quá trình làm việc:

- 1/2015-nay: Giám đốc Chiến lược, STK
- 3/2008-12/2014: Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.
- 4/2005-2/2008: Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.
- 10/2004-2/2005: Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông ("MPDF").
- 10/2002-10/2004: Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd.
- 3/1997-3/2000: Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: **0,014%**



### Ông Đặng Triệu Hòa

*Tổng giám đốc*

Năm sinh: 1969

Trình độ học vấn: Quản trị kinh doanh

Quá trình làm việc:

- 02/2020 - nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- 06/2000 - 02/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.
- 1995 - 2000: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.
- 1991 - 1995: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: **13,87%**



### Ông Phan Như Bích

*Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng*

Năm sinh: 1970

Trình độ học vấn: MBA

Quá trình làm việc:

- 10/2016 - nay: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK
- 11/2010: Kế toán trưởng, STK.
- 03/2004 - 03/2010: Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May - Đầu tư - Thương Mại Thành Công.
- 1997 - 03/2004: Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: **0,0085%**

## Đánh giá chung của Ban điều hành

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022	So sánh với thực hiện năm 2021	% đạt Dự báo KQKD năm 2022
Doanh thu thuần	2.114,5	3,5%	81,1%
Lợi nhuận trước thuế	269,5	-5,7%	80,3%
Lợi nhuận sau thuế	242,3	-13,0%	81,9%

### Kết quả đã đạt được

Mặc dù tình hình kinh doanh trở nên chậm lại vào nửa cuối năm 2022, Doanh thu cả năm 2022 vẫn tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Tình hình tài chính ổn định, tỷ lệ nợ vay/vốn chủ sở hữu khá thấp.

Công ty nỗ lực giải phóng hàng tồn kho, hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm 2022 bằng sản lượng sản xuất 1 tháng.

Công ty kiểm soát tốt chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, năm 2022 hai loại chi phí này giảm lần lượt 28% và 10% so với năm 2021.

### Điểm chưa đạt được

Mặc dù Doanh thu tăng trưởng so với cùng kỳ nhưng Lợi nhuận trước thuế vẫn giảm 5,7% và Lợi nhuận sau thuế giảm 13% so với năm 2021.

Các chỉ tiêu kinh doanh vẫn chưa đạt Dự báo KQKD năm 2022, chỉ đạt 80-81% so với kế hoạch dự kiến từ đầu năm.

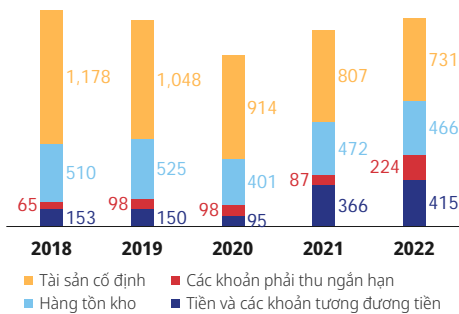
## Cơ cấu tài sản - nguồn vốn hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng	Tỷ trọng năm 2022	2022	2021	+/-
Tài sản ngắn hạn	56,5%	1.200,0	986,2	21,7%
Tài sản dài hạn	43,5%	925,1	984,9	-6,1%
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>100%</b>	<b>2.125,0</b>	<b>1.971,1</b>	<b>7,8%</b>
Nợ phải trả	27,5%	583,9	712,1	-18,0%
Nợ ngắn hạn	27,5%	583,7	711,9	-18,0%
Nợ dài hạn	0,0%	0,27	0,28	-3,3%
Vốn chủ sở hữu	72,5%	1.541,1	1.259,0	22,4%
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>100,0%</b>	<b>2.125,0</b>	<b>1.971,1</b>	<b>7,8%</b>

### TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG TÀI SẢN HỢP NHẤT

Tổng tài sản năm 2022 tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong năm 2022, Công ty không ghi nhận tăng thêm tài sản cố định.

#### Tình hình tăng trưởng tài sản (Tỷ đồng)

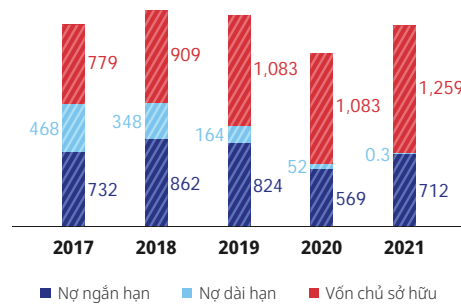


### TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG NGUỒN VỐN HỢP NHẤT

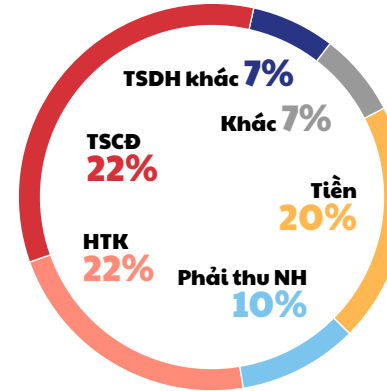
Nợ ngắn hạn năm 2022 giảm 18% so với cùng kỳ. Trong năm Công ty không vay nợ dài hạn.

Vốn chủ sở hữu tăng 22,4% do Công ty nhận thêm vốn góp cổ phần từ cổ đông.

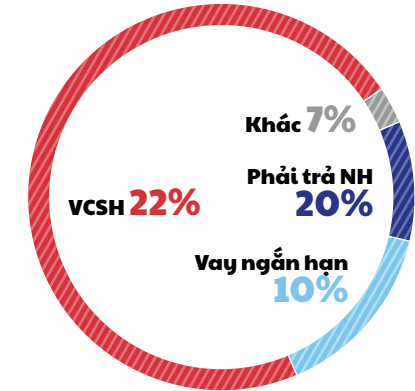
#### Tình hình tăng trưởng nguồn vốn (Tỷ đồng)



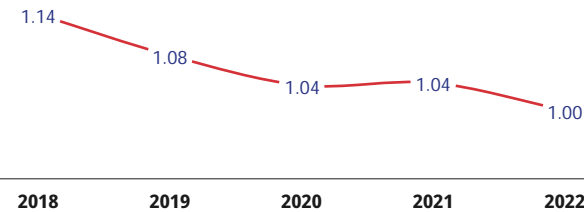
### Cơ cấu tài sản năm 2022



### Cơ cấu nguồn vốn năm 2022



### Hiệu suất sử dụng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)



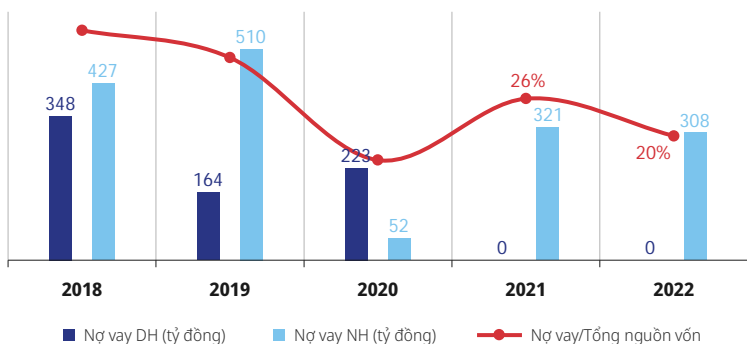
Hiệu suất sử dụng tài sản năm 2022 đạt 1 lần, chỉ số này lớn hơn 1 chứng tỏ Công ty sử dụng tài sản hiệu quả để tạo ra doanh thu.

### TÌNH HÌNH NỢ PHẢI THU XẤU, TÀI SẢN XẤU

Tình hình nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong năm: Không có.

## Đánh giá tình hình vay nợ

Tỷ trọng nợ vay (hợp nhất) trên tổng nguồn vốn (Tỷ đồng)



Năm 2022, tổng nợ vay của Công ty chiếm 20% trong tổng nguồn vốn. Công ty không vay dài hạn và giảm nợ ngắn hạn để giảm chi phí tài chính, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.

Tỷ đồng	2022	2021	+/-
Nợ vay ngắn hạn	308,1	321,3	-4,1%
Nợ vay dài hạn	0	0	
Tổng nợ vay	308,1	321,3	-4,1%

Trong năm 2022, Công ty không ghi nhận khoản nợ phải trả quá hạn.

## Đánh giá ảnh hưởng từ biến động của lãi vay và tỷ giá hối đoái

SO SÁNH CHỈ TIÊU DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH NĂM 2021 VỚI CÙNG KỲ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2022	2021	+/-
Doanh thu tài chính	29,3	18,0	62,6%
Lãi tiền gửi	17,7	6,3	180,2%
Lãi chênh lệch tỷ giá	11,6	11,7	-0,9%
Chi phí tài chính	48,36	8,69	456,4%
Chi phí lãi vay	9,13	5,32	71,6%
Lỗ chênh lệch tỷ giá	39,24	3,37	1063,5%

Tỷ giá VND/USD chốt ngày 31/12/2022 là 23.410 đồng, tăng 3,4% so với tỷ giá chốt ngày 31/12/2021 là 22.640 đồng.

## Đánh giá về tình hình tài chính

	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Khả năng thanh toán nhanh	Nợ vay /Vốn chủ sở hữu	ROS	ROA	ROE
2018	0,93	0,34	0,37	8%	8,50%	19,70%
2019	1,07	0,43	0,62	9,62%	10,35%	19,80%
2020	1,11	0,41	0,25	8,18%	8,47%	13,33%
2021	1,38	0,72	0,26	13,63%	14,12%	22,12%
2022	2,05	1,25	0,20	11,37%	11,32%	15,62%

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính khả năng thanh toán và chỉ số nợ vay trên vốn của Công ty năm 2022 đều tốt hơn so với năm 2021; tuy nhiên các chỉ tiêu sinh lợi đều thấp hơn năm 2021.



## Định hướng phát triển trong tương lai

### NGẮN HẠN

Hoàn thành xây dựng Dự án mở rộng công suất tại UNITEX để tăng quy mô và thị phần trên thị trường và Doanh thu cho Công ty;

Tập trung đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ sản xuất.

Sử dụng hiệu quả chức năng Kiểm toán nội bộ để phát hiện và có phương án cải thiện những rủi ro tiềm ẩn trong nội bộ cũng như đề phòng các rủi ro bên ngoài.

### DÀI HẠN

Phát triển các dự án để mở rộng chuỗi cung ứng cũng như phát triển các sản phẩm có giá trị tăng cao.

Ổn định nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ kế thừa trong sản xuất.

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

### Áp dụng kiểm toán nội bộ để kiện toàn hệ thống quản trị rủi ro của Công ty

Với góc nhìn khách quan của đơn vị Kiểm toán nội bộ bên ngoài, Ban điều hành đã rà soát lại các quy trình và chuẩn mực và đưa ra phương án cải thiện sao cho phù hợp với tình hình thực tế.

Thiết lập KPIs chất lượng cho từng loại sản phẩm, từ đó tìm ra nguyên nhân dẫn tới KPIs không đạt. Ngoài ra, đối với mỗi đơn hàng, bộ phận sản xuất cũng đánh giá và điều chỉnh điều kiện sản xuất cho phù hợp nhằm đạt hiệu quả cao hơn. Bộ phận sản xuất kết hợp với đơn vị Kế toán để kiểm soát định mức tiêu hao của từng loại sản phẩm. Đây cũng là cơ sở kiểm soát chi phí giá thành sản phẩm, gia tăng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

Hoàn thiện Quy trình kiểm kê, kiểm kê tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm... từng ngày, quản lý việc nhập xuất hàng, tránh thất thoát và chênh lệch giữa sổ liệu sổ sách và tồn kho thực tế.

# Dự báo kết quả kinh doanh năm 2023

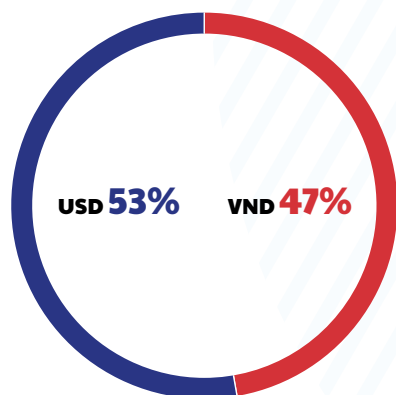
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Dự báo 2023	Thực hiện 2022	Dự báo 2023 so với Thực hiện 2022
Doanh thu thuần	2.149	2.114,5	101,6%
Lợi nhuận sau thuế	253	242,3	104,5%

Ước tính kết quả kinh doanh năm 2023 có thể được điều chỉnh theo sự phê duyệt và thông qua của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

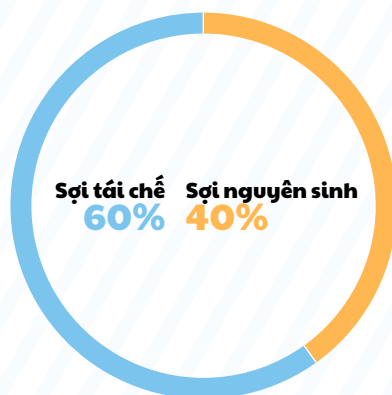
## MỘT SỐ GIẢ ĐỊNH CHO DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

- > Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu dự kiến đạt được khoảng 60% trong năm 2022;
- > Đơn giá bán bình quân tăng 3% so với thực hiện năm 2022;
- > Giá hạt nhựa bình quân dự kiến sẽ tăng 1% so với thực hiện năm 2022;
- > Chi phí bán hàng dự kiến tăng 25% do tỷ trọng doanh thu xuất khẩu tăng;
- > Tỷ giá hối đoái tại ngày chốt 31/12/2023 dự kiến tăng 2% so với tỷ giá tại ngày chốt 31/12/2022;
- > Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân dự kiến khoảng 11,9%.

### Doanh thu thuần dự kiến năm 2023 theo loại tiền tệ



### Doanh thu thuần dự kiến năm 2023 theo sản phẩm

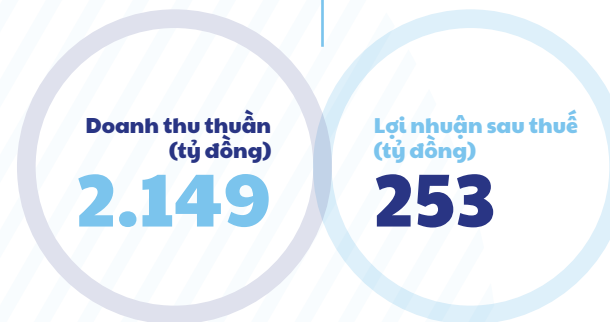


## Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Công ty Kiểm toán E&Y không có ý kiến không chấp thuận đối với báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2022.

## ĐỊNH HƯỚNG NGẮN HẠN VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2023

## Quản trị rủi ro doanh nghiệp theo định hướng phát triển bền vững



## KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2023

### Hoạt động kinh doanh

- > Phát triển và duy trì mạng lưới khách hàng để ổn định và đảm bảo tăng trưởng doanh thu theo đúng kế hoạch.
- > Tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng nhà máy UNITEX để tạo tiền đề tăng trưởng quy mô kinh doanh trong tương lai
- > Phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường có giá trị tăng cao; tạo lợi thế cạnh tranh trước đối thủ.

### Hoạt động sản xuất

- > Tăng cường hoạt động kiểm toán nội bộ để quản trị rủi ro về chất lượng trong sản xuất, từ đó quản trị tốt giá thành và định mức tiêu hao nguyên vật liệu.
- > Áp dụng công nghệ tự động hóa đối với khâu đóng gói và công nghệ AI trong khâu sản xuất sợi, góp phần giảm thao tác thủ công có thể ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

### Hoạt động hỗ trợ

- > Đa dạng nhà cung ứng để hạn chế rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng nhất là đối với nguyên vật liệu chính.
- > Quản trị rủi ro tỷ giá và lãi suất để kịp thời đưa ra chiến lược ứng phó kịp thời, không gây ảnh hưởng đến tình hình tài chính Công ty.
- > Tăng cường và phát triển hệ thống Kiểm toán nội bộ, mở rộng phạm vi kiểm soát thêm các quy trình hoạt động khác.
- > Tăng cường công tác quản lý và đào tạo huấn luyện người lao động, hạn chế việc thiếu hụt người lao động khi Công ty mở rộng.

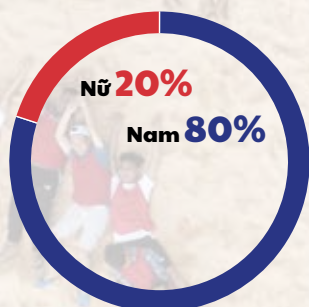
# Phát triển nguồn nhân lực

Nhận thức được tầm quan trọng to lớn của việc phát triển nguồn nhân lực cũng là một phần trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, Ban điều hành luôn chú trọng việc tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm xây dựng đội ngũ kế thừa giàu kinh nghiệm, có tinh thần cống hiến cho sự thành công của Công ty.

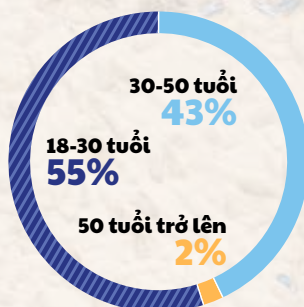
## Cơ cấu nhân sự

Tổng số người lao động năm 2022: **882** người

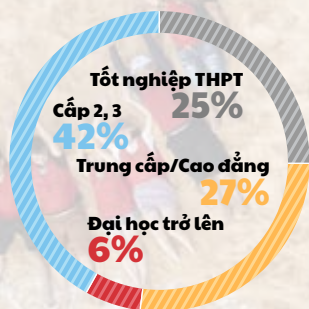
### Theo giới tính



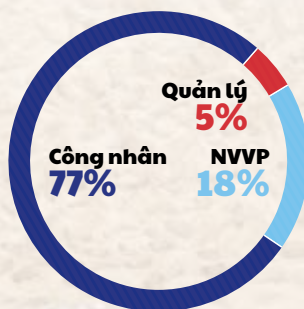
### Theo độ tuổi



### Theo trình độ



### Theo vị trí công việc

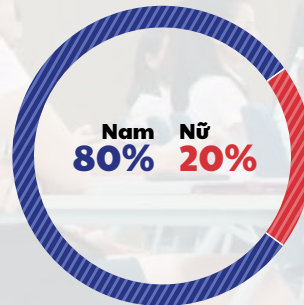


## Tình hình tuyển dụng năm 2022

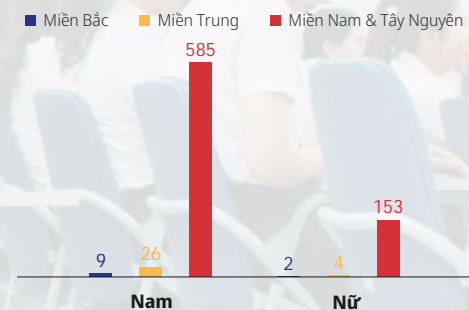
Chính sách tuyển dụng của STK không phân biệt giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, mà chú trọng vào xây dựng tinh thần học hỏi, trách nhiệm, cầu tiến. Mỗi cá nhân dù ở bất kì vị trí nào cũng được tạo điều kiện để phát triển năng lực và thăng tiến, mỗi cá nhân đều được xem là một mảnh ghép không thể thiếu, có ý nghĩa đối với việc thực hiện mục tiêu chung của Công ty.

Một trong những mục tiêu của phát triển bền vững là duy trì được nguồn nhân lực ổn định và có thể bổ sung thêm người lao động khi Công ty có nhu cầu. Trong năm 2022, Công ty đã tuyển dụng thêm 779 lao động mới, trong đó ứng viên Nam chiếm 80%, Nữ chiếm 20%, tập trung chủ yếu ở miền Nam và Tây Nguyên.

Theo giới tính



Theo địa lý



## Phúc lợi cho người lao động

### CHÍNH SÁCH LƯƠNG CƠ BẢN

Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước.

Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty.

Người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.

Cam kết không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên đối với các biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.

### CHÍNH SÁCH THƯỞNG - PHẠT

Công ty luôn ban hành Quy chế thưởng, phạt vào mỗi năm trên tinh thần công khai, minh bạch, thưởng-phạt rõ ràng, thông báo trước cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động gia tăng hiệu quả làm việc và thực hiện đúng quy định của Công ty.

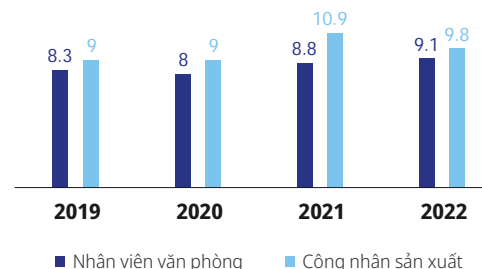
Hàng tháng, người lao động đạt chuẩn về kết quả công việc sẽ được thưởng thêm 1 phần thu nhập như thưởng do hoàn thành nhiệm vụ; thưởng do chấp hành nội quy Công ty; các mức thưởng cụ thể theo từng đặc thù của từng phòng ban; các khoản phụ cấp khác.

Định kỳ hàng năm, ngoài lương tháng 13 và thưởng Tết, Ban điều hành Công ty còn chia sẻ thành quả hoạt động với người lao động, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh trong năm và chiến lược năm sau, người lao động sẽ được nhận thêm 1 khoản thu nhập tương đương từ 1-2 tháng thu nhập trung bình.

### HỆ THỐNG PHÚC LỢI TẠI SỢI THẾ KỶ



Thu nhập bình quân của người lao động (triệu đồng/người/tháng)



Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ, bộ phận Nhân sự

Đánh giá sự thay đổi tình hình mức thu nhập bình quân của khối sản xuất tại doanh nghiệp trong 2022 có sự thay đổi giảm 10% so với 2021, chủ yếu do Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 nên tổng sản lượng và hiệu quả sản xuất 2022 thấp hơn 2021, dẫn đến thu nhập của khối sản xuất trực tiếp bị thấp hơn.

Mặc dù năm 2022 là một năm có nhiều yếu tố vĩ mô không thuận lợi, Công ty vẫn nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và chi trả lương thưởng đúng hạn cho người lao động, nhằm giúp người lao động yên tâm làm việc và ổn định cuộc sống.

### CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP NGHỈ THAI SẢN

Ngoài những chế độ phúc lợi chung cho người lao động, lao động nữ làm việc tại STK còn được hưởng các chế độ đặc biệt về thai sản và sau thai sản.

Người lao động nữ được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đầy đủ trong suốt thời gian nghỉ thai sản và bảo hiểm y tế liên quan đến khám thai sản và chi phí sinh nở.

Sau thai sản, lao động nữ còn được ưu tiên chỉ làm 7 giờ/ngày và được nhận phụ cấp bằng hiện vật khi con dưới 12 tháng tuổi.

### NÂNG CAO HIỆU QUẢ LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty xây dựng hệ thống quản lý chất lượng làm việc của từng cá nhân trong từng đơn vị. Mỗi phòng ban đều có bảng thực hiện mục tiêu (KPIs) theo từng năm, quý và tháng. Các phòng ban đều có trách nhiệm nâng cấp KPIs sau mỗi quý và đánh giá lại tính phù hợp đối với KPIs của phòng ban đó.

Đối với khối sản xuất từ tác nghiệp viên cho đến cấp quản lý đều có check-list công việc hàng ngày và ghi nhận năng suất làm việc hàng ngày dựa trên hệ thống SAP và POC.

Bên cạnh đó, chính sách phúc lợi của Công ty cũng được xây dựng dựa vào hiệu quả làm việc của từng người lao động, ngoài thu nhập cơ bản, Công ty còn có chế độ lương thưởng đối với các cá nhân hoàn thành nhiệm vụ mỗi tháng.

## NHỮNG THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG TRONG NĂM 2022

**Phân định KPIs cho từng vị trí công việc để có chế độ đánh giá và thưởng phạt hợp lý**

**Điều chỉnh chính sách phúc lợi để thu hút và giữ chân người lao động**

**Tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ và kỹ năng cho người lao động**

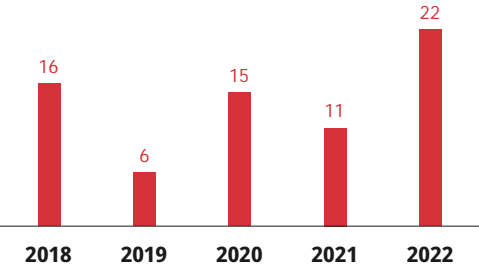
## CHÍNH SÁCH THĂNG TIẾN

Công ty chú trọng khuyến khích và duy trì một chính sách thăng tiến hợp lý, bổ nhiệm CBCNV của Công ty một cách minh bạch và nghiêm túc.

Nhân viên có đủ năng lực và có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn thì phòng nhân sự sẽ kết hợp cung cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên, nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn.

**Trong năm 2022 số lượng nhân viên được đề bạt lên các vị trí cao hơn là 29 lao động trong đó có 24 lao động nam và 5 lao động nữ.**

**Số lượng nhân viên được thăng tiến**



## ĐẢM BẢO AN TOÀN & SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Không những quan tâm đến chính sách phúc lợi của người lao động, Sợi Thế Kỳ còn ưu tiên đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh, phòng chống cháy nổ và tai nạn lao động.

STK chủ động thực hiện các biện pháp đo kiểm môi trường để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Năm 2022, Công ty phối hợp với Công ty cổ phần sức khỏe môi trường miền Nam thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm tra và xác định các yếu tố môi trường có thể tác động đến sức khỏe của người lao động cũng như đề xuất các biện pháp làm giảm tác động của các nguy cơ đó đến môi trường làm việc của người lao động.

100% người lao động được huấn luyện về an toàn lao động đặc biệt đối với những công việc đặc thù (bốc xếp, lái xe nâng, phụ trách kho bãi, vệ sinh máy móc), và an toàn phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc.

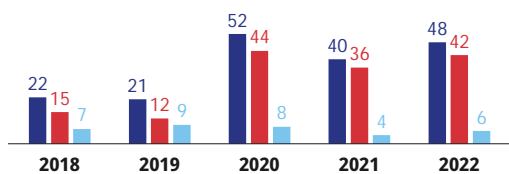
**Trong năm 2022, không xảy ra trường hợp tai nạn lao động.**

## Công tác đào tạo

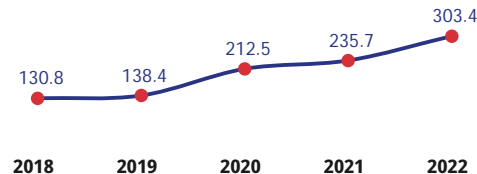
Đi đôi với công tác tuyển dụng, Công ty luôn đánh giá cao việc đào tạo đối với người lao động: đào tạo trước khi làm việc, đào tạo trong khi làm việc và đào tạo để người lao động có cơ hội thử thách ở vị trí cao hơn.

Công ty tổ chức các khóa đào tạo cho toàn thể CBCNV trong năm. Vì vậy, số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc nhân viên và giới tính đều bằng nhau:

**Số lượng khóa đào tạo**



**Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)**



■ Số lượng khóa đào tạo ■ Đào tạo nội bộ ■ Thuê ngoài

	2018	2019	2020	2021	2022
Ngân sách dành cho đào tạo (triệu đồng)	184,9	205,8	133,9	183,4	186,8
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng)	51,4	43,4	17,5	24,2	53,7
Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	28%	21%	13%	13%	29%
Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)	130,83	138,4	206,33	235,07	303,4

## CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn lao động	Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn hóa chất	Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn phòng chống cháy nổ
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S, Tôn trọng sản phẩm	Chính sách xã hội	Huấn luyện PCCC
Huấn luyện Sơ cấp cứu	Đào tạo nghề và nâng cao, đa tay nghề	Đào tạo đối với nhân viên lái xe nâng
Đào tạo về quy định mới về Incoterms 2020	Đào tạo về kỹ năng tuyển dụng	Đào tạo về quy trình sản xuất

## Cộng đồng xã hội

Khoản mục (tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng số tiền lương-thưởng đã chi trả cho người lao động	117,7	107,7	107,5	113,2	120,0
Tổng giá trị giao dịch với nhà cung cấp	1.855	1.484	953,5	1.321	1.452
Giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa	237,6	197,4	93,2	140,1	216,5
Tổng tiền thuế đã đóng trong năm (bao gồm thuế GTGT, thuế XNK, Thuế TNDN, Thuế TNCN, Thuế tài nguyên và các loại thuế khác...)	125,4	167,8	68,5	116,6	152,7

## CHỐNG THAM NHŨNG - HỐI LỘ

Ban điều hành Công ty luôn chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc. Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động. Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

# **Báo cáo** **tác động** **đến** **môi trường** **- xã hội**

Chiến lược phát triển bền vững	<b>64</b>
Đánh giá của Ban điều hành về các vấn đề môi trường-lao động-xã hội	<b>66</b>
Trách nhiệm đảm bảo thực hiện các chính sách về môi trường	<b>67</b>
Báo cáo tác động đến môi trường	<b>67</b>
Thị trường vốn xanh	<b>74</b>



# Chiến lược phát triển bền vững



Trọng tâm chiến lược phát triển bền vững của Sợi Thế Kỳ là lựa chọn sản phẩm thân thiện với môi trường và có tính khả thi cao về mặt kinh tế. Sản phẩm sợi Recycle là một trong các sản phẩm chủ đạo giúp Công ty có thể phát triển xa hơn trên con đường PTBV của mình với giá trị kinh tế mang lại cao, tái chế chai nhựa góp phần bảo vệ môi trường (giúp giảm khoảng 30%-50% carbon footprint so với sản phẩm sợi nguyên sinh).

Công ty cũng đang phát triển thêm sản phẩm sợi màu (sản phẩm thay thế cho công đoạn nhuộm truyền thống, giúp khách hàng tiết giảm tiêu hao nước, nước thải và phát thải hóa chất ra môi trường) và thêm các tính năng đặc biệt cho sản phẩm sợi tái chế (như hút ẩm, co giãn cao, v.v) nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho người tiêu dùng và thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ sợi tái chế.

Bên cạnh danh mục sản phẩm thân thiện môi trường, Công ty cũng chú trọng chiến lược đầu tư máy móc sử dụng công nghệ hiện đại để giảm tiêu thụ năng lượng điện (e-saving technology), giảm phế phẩm cũng như khuyến khích việc cải tiến kỹ thuật nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, điện, nước, tăng tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu, tái chế phế liệu và sử dụng năng lượng tái tạo.

Về mặt lao động và xã hội, với phương châm cùng nhau phát triển, Công ty chủ trương chia sẻ lợi ích với người lao động thông qua việc không ngừng nâng cao chế độ đãi ngộ, nâng cao năng lực cho người lao động và tạo môi trường làm việc an toàn và thoải mái cho người lao động..

## CHIẾN LƯỢC TRUNG & DÀI HẠN

Công ty tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới (UNITEX, Liên minh sợi-dệt-may).

Tập trung phát triển các loại sợi thân thiện với môi trường.

Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu.

Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ 54% năm 2022 lên 70% vào năm 2025.

Giảm khí thải carbon footprint thông qua tiết giảm tiêu hao sử dụng năng lượng điện tại nhà máy và hệ thống điện mặt trời.

Áp dụng công nghệ tăng hiệu quả sản xuất và giảm phế phẩm.

Quản trị doanh nghiệp theo quy trình và công nghệ, tránh phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân vận hành.

## CHIẾN LƯỢC NGẮN HẠN

Đưa giai đoạn 1 nhà máy UNITEX (36.000 tấn/năm) vào hoạt động.

Thực hiện giám sát và đo lường tác động môi trường của sản phẩm (Life Cycle Assessment)

Nâng tỷ trọng sợi recycle mục tiêu năm 2023 đạt 60% trên tổng doanh thu của Công ty.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD, soft package, hàng AAA.

Phát triển thêm các màu mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường.

Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng và thị trường.

Đa dạng nhà cung ứng cung cấp NVL.

## **Đánh giá của Ban điều hành về các vấn đề môi trường-lao động-xã hội**

Bất chấp bối cảnh vĩ mô không thuận lợi trong năm 2022, Ban điều hành vẫn kiên định với chiến lược phát triển bền vững – cũng như quản trị rủi ro để đạt được mục tiêu Công ty đã đặt ra và mang lại lợi ích cho các bên liên quan.



## **MÔI TRƯỜNG**

- > Tăng tỷ trọng sản phẩm thân thiện với môi trường:  
*Tỷ trọng sợi tái chế tăng từ 50% (2021) lên 52% (2022) trên doanh thu – doanh thu sợi tái chế đã tăng thêm 83 tỷ đồng tương đương 8% so với cùng kỳ; gián tiếp tái chế 1,04 tỷ chai nhựa đã qua sử dụng.*
- > Tỷ trọng sợi màu cũng đã tăng từ 0,2% doanh thu (2021) lên 0,9% (2022).
- > Nhờ vào hệ thống điện áp mái, Công ty đã giảm 10% lượng điện tiêu thụ.
- > Tái chế sợi thứ cấp thành hạt nhựa, giảm lượng tiêu thụ hạt nhựa từ dầu thô và khí, gián tiếp bảo vệ môi trường.
- > Tái sử dụng ống giấy POY, số lượng ống giấy tiết giảm được là 2,5 triệu ống.
- > Nhờ vào hệ thống ngưng tụ nước từ hệ thống làm lạnh, giúp giảm lượng tiêu thụ nước sạch trong năm 2022.
- > Không xảy ra trường hợp vi phạm về môi trường.

## **LAO ĐỘNG**

- > Thu nhập của người lao động năm 2022 tăng bình quân 5% so với 2021;
- > Tặng quà tết, xây dựng các quỹ nhằm giúp đỡ các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn;
- > Duy trì chính sách thưởng đối với người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- > Định kỳ áp dụng chính sách đánh giá bậc tay nghề để đề bạt và tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động;
- > Công ty đã tiếp tục cải thiện cơ chế khiếu nại và phản hồi dựa trên cơ sở Bộ quy tắc ứng xử tại Công ty;
- > Định kỳ thực hiện việc kiểm định và bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- > Đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên khi đang làm việc tại Công ty.

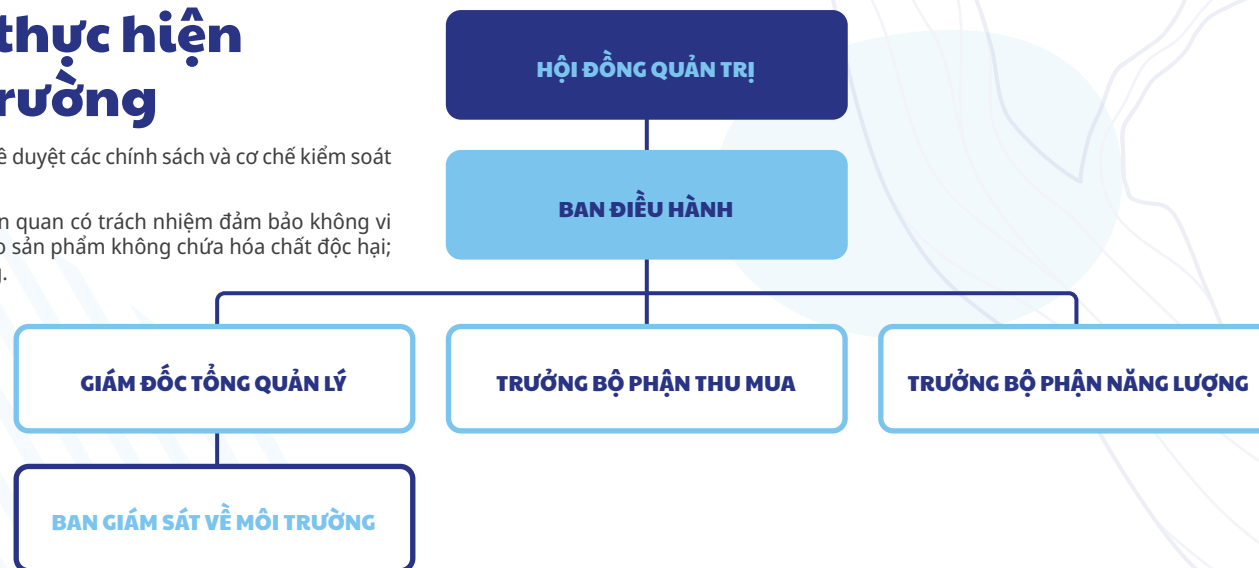
## **XÃ HỘI**

- > Tổng giá trị đóng góp ngân sách năm 2022 đạt 116,6 tỷ đồng.
- > Tuân thủ quy định của khu công nghiệp, pháp luật về thuế, các quy định về hoạt động xuất nhập khẩu, quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán...
- > Trực tiếp và gián tiếp tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động ở địa phương, thông qua hoạt động tuyển dụng của Công ty.

## Trách nhiệm đảm bảo thực hiện các chính sách về môi trường

Dưới sự chỉ đạo và định hướng của HĐQT, Ban điều hành đề ra phê duyệt các chính sách và cơ chế kiểm soát việc tuân thủ bảo vệ môi trường.

Quản lý cấp trung (giám đốc/trưởng bộ phận) các phòng ban liên quan có trách nhiệm đảm bảo không vi phạm về môi trường như chất thải, nước thải, phát thải; đảm bảo sản phẩm không chứa hóa chất độc hại; thực thi các sáng kiến bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng.



## Báo cáo tác động đến môi trường

### CHÍNH SÁCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Vấn đề	Biện pháp quản lý chung	Biện pháp quản lý cụ thể	Kết quả đo lường	Hậu quả có thể tác động môi trường (*)
Nồng độ bụi	Thành lập chỉ tiêu – định mức cho từng đơn vị liên quan; có trách nhiệm báo cáo hàng tuần, tháng, quý, bán niên và năm cho Tổng giám đốc điều hành (người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc thực hiện các chính sách về môi trường).	Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ	Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic	Thấp
Tiếng ồn		Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ, trang bị nút chống ồn, đóng kín cửa ra vào nhà máy; khám sức khỏe cho người lao động	Không xảy ra bệnh nghề nghiệp do tiếng ồn gây ra; Tiếng ồn vẫn có do đặc thù ngành nghề	Trung bình
Phát thải khí nhà kính		Tiết giảm sử dụng dầu DO, có biện pháp tiết kiệm lượng điện tiêu thụ, sử dụng điện mặt trời	Đo lường lượng carbon footprint gián tiếp	Cao
Nước thải & Chất thải		Kiểm tra hàng ngày hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; phân loại và thu gom chất thải theo quy định; áp dụng biện pháp tiết kiệm nước sạch	Không xảy ra vi phạm	Trung bình

## Vật liệu sử dụng

Phân loại vật liệu	Chủng loại Nguyên vật liệu	Nguồn gốc
Vật liệu không thể tái tạo	Hạt nhựa	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật...
	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức
	Polyester Chip tái chế	Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan
Vật liệu có thể tái tạo	Ống giấy	Việt Nam, Đài Loan
	Pallet	Việt Nam
	Thùng Carton	Việt Nam

### Tỷ lệ phần trăm của vật liệu được tái chế từ quá trình sản xuất trực tiếp

$$= \frac{\text{Khối lượng hạt nhựa được tái chế từ sợi thứ cấp (kg)}}{\text{Tổng khối lượng hạt nhựa đầu vào sử dụng (kg)}} \times 100 = 5,66\%$$

2019	2020	2021	2022
1,6%	2,55%	6,85%	5,66%

Nhờ vào hệ thống tái chế sợi thứ cấp thành hạt nhựa, Công ty đã tiết giảm lượng hạt nhựa mua vào tương đương 5,66% lượng sử dụng năm 2022, góp phần làm giảm khí thải CO<sub>2</sub> và chất thải nhựa ra môi trường.

### Tỷ lệ phần trăm của vật liệu được tái chế (gián tiếp) được sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng hạt nhựa được tái chế từ chai nhựa qua sử dụng}}{\text{Tổng số lượng hạt nhựa đầu vào sử dụng (kg)}} \times 100 = 41\%$$

2019	2020	2021	2022
33%	35%	42,7%	41%

Thông qua việc sản xuất sợi tái chế, Công ty đã thay thế hạt nhựa nguyên sinh thành hạt nhựa tái chế từ chai nhựa đã qua sử dụng, góp phần giảm ô nhiễm đến môi trường đất và nước. Năm 2022, Công ty đã sử dụng 41% hạt nhựa tái chế trên tổng lượng tiêu thụ.

Ngoài hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký kết với các đối tác uy tín, chất lượng để cung cấp ống giấy sản xuất, với chất lượng ống giấy tốt thì bình quân hiện nay ống giấy POY sau khi sử dụng có thể tái sử dụng lại 3,15 lần, góp phần giảm thiểu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất.

Trong năm 2021, số lượng ống giấy POY sử dụng là 796.180 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,15 lần; do đó tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu (ống giấy) năm 2021 là:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ tái sử dụng} &= \frac{\text{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\text{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}} \\ &= \frac{\text{Số lượng ống giấy POY} \times \text{số lần tái sử dụng}}{\text{Số lượng ống giấy POY} \times (\text{số lần tái sử dụng}) + \text{số ống giấy DTY} + \text{số ống giấy FDY}} \\ &= \frac{796.180 \times 3,15}{796.180 \times 3,15 + 9.969.775} = 20\% \end{aligned}$$

2019	2020	2021	2022
23%	21%	22%	20%

Sáng kiến bảo vệ môi trường từ nguyên vật liệu	Kết quả đạt được
Gia tăng sản lượng hạt nhựa tái chế đã góp phần giảm lượng hạt nhựa nguyên sinh sử dụng, đồng thời giảm thiểu rác thải (chai nhựa qua sử dụng) cho Trái Đất.	Số chai nhựa đã qua sử dụng đã gián tiếp tái chế là 4,1 tỷ chai tính đến hết năm 2022.
Tái chế sợi phế thải thành hạt nhựa được tái sử dụng trong quá trình sản xuất.	Tỷ lệ tái sử dụng là 5,66%.
Thu hồi và tái sử dụng ống giấy POY	Số lần tái sử dụng ống giấy: 3,15 lần, nâng tỷ lệ tái sử dụng toàn Công ty cho tất cả các loại ống giấy (bao gồm POY, DTY và FDY) là 20%.

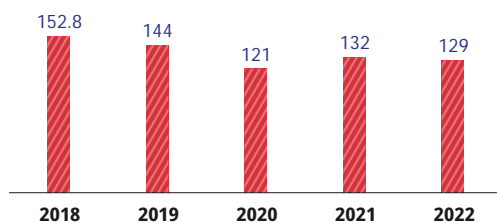
## Năng lượng tiêu thụ

Do đặc thù ngành nghề, máy móc vận hành hầu như liên tục 24/7 (ngoại trừ thời gian bảo trì) để đảm bảo hiệu quả sản xuất. Vì vậy Công ty luôn chú trọng việc tiết kiệm lượng điện tiêu thụ để giảm phát thải nhà kính ra môi trường.

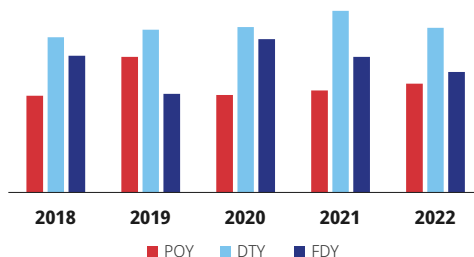
Công ty chỉ sử dụng nguồn nhiên liệu điện năng và dầu DO trong các hoạt động sản xuất của mình. Trong đó:

- 1 Nguồn năng lượng không tái tạo: **dầu DO**. Khối lượng dầu do sử dụng trong năm 2022: **2,2 tấn**.
  - 2 Nguồn năng lượng tái tạo: **điện**.
- 1+2** Tổng năng lượng đã tiêu thụ (đơn vị Jun): **465,8 triệu MJ**

Lượng tiêu thụ điện (triệu kWh)



Lượng điện tiêu hao trên 1 đơn vị sản phẩm (kWh/kg sợi)



Tổng lượng điện năng tiêu thụ năm 2022 giảm 2,1% so với 2021, chủ yếu do Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 nên tổng lượng điện năng sử dụng 2022 thấp hơn 2021. Tuy nhiên, lượng điện năng tiêu thụ trên 1kg sợi của DTY, FDY và POY lần lượt có tăng 1,4%, 1,9% và 13.3% so với cùng kỳ chủ yếu do Công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng đặt ra cùng với việc sản xuất các loại sợi có quy cách đặc biệt, dẫn đến lượng điện tiêu hao sản xuất nhiều hơn.

### GIẢI PHÁP TIẾT KIỂM ĐIỆN NĂM 2023

Trong năm 2023, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm chi phí điện:

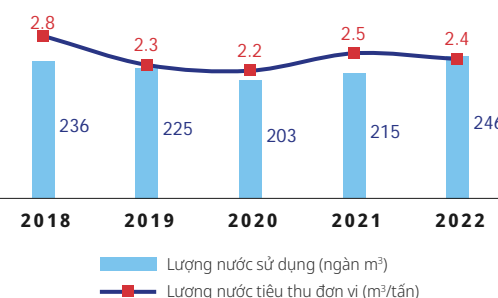
Giải pháp	Hiệu quả
<b>Tại nhà máy Củ Chi:</b> Thực hiện gắn Inverter cho bơm giải nhiệt máy lạnh 1.	Thực hiện tiết kiệm được 83.311.200 VND/năm.
<b>Tại nhà máy Trảng Bàng:</b> Gắn inverter cho thiết bị dầu thải máy DTY TB2.	Thực hiện tiết kiệm được 116.016.000 VND/tháng

## Nước tiêu thụ

Tại STK, nước từ hệ thống điều hòa trung tâm sẽ được thu hồi về hồ chứa nước lạnh để tái sử dụng cho hệ thống chiller. Nhờ hệ thống này, mỗi năm STK tiết kiệm được 2.815 m<sup>3</sup> nước.

Nguồn nước được sử dụng tại Công ty được cung cấp và đảm bảo chất lượng bởi Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp (KCN).

Trong năm 2022, mức tiêu hao nước sử dụng tăng 14% so với năm 2021, chủ yếu do Công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng POY đặt ra, dẫn đến lượng nước tiêu hao sản xuất trong năm nhiều hơn, theo đó với sản lượng sản xuất năm 2022 thấp hơn 2021 nên mức tiêu hao nước trên 1kg sợi của năm 2022 cao hơn 24% so với năm 2021 (0,0025 m<sup>3</sup>/kg sợi -2021 và 0,0031 m<sup>3</sup>/kg -2022). Bên cạnh đó, Công ty cũng nỗ lực liên tục thực hiện và cải tiến các kế hoạch tiết kiệm nước sử dụng trong hoạt động sản xuất như duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ tại các tháp giải nhiệt AC của nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, giúp Công ty tiết kiệm chi phí hơn 52,2 triệu đồng/năm.



### CÁC BIỆN PHÁP TÁI SỬ DỤNG VÀ TIẾT KIỂM NƯỚC ĐÃ THỰC HIỆN NĂM 2022

Giải pháp	Hiệu quả
Thu hồi và sử dụng nước siêu tinh khiết từ nhà máy TB2 và TB3.	Thực hiện tiết kiệm tiết kiệm được 2.190 m <sup>3</sup> nước tương đương ~15.120.000 VND/năm.
Thu hồi và sử dụng nước từ máy nén khí của nhà máy TB2.	Thực hiện tiết kiệm tiết kiệm được 730 m <sup>3</sup> nước tương đương ~5.040.000 VND/năm.
Sử dụng nước ngưng tụ AC 45 nhà máy TB2 và TB3.	Thực hiện tiết kiệm tiết kiệm được 1.861 m <sup>3</sup> nước tương đương ~12.856.000 VND/năm.

### Tỷ lệ phần trăm của nước tuần hoàn và tái sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng nước tuần hoàn và tái sử dụng}}{\text{Tổng khối lượng nước đầu vào}} \times 100 = \frac{6.571}{245.840} \times 100 = 2,7\%$$

Năm	2019	2020	2021	2022
Tỷ lệ phần trăm	1,2%	1,2%	2,3%	2,7%

## Phát thải

Trên thực tế, Công ty không có phát sinh khí thải do không sử dụng lò hơi hay than đá trong hoạt động sản xuất.

Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải.

Ngoài ra, còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.

### MỘT SỐ BIỆN PHÁP CÔNG TY ĐÃ VÀ ĐANG TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐỂ GIẢM THIỂU Ô NHIỄM VỀ KHÍ THẢI:

- > Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe container, xe tải, xe nâng, xe con của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.
- > Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO bằng cách sử dụng các loại xe điện.
- > Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải.

### GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRONG TOÀN BỘ CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY

#### SCOPE 1 Trực tiếp

Khí thải nhà kính từ các nguồn được sở hữu hoặc được kiểm soát bởi công ty

Công ty không sở hữu lò hơi, hoặc sử dụng các vật liệu than đá, dầu mỏ, chế phẩm dầu mỏ để tạo hơi và sản sinh ra khí nhà kính.

#### SCOPE 2 Gián tiếp

Khí thải nhà kính phát sinh từ điện do công ty mua

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi Ployester Filament từ hạt nhựa PET, nhà máy của Công ty chỉ sử dụng năng lượng điện là nguồn năng lượng chính để vận hành máy sản xuất.

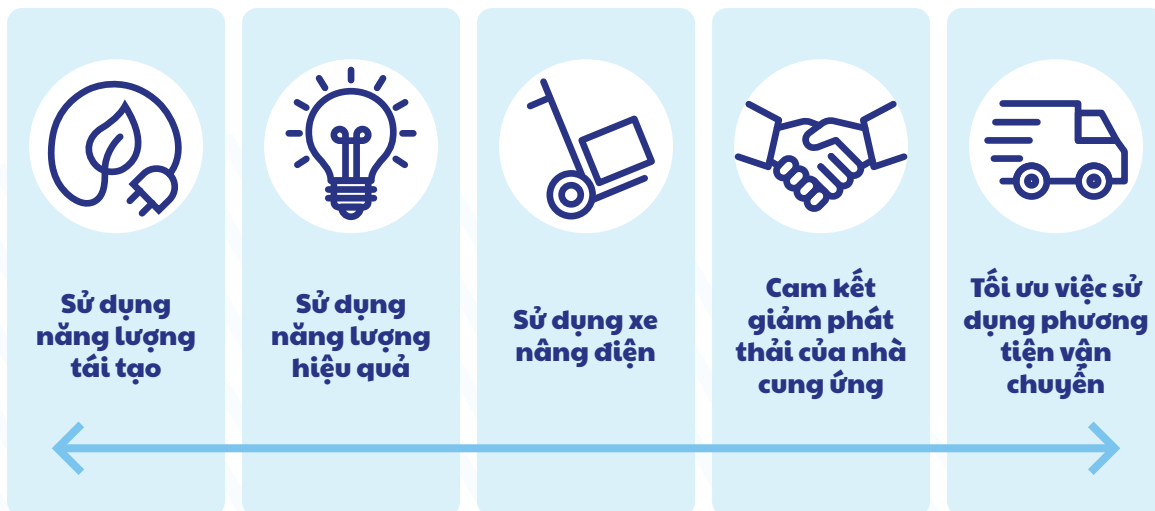
#### SCOPE 3 Gián tiếp

Phát thải khí nhà kính từ các nguồn không do công ty sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp nhưng có liên quan đến hoạt động của công ty

Không áp dụng



## CÁCH THỨC THỰC HIỆN HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH



	Lượng tiêu thụ 2021	Hệ số phát thải CO <sub>2</sub> (Schneider Electric)	Phát thải 2020	Phát thải 2021	Phát thải 2022
Điện năng	129.365 MWh/năm	0,000432 <sup>1</sup> (tCO <sub>2</sub> e/MWh)	52,3 (tCO <sub>2</sub> e/năm)	57,1 (tCO <sub>2</sub> e/năm)	55,9 (tCO <sub>2</sub> e/năm)

Lượng phát thải nhà kính trực tiếp: 0

<sup>1</sup> Hệ số phát thải tính theo trung tâm dữ liệu về Carbon Footprint của Schneider Electric. (<https://www.se.com/ww/en/work/solutions/system/s1/data-center-and-network-systems/trade-off-tools/data-center-carbon-footprint-comparison-calculator/>)

## SÁNG KIẾN GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CARBON FOOTPRINT

### 1. Thông qua sử dụng nguồn năng lượng tái tạo - năng lượng mặt trời:

Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất 10,5 Mwp. Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt, hệ thống điện mặt trời áp mái sẽ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10,7% hàng năm và 530 ngàn tấn CO<sub>2</sub> trong suốt vòng đời dự án.

	2021	2022
<b>Tích lũy từ khi dự án vận hành tới cuối năm</b>		
Lượng CO <sub>2</sub> (tấn) giảm được-Indefol system	4.489	13.475
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	3.400	10.100
<b>Từ năm vận hành đến hết vòng đời dự án</b>		
Lượng CO <sub>2</sub> (tấn) giảm được-Indefol system	529.978	1.293.500
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	401.497	975.468

### 2. Thông qua mục tiêu nâng tỷ trọng Sợi tái chế trong tổng doanh thu đến 2025:

Công ty đã nâng tỷ lệ sử dụng và tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường từ 52% vào năm 2022.

	2022	2025
Tỷ lệ sợi Recycle trong tổng doanh thu	52%	67%
Lượng CO <sub>2</sub> (tấn) giảm được do sử dụng vật liệu tái chế - PET chip Recycle từ chai nhựa.	18.374	47.712



## Nước thải và Chất thải

### NƯỚC THẢI

Sợi Thế Kỳ xác định nguồn nước thải của Công ty xuất phát từ 2 nguồn: nước thải sinh hoạt từ nhân viên và nước thải sản xuất (nước thải từ phòng nhuộm, kiểm phẩm)

Đối với việc quản lý nguồn nước thải, Công ty đưa ra những phương pháp sau:

- > Xử lý nguồn nước thải theo qui định của pháp luật hiện hành.
- > Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải riêng biệt và được phép đấu nối đầu ra với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN.
- > Thường xuyên quan trắc các thông số chất lượng nước thải, đảm bảo xử lý chỉ tiêu chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn GRS.
- > Thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về nước thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- > Đo lường nước thải ra hàng ngày, có ghi chép lưu hồ sơ báo cáo đầy đủ.
- > Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### Bảng thống kê lượng nước thải:

	Đvt	2018	2019	2020	2021	2022
Lượng nước thải hàng năm	m <sup>3</sup>	26.932	26.617	34.269	28.633	33.092

### CHẤT THẢI

Công ty nhận diện 2 nguồn chất thải là chất thải nguy hại và chất thải thông thường. Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp để xử lý các nguồn chất thải:

#### > Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại:

1. Thu gom về kho chứa theo đúng quy trình phân loại và quản lý rác thải;
2. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

#### > Đối với chất thải nguy hại:

1. Cảnh báo và dán nhãn chất thải nguy hại;
2. Thiết lập nơi tập trung chất thải nguy hại riêng biệt;
3. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

Tên chất thải	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
<b>TRẢNG BÀNG:</b>		
Dầu nhiên liệu	30.730	Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên Cty CP Môi Trường Thái Tuấn Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và Dịch vụ Đại Phúc
Bao bì cứng thải bằng nhựa	9.720	
Màng khò	11.499	
Bụi phế	1.251	
Bóng đèn thải	184	
Bao tay, giẻ lau dính TPNH	1.388	
Hộp mực in thải	120	
Tổng số lượng	54.892	
<b>CỦ CHI:</b>		
Bao bì cứng thải bằng nhựa	5.717	Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và Dịch vụ Đại Phúc Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên
Bóng đèn thải	20	
Bao tay, giẻ lau dính TPNH	260	
Hộp mực in thải	18	
Tổng số lượng	6.015	

- > Tại Công ty, các loại rác thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Công ty đều được phân loại và giám sát một cách chặt chẽ theo quy trình phân loại thác thải ban hành của tiêu chuẩn GRS 4.0 – waste management.
- > Công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị xử lý chất thải, trong đó:
  - Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại - đơn vị đảm trách: **Cty CP Môi Trường Tân Thiên Nhiên.**
  - Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, rắn công nghiệp – đơn vị đảm trách: **Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Huyện Củ Chi và Công ty TNHH MTV Thu Gom Rác Hiền Lương.**
- > Công ty định kỳ lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại đến Sở Tài Nguyên Môi Trường TP, HCM và Tây Ninh.
- > Công ty đăng ký sổ chủ nguồn chất thải nguy hại với mã số - QLCTNH79,002938, T (cấp lần 3).

## Tuân thủ về môi trường

Tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/ năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ, các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.

Trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường: **0**.

### MỤC TIÊU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

Phối hợp với đơn vị độc lập để đánh giá lượng khí CO<sub>2</sub> phát thải trong toàn bộ quá trình sản xuất sợi (LCA)

Xảy ra vi phạm về ATVSLĐ, PCCC và Môi trường khi đoàn kiểm tra của Cơ quan nhà nước đến kiểm tra công ty: **0 lần**;

Công ty sẽ phối hợp với đơn vị Control Union để tiến hành đánh giá chứng nhận GRS cho quy trình tái chế sợi phế thành hạt rPET chip, nhằm đảm bảo tất cả các hoạt động tái chế tại Công ty đều đạt tiêu chuẩn quốc tế hiện hành.

## Thị trường **vốn xanh**

### Dự án sợi tái chế

STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn) từ năm 2016. Trong năm 2021, tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu đạt 52%, vượt 2% so với 2020 (50%). Thông qua việc sản xuất sợi tái chế Công ty đã tái sử dụng 4,1 tỷ chai nhựa, góp phần bảo vệ đại dương khỏi rác thải chai nhựa vốn đang là một trong những vấn đề môi trường đang được báo động khẩn cấp trên toàn cầu

### Dự án tái chế sợi phế

Công ty tiếp tục duy trì dây chuyền sản xuất 1.500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường.

### Dự án năng lượng mặt trời

Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt, hệ thống điện mặt trời áp mái sẽ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10,7% hàng năm và 530 ngàn tấn CO<sub>2</sub> trong suốt vòng đời dự án.

### Dự án sợi màu

Công ty tiếp tục phát triển thêm sợi dope dye với màu xám, đen và blue navy, phát triển mẫu chào cho khách hàng thị trường nội địa và xuất khẩu. Sản phẩm sợi màu (dope dyed) sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường. Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường.

# Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

## Tình hình thực hiện Dự án của Công ty mẹ

### Dự án liên minh từ sợi đến may mặc

Trong năm 2021, Sợi Thế Kỷ đã thực hiện góp vốn để lấy đất và phát triển hạ tầng cho dự án này.

Tuy nhiên do dịch Covid-19 và tiến độ của các đối tác, Sợi Thế Kỷ vẫn chưa hoàn thành xong dự án này trong năm 2022.

## Tình hình thực hiện Dự án của Công ty con

### Dự án “Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp UNITEX”.

#### Thông tin về dự án:

- > Công suất tối đa: 60.000 tấn/năm; gồm 2 giai đoạn
- > Địa điểm xây dựng: Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- > Diện tích dự án: 100.183 m<sup>2</sup>
- > Sản phẩm của dự án: Sợi DTY; sợi tái chế (Recycle), các loại sợi đặc biệt có giá trị gia tăng cao.

Tổng giá trị đã góp vốn tại Công ty con “Công ty TNHH Sợi Dệt Nhuộm Unitex” trong năm 2022: **142.100.190.000 đồng**.

Dự kiến đến năm 2024, Giai đoạn 1 của Dự án sẽ được đưa vào hoạt động chính thức.

# CỔ PHIẾU và quan hệ nhà đầu tư

Thông tin cổ phiếu	77
Lý do đầu tư cổ phiếu STK	77
Cổ phần và Cơ cấu cổ đông	78
Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết năm 2022	79
Giao dịch cổ phiếu quỹ	79
Các chứng khoán khác	79
Quá trình tăng vốn điều lệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu	80
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	81
Chính sách chi trả cổ tức	81
Hoạt động quan hệ nhà đầu tư	82

# Thông tin cổ phiếu

Tên cổ phiếu **CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THỂ KỲ**

Mã cổ phiếu **STK**

Sàn giao dịch **HOSE**

Tổng số phiên giao dịch trong năm 2021 **249 phiên**

Khối lượng khớp lệnh bình quân/ngày **23.975 cổ phiếu**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU STK TRONG NĂM 2022



Nguồn: tradingview.com

# Lý do đầu tư cổ phiếu STK

1  
Tài chính lành mạnh  
Quản trị minh bạch

2  
Một trong những  
DNNY đứng đầu phân  
ngành xơ sợi dệt

3  
Cổ phiếu đầu tư giá  
trị STK

4  
P/E thấp hơn P/E thị  
trường

5  
Chiến lược kinh  
doanh gắn kết yếu tố  
PTBV

# Cổ phần và Cơ cấu cổ đông

Tại ngày 31/12/2022, số lượng cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ đăng ký (VND)	<b>843.638.250.000</b>
Tổng số cổ phần niêm yết	84.363.825
Tổng số cổ phần lưu hành	81.822.175
Tổng số lượng cổ phiếu quỹ	2.541.650
Giá trị vốn hóa trên thị trường	2.250 tỷ đồng (30/12/2022)
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	310.842
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	81.511.333
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài	0

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TRÊN 5% CỔ PHẦN CÔNG TY) VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN TRONG NĂM 2022

Tên cổ đông	Loại hình sở hữu	Quốc tịch	Đầu kỳ		Cuối kỳ		Thay đổi sở hữu trong kỳ
			Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu	Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu	
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt	Tổ chức	VN	14.137.593	19,99%	16.965.111	20,11%	Thực hiện quyền mua
Đặng Triệu Hòa	Cá nhân	VN	9.749.367	13,78%	11,699,240	13,87%	Thực hiện quyền mua
Đặng Mỹ Linh	Cá nhân	VN	6.481.235	9,16%	12.161.166	14,42%	Thực hiện quyền mua
Đặng Hướng Cường	Cá nhân	VN	5.981.235	8,46%	5.981.235	7,09%	Thực hiện quyền mua
<b>Tổng cộng</b>			<b>36.349.430</b>	<b>51.39%</b>	<b>46.806.752</b>	<b>55,48%</b>	

## THỐNG KÊ DANH SÁCH CỔ ĐÔNG (THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 26/09/2022)

THEO LOẠI CỔ PHẦN			
Loại cổ phiếu	Số quyền biểu quyết tương ứng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ phiếu phổ thông	01 cổ phiếu : 01 quyền biểu quyết	81.822.175	97%
Cổ phiếu ưu đãi	/	0	0%
Cổ phiếu quỹ		2.541.650	3%
<b>Tổng cộng</b>		<b>84.363.825</b>	<b>100%</b>

	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ /Tổng số cổ đông	Số lượng CPSH	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
<b>Theo tỷ lệ sở hữu</b>				
Cổ đông lớn	4	0,33%	46.806.752	55,48%
Cổ đông nhỏ	1.214	99,67%	37.557.073	44,52%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.218</b>	<b>100%</b>	<b>84.363.825</b>	<b>100%</b>

<b>Theo đối tượng sở hữu</b>				
Cổ đông nhà nước	0	0%	0	0%
Cổ đông khác	1.218	100%	84.363.825	100%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.218</b>	<b>100%</b>	<b>84.363.825</b>	<b>100%</b>

<b>Theo địa lý</b>				
<b>Trong nước</b>	<b>1.104</b>	<b>90,64%</b>	<b>73.856.342</b>	<b>87,55%</b>
<i>Cá nhân</i>	<i>1.068</i>	<i>87,68%</i>	<i>53.653.302</i>	<i>63,60%</i>
<i>Tổ chức</i>	<i>36</i>	<i>2,96%</i>	<i>20.203.040</i>	<i>23,95%</i>
<b>Ngoài nước</b>	<b>114</b>	<b>9,36%</b>	<b>10.507.483</b>	<b>12,45%</b>
<i>Cá nhân</i>	<i>75</i>	<i>6,16%</i>	<i>1.003.803</i>	<i>1,19%</i>
<i>Tổ chức</i>	<i>39</i>	<i>3,20%</i>	<i>9.503.680</i>	<i>11,27%</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.218</b>	<b>100%</b>	<b>84.363.825</b>	<b>100%</b>

## Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết năm 2022

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	5.008	0,01%	5.008	0,01%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư.
2	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	5.008	0,01%	8	0,00001%	Bán cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư.
3	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	10.134.305	14,33%	12.161.166	14,42%	Thực hiện quyền mua
4	Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT	9.749.367	13,78%	11.699.240	13,87%	Thực hiện quyền mua
5	Nguyễn Phương Chi	GD Chiến lược/Người phụ trách QTCT	10.000	0,01%	12.000	0,01%	Thực hiện quyền mua
6	Phan Như Bích	Giám đốc tài chính kiêm KTT	59.447	0,08%	71.336	0,08%	Thực hiện quyền mua
7	Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS	1.147	0,002%	1.376	0,00%	Thực hiện quyền mua
8	Công ty Cổ phần Thực phẩm xanh	NCLQ của TVHĐQT C.T.Q.Anh	497.296	0,70%	596.755	0,71%	Thực hiện quyền mua
9	CTCP Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	NCLQ của TVHĐQT V.Q.Long	14.137.593	19,99%	16.965.111	20,11%	Thực hiện quyền mua

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ phát sinh trong năm 2022.

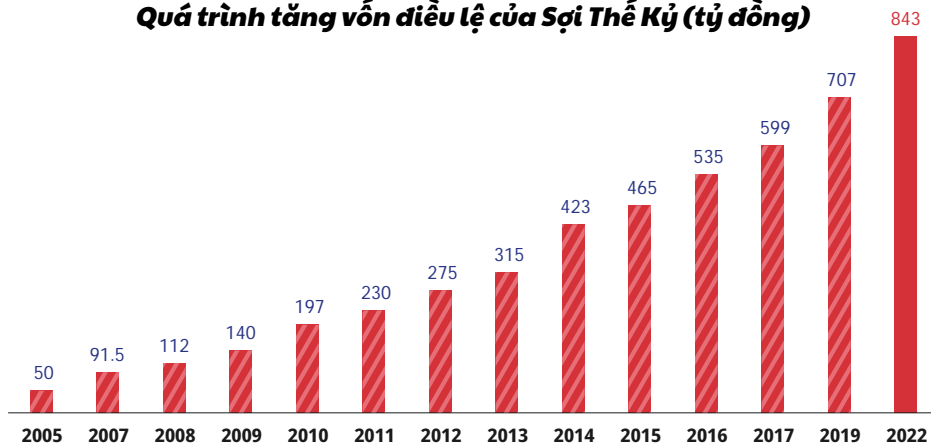
### Các chứng khoán khác

Không có



# Quá trình tăng vốn điều lệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

## Quá trình tăng vốn điều lệ của Sợi Thế Kỳ (tỷ đồng)



Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)
05/2005	Cổ phần hóa: VDL ban đầu	-	50
05/2007	Cổ đông sáng lập; Người lao động	15	65
09/2007	Cổ đông hiện hữu; Đối tác chiến lược	26,5	91,5
01/2008	Đối tác chiến lược	8,5	100
12/2008	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 12%)	12	112
11/2009	Cổ đông hiện hữu (phát hành thêm tỷ lệ: 25%)	28	140
01/2010	Đối tác chiến lược (phát hành riêng lẻ)	40	180

Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)
09/2010	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 10%)	17,3	197,3
06-07/2011	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%); Người lao động (ESOP 2010)	32,6	229,9
05/2012	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 20%)	45	274,9
06/2013	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 15%)	40,5	315,4
06/2014	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%) (- cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	77,6	393,1
12/2014	Đấu giá ra công chúng	30,0	423,1
12/2015	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	42,3	465,4
06/2016	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 10%) (- cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 05%)	69,8	535,2
09/2017	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 12%)	64,2	599,4
05/2019	Cổ đông hiện hữu (- cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 7%) (- cổ phiếu chào bán ra công chúng: 10%) (- cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV: 0.1%)	107,9	707,3
<b>09/2022</b>	<b>Cổ đông hiện hữu (-cháo bán ra công chúng: 20%)</b>	<b>136,3</b>	<b>843,6</b>

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

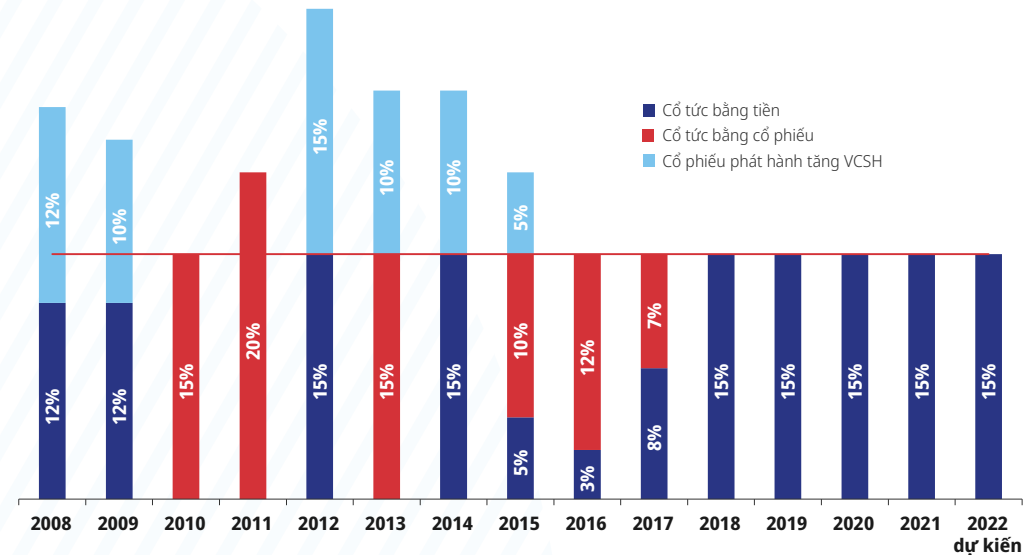
Trong năm 2022, Công ty đã chào bán thành công cổ phiếu ra công chúng

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến: 13.637.058 cổ phiếu  
Số lượng cổ phiếu chào bán thực tế: **13.636.881 cổ phiếu**
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng giá trị vốn huy động: **136.368.810.000 đồng.**
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu: 20% (5:1). Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 05 quyền được mua 01 cổ phiếu mới.
- Ngày kết thúc đợt chào bán: ngày 26/09/2022

Sau đợt chào bán này, vốn điều lệ Công ty đã tăng từ 707.269.440.000 đồng lên thành **843.638.250.000 đồng.**

## Chính sách chi trả cổ tức

### Chính sách cổ tức của STK



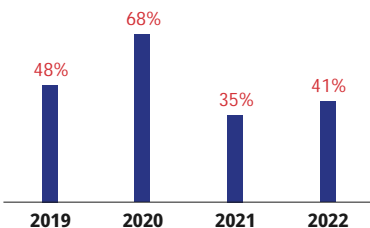
Chính sách cổ tức của Sợi Thế Kỷ luôn ổn định và duy trì mức chi trả cổ tức trên mệnh giá là 15% cho cổ đông. Tùy theo kết quả kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm, cổ tức chi trả có thể bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu và tỷ lệ này có thể lớn hơn hoặc bằng 15% nhưng không nhỏ hơn 15%.

Trong năm 2022, Công ty đã trả cổ tức cho năm tài chính 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/mệnh giá.

### Tỷ lệ chi trả cổ tức (Dividend pay-out ratio)

	2019	2020	2021	2022
Cổ tức (đồng/cổ phiếu)	1.500	1.500	1.500	1.500
Tổng giá trị cổ tức đã trả (tỷ đồng)	102.3	98.5	98.8	98.8
% Cổ tức/Lợi nhuận ròng	48%	68%	35%	41%

### Tỷ lệ chi trả cổ tức



## Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

### Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ngoài mục tiêu chính nhằm đệ trình ĐHĐCĐ những định hướng và kế hoạch hoạt động trong năm, đây là cơ hội để HĐQT và Ban điều hành lắng nghe và trao đổi trực tiếp với cổ đông, từ đó có phương án để đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

### Cuộc họp với nhà đầu tư

Đội ngũ IR cũng thường xuyên tổ chức các chuyến tham quan Công ty cho nhà đầu tư; các cuộc họp trực tiếp và trực tuyến.

Công ty cũng định kỳ hàng quý kết nối với các Công ty chứng khoán để tổ chức họp công bố kết quả kinh doanh quý (Earnings call) để giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư một cách kịp thời và đầy đủ nhất.

### Cập nhật Website Công ty

Về hoạt động công bố thông tin và các tin tức liên quan đến ngành, Công ty, được cập nhật nhanh chóng tại Chuyên mục Quan hệ cổ đông trên Website Công ty với cả 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh; đảm bảo đưa thông tin đến nhà đầu tư chính xác, minh bạch và kịp thời.

### Các bài viết, báo cáo phân tích

Hàng quý, Công ty đều phát hành "Bản tin IR" để cập nhật tình hình ngành dệt may và phân ngành sợi dài và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đến quý cổ đông và nhà đầu tư.

Ngoài ra, đội ngũ IR còn cung cấp thông tin để các chuyên viên phân tích, cơ quan báo chí theo yêu cầu.

**Trong năm 2022, bộ phận IR đã tổ chức 57 cuộc họp với các đối tượng nhà đầu tư trong và ngoài nước.**

# Quản trị công ty

Nguyên tắc Quản trị Công ty	84
Mô hình quản trị	85
Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị	85
Thông tin về Hội đồng quản trị	85
Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022	87
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2023	95
Kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị Công ty năm 2023	95
Kế hoạch huy động vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mới	95

## Nguyên tắc Quản trị Công ty

Sợi Thế Kỳ đã xây dựng Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo hướng phát triển bền vững, tạo dựng niềm tin và hình ảnh của Công ty đối với các bên liên quan như cơ quan nhà nước, nhà đầu tư, đối tác, nhà cung ứng, khách hàng, người lao động...

Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty

Đối xử công bằng giữa các cổ đông

Minh bạch trong hoạt động của Công ty

HĐQT, BKS, lãnh đạo và kiểm soát có hiệu quả

Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả

## Mô hình quản trị

Sợi Thế Kỳ đang được tổ chức và hoạt động theo mô hình quản trị được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020. Theo đó, cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) và Tổng Giám đốc (“TGD”), Ban điều hành (“BDH”), các bộ phận chức năng, các phòng nghiệp vụ chuyên môn.

Tại STK, ĐHCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Các vấn đề được ĐHCĐ thông qua được quy định tại Điều 14 Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành.

HĐQT là cơ quan quản trị tại công ty. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều 25 Điều lệ của Công ty. HĐQT có nhiệm vụ triển khai, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ về các hoạt động của Công ty.

BKS do ĐHCĐ bầu ra với chức năng thay mặt ĐHCĐ giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của BKS (bao gồm việc giám sát HĐQT và TGD, yêu cầu HĐQT và TGD giải trình về tình hình tài chính của Công ty) được quy định tại Điều 36 Điều lệ của Công ty. BKS của STK có 3 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm.

Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc được quy định tại Điều 30 Điều lệ của Công ty.

Ban Điều Hành gồm 04 thành viên sẽ hỗ trợ Tổng Giám Đốc trong việc điều hành hoạt động của Công ty.

Vui lòng xem thêm mục **Cơ cấu tổ chức Công ty** trang 24.

## Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, không có thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị.

## Thông tin về Hội đồng quản trị



### Bà **Đặng Mỹ Linh** (51 tuổi)

Ngày sinh: 19/01/1972

Trình độ văn hóa: Cao học

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993-1999	Worldtex Enterprise Co, .Ltd	Trợ lý TGD
2000-2020	CTCP Sợi Thế Kỳ	Thành viên HĐQT
2001-nay	CTCP đầu tư thương mại Liên An	TGD
	Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến	Chủ tịch
2020-nay	CTCP Sợi Thế Kỳ	Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện nay: **Chủ tịch HĐQT**

Thời gian bổ nhiệm: 14/02/2020



### Ông **Đặng Hướng Cường** (47 tuổi)

Ngày sinh: 04/07/1976

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004-nay	CT TNHH P.A.N Châu Á	Giám đốc
2005-nay	CTCP Sợi Thế Kỳ	Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay: **Thành viên HĐQT**

Thời gian bổ nhiệm: 2005



### Ông **Đặng Triệu Hoà** (54 tuổi)

Ngày sinh: 19/10/1969

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

	Đơn vị công tác	Chức vụ
1991 - 1995	Công ty TNHH TM-DV Việt Phú	Giám Đốc
1995 - 2000	Công ty TNHH TM-DV Hoàn Á	Giám Đốc
2000 - 02/2020	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
02/2020	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Chức vụ hiện nay: **Phó Chủ tịch HĐQT**

Thời gian bổ nhiệm: 14/02/2020



### Bà **Cao Thị Quế Anh** (57 tuổi)

Ngày sinh: 17/04/1966

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá thực phẩm

Quá trình công tác:

	Đơn vị công tác	Chức vụ
1991-2003	Cộng Hoà Ba Lan	Kinh doanh tự do
2003-2008	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh tự do
2008 - nay	Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh	TGD
2009-2012	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế	TV Hội đồng đầu tư,
2015-nay	TV HĐQT, CT HĐQT	
	Công ty Sợi Thế Kỳ	TV HĐQT

Chức vụ hiện nay: **Thành viên HĐQT**

Thời gian bổ nhiệm: 2015

# Thông tin về Hội đồng quản trị (tiếp theo)

## Ông **Võ Quang Long** (45 tuổi)

Ngày sinh: 28/10/1978

Trình độ văn hóa: Cao học

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006-2009	Công ty quản lý quỹ ACB	Trưởng phòng đầu tư
1/2010-9/2010	HD Bank	Trưởng phòng đầu tư
10/2010-01/2018	OCB	Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư
02/2018-nay	CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt	TGD
2018-nay	Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HĐQT

Chức vụ hiện nay: **Thành viên HĐQT**

Thời gian bổ nhiệm: 2018

## Ông **Nguyễn Quốc Hương** (52 tuổi)

Ngày sinh: 03/11/1971

Trình độ văn hóa: Cao học

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013-2014	Ngân hàng Eximbank	Tổng giám đốc
2014-2017	Ngân hàng Eximbank	Phó Tổng giám đốc
2018	Kinh doanh tự do	

Chức vụ hiện nay: **Thành viên HĐQT**

Thời gian bổ nhiệm: 2018

## Ông **Chen Che Jen** (59 tuổi)

Ngày sinh: 10/12/1964

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Công nghệ

Quá trình công tác:

	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990-1997	Formosa Taffeta Co., Ltd	Kinh doanh
1997-1999	Formosa Taffeta HK	Giám đốc
2002-nay	Formosa Taffeta VN	Giám đốc Marketing
2018-nay	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay: **Thành viên HĐQT**

Thời gian bổ nhiệm: 2018

## TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2022 (NHIỆM KỲ 2018-2023)

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong HĐQT của các công ty khác	Cá nhân/Tổ chức có liên quan sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	12.161.166	14,42%	Không có	17.680.475	20,96%
2	Đặng Triệu Hòa	Phó CT.HĐQT	11.699.240	13,87%		18.142.401	21,51%
3	Đặng Hướng Cường	TV.HĐQT	5.981.235	7,09%		23.860.406	28,29%
4	Cao Thị Quế Anh	TV.HĐQT	0	0%		596.755	0,71%
5	Võ Quang Long	TV.HĐQT	0	0%		16.965.111	20,11%
6	Chen Che Jen	TV.HĐQT	0	0%		0	0%
7	Nguyễn Quốc Hương	TV.HĐQT	0	0%		0	0%

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ (nhiệm kỳ 2018-2023) gồm 07 thành viên, trong đó:

03 thành viên là thành viên HĐQT độc lập;

06 thành viên là thành viên HĐQT không điều hành;

03 thành viên là thành viên HĐQT độc lập không điều hành

# Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022

## Các cuộc họp HĐQT

HĐQT đã tiến hành 31 cuộc họp thông qua hình thức trực tiếp và gửi thư xin ý kiến để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT đã ban hành 34 Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Biên bản và Nghị quyết HĐQT được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS.

Các cuộc họp của HĐQT đều có mời Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT đối với Ban Điều hành.

Stt.	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đặng Mỹ Linh	30/31	96,77%	Bận lịch công tác
2	Ông Đặng Triệu Hòa	31/31	100%	
3	Ông Đặng Hưởng Cường	30/31	96,77%	Bận lịch công tác
4	Bà Cao Thị Quế Anh	31/31	100%	
5	Ông Võ Quang Long	31/31	100%	
6	Ông Chen Che Jen	31/31	100%	
7	Ông Nguyễn Quốc Hương	31/31	100%	

## Các cuộc họp riêng của Thành viên HĐQT độc lập

Không có



## Các Nghị quyết của HĐQT

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01A-2022/NQHĐQT	21/01/2022	Thông qua việc thay đổi phương án sử dụng vốn mới của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%
2	01B-2022/NQHĐQT	21/01/2022	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu	100%
3	01C-2022/NQHĐQT	21/01/2022	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết	100%
4	02-2022/NQHĐQT	07/02/2022	Thông qua dự báo kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
5	03-2022/NQHĐQT	10/03/2022	Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
6	04A-2022/NQHĐQT	21/03/2022	Thông qua việc tăng vốn điều lệ vào Công ty từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%
7	04B-2022/NQHĐQT	21/03/2022	Thông qua bộ hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng nộp UBCKNN	100%
8	05-2022/NQHĐQT	30/03/2022	Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP từ nguồn cổ phiếu quỹ	100%
9	06-2022/NQHĐQT	05/04/2022	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức cho năm 2021	100%
10	07-2022/NQHĐQT	06/04/2022	Thông qua việc bổ sung tỷ lệ thành công tối thiểu cho đợt chào bán ra công chúng	100%
11	07A-2022/NQHĐQT	07/04/2022	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại OCB	100%
12	08-2022/NQHĐQT	12/04/2022	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại Ngân hàng SinoPac	100%
13	08A-2022/NQHĐQT	16/05/2022	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại Ngân hàng Vietcombank	100%
14	09-2022/NQHĐQT	20/05/2022	Thông qua việc thay thế Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07-2022/NQHĐQT ngày 06/04/2022 thông qua điều chỉnh và bổ sung một số nội dung liên quan đến đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	100%
15	09A-2022/NQHĐQT	26/05/2022	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại Ngân hàng Eximbank	100%
16	10-2022/NQHĐQT	13/06/2022	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2022	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	11-2022/NQHĐQT	07/07/2022	Thông qua ngày chốt quyền thực hiện quyền mua cổ phiếu thêm công chúng	100%
18	11A-2022/NQHĐQT	08/07/2022	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại Ngân hàng OCB	100%
19	12-2022/NQHĐQT	12/07/2022	Thông qua việc xác định tỷ lệ phân bổ quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng	100%
20	13-2022/NQHĐQT	25/07/2022	Thông qua việc triển khai đợt chào bán riêng lẻ	100%
21	14-2022/NQHĐQT	08/08/2022	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại Ngân hàng Wooribank.	100%
22	15A-2022/NQHĐQT	17/08/2022	Thông qua việc điều chỉnh 1 số nội dung của đợt chào bán riêng lẻ	100%
23	15B-2022/NQHĐQT	17/08/2022	Thông qua việc góp vốn vào UNITEX	100%
24	15C-2022/NQHĐQT	17/08/2022	Thông qua việc cho vay công ty con UNITEX	100%
25	15D-2022/NQHĐQT	17/08/2022	Thông qua việc điều chỉnh hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ	100%
26	16-2022/NQHĐQT	21/09/2022	Thông qua việc xử lý cổ phiếu không chào bán hết của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%
27	17-2022/NQHĐQT	28/09/2022	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%
28	18-2022/NQHĐQT	04/10/2022	Thông qua việc điều chỉnh giấy CNĐT của UNITEX	100%
29	19-2022/NQHĐQT	07/10/2022	Thông qua việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn của đợt chào bán riêng lẻ	100%
30	20-2022/NQHĐQT	21/10/2022	Thông qua việc góp vốn thu được từ đợt chào bán ra công chúng vào UNITEX	100%
31	21-2022/NQHĐQT	07/11/2022	Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động và tổ chức bộ phận Kiểm toán nội bộ	100%
32	22-2022/NQHĐQT	24/11/2022	Thông qua việc điều chỉnh 1 số nội dung của đợt chào bán riêng lẻ	100%
33	23-2022/NQHĐQT	25/11/2022	Thông qua việc điều chỉnh giấy CNĐT của UNITEX	100%
34	24-2022/NQHĐQT	19/12/2022	Thông qua việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS cho năm 2022	100%

## Tình hình triển khai các nghị quyết ĐHĐCĐ

Hình thức họp: Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ngày họp: 31/03/2022

STT	Nội dung thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022	Kết quả thực hiện
1.	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2021: Chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt (tỷ lệ 15%/mệnh giá)	Đã chi trả cổ tức cho năm tài chính năm 2021 vào tháng 5/2022.
2.	Thông qua dự báo doanh thu - lợi nhuận năm 2022 - Doanh thu: 2.605 tỷ đồng - Lợi nhuận sau thuế: 300,3 tỷ đồng	Kết quả thực hiện năm 2022: - Doanh thu: 2.114 tỷ đồng (đạt 81% kế hoạch); - Lợi nhuận sau thuế: 242,4 tỷ đồng (đạt 80,7% kế hoạch)/
3.	Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2022	Đã lựa chọn Công ty kiểm toán E&Y Việt Nam làm đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2022.
4.	Thông qua thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022 - Thù lao cho HĐQT: 1 tỷ và 275 triệu đồng - Thù lao cho BKS: 180 triệu đồng;	Đã thực hiện chi trả ngày 30/12/2022.

### TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

STT	Nội dung thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021	Kết quả thực hiện
1.	Thông qua Phương án sử dụng nguồn cổ phiếu quỹ để phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động	Do thị trường chứng khoán năm 2022 biến động mạnh, nên giá cổ phiếu chưa thuận lợi để phát hành. Công ty sẽ triển khai vào năm 2023.
2.	Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ	
3.	Thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ	

## Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên HĐQT đóng vai trò đánh giá và giám sát hoạt động của Ban điều hành một cách khách quan, đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan; gia tăng tính công bằng, hiệu quả chức năng đưa ra định hướng chiến lược, quản trị rủi ro, quản trị chất lượng sản xuất.

Các TVHĐQT không điều hành đều là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, tài chính và quản trị.

Các thành viên luôn tích cực tham gia góp ý cho việc xây dựng chiến lược kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- > Ông Chen Che Jen có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực sản xuất – kinh doanh sợi, ông thường xuyên theo dõi các chỉ tiêu chất lượng để đưa ra những giải pháp, kinh nghiệm quản trị rủi ro xảy ra trong hoạt động sản xuất
- > Bà Cao Thị Quế Anh có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh may mặc và tài chính, luôn luôn theo dõi và giám sát cơ cấu chi phí sản xuất, chi phí cố định, khả năng tối ưu hoá lợi nhuận.
- > Ông Nguyễn Quốc Hương có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ông luôn giám sát tình hình luân chuyển vốn lưu động, tình hình nợ vay và các chính sách phân phối lợi nhuận của Công ty.



## CÁC THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP ĐÃ THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ NHƯ SAU:

### Cơ cấu HĐQT

HĐQT có số lượng thành viên hợp lý

Cơ cấu HĐQT, bao gồm tỷ lệ của các TVHĐQT độc lập và không độc lập, sự đa dạng về giới tính, quốc tịch, kỹ năng và kinh nghiệm hợp lý để đảm bảo hiệu quả tối đa.

Các TVHĐQT có nhận thức được vai trò mà quý vị và các TVHĐQT khác được kỳ vọng sẽ thực hiện và có kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết cho vai trò đó.

Các TVHĐQT không đặt lợi ích của Công ty cao hơn lợi ích của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào khác.

Quy trình lựa chọn TVHĐQT mới hiệu quả.

### Vai trò giám sát ban điều hành của HĐQT

HĐQT tự đặt các mục tiêu của mình và đánh giá việc thực hiện các mục tiêu này hàng năm.

HĐQT hoạt động hiệu quả trong việc xem xét, phê chuẩn và giám sát việc triển khai các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh (kết quả hoạt động và tài chính).

HĐQT hoạt động hiệu quả trong việc đánh giá các cán bộ quản lý cao cấp.

HĐQT đã hiệu quả trong việc xây dựng môi trường quản trị doanh nghiệp đảm bảo việc CBTT kịp thời và hiệu quả, trách nhiệm giải trình đối với hiệu quả tài chính của doanh nghiệp, các tiêu chuẩn đạo đức ở mức độ cao và tuân thủ các qui định hiện hành.

HĐQT đã hiệu quả trong việc xây dựng cơ cấu quản trị doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho HĐQT hoàn thành các nghĩa vụ.

HĐQT đã hiệu quả trong việc chất vấn, tư vấn và hỗ trợ các cán bộ quản lý cao cấp của Công ty.

HĐQT đảm bảo là Ban Điều hành xác định các rủi ro hoạt động và tài chính trọng yếu của Công ty và triển khai các hệ thống và chương trình hợp lý để kiểm soát những rủi ro này.

Hệ thống kiểm soát của Công ty hiệu quả trong việc xác định các rủi ro trọng yếu và báo cáo các vi phạm nghiêm trọng đối với các qui định và pháp luật.

Các TVHĐQT không điều hành đóng góp hiệu quả vào sự phát triển chiến lược và giám sát hiệu quả hoạt động của các TVHĐQT điều hành, trong việc đưa ra cả hỗ trợ lẫn thách thức.

### Hiểu Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty

HĐQT có thể diễn đạt rõ ràng các hoạt động kinh doanh chính, kế hoạch/định hướng chiến lược của Công ty và các nguồn lực tài chính và nhân sự cần thiết để Công ty đạt được các mục tiêu.

HĐQT hiểu rõ về các yếu tố cạnh tranh ảnh hưởng tới Công ty.

HĐQT hiệu quả trong việc xác định các nguy cơ và cơ hội có ảnh hưởng quan trọng tới tương lai của Công ty.

Các TVHĐQT luôn tự cập nhật về các xu hướng và các vấn đề ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty.

HĐQT được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề sau:

- 1.Các mục tiêu hoạt động và tài chính và các kế hoạch của Công ty;
- 2.Kết quả kinh doanh của Công ty và các mảng kinh doanh chủ chốt;
- 3.Các rủi ro và các vấn đề ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công ty;
- 4.Các xu hướng dài hạn chủ đạo và các lựa chọn chiến lược của Công ty.

Công ty có chương trình định hướng đầy đủ cho các TVHĐQT mới.

Thư ký HĐQT đã hoạt động hiệu quả trong việc cung cấp thông tin cho HĐQT và hỗ trợ CTHĐQT và các TVHĐQT độc lập.

Các quy định cho HĐQT hợp lý trong việc xác định rõ vai trò và nghĩa vụ, đảm bảo nêu đúng các vấn đề.

### Các buổi họp của HĐQT

Các buổi họp của HĐQT được tiến hành theo cách khuyến khích trao đổi thẳng thắn, tham gia tích cực của các TVHĐQT và có giải pháp kịp thời cho các vấn đề được nêu.

HĐQT phản hồi tích cực và có tính xây dựng khi có sự kiện xảy để có thể đưa ra những quyết định hiệu quả và thực thi quyết định cũng như khuyến khích sự minh bạch.

Phong cách lãnh đạo của Chủ tịch HĐQT khuyến khích việc ra quyết định hiệu quả và các cuộc tranh luận có tính chất xây dựng và đảm bảo là HĐQT đoàn kết.

Các TVHĐQT quyết định một cách khách quan và hợp tác vì lợi ích cao nhất của Công ty và cảm thấy cùng có trách nhiệm trong việc đạt được các mục tiêu chung của Công ty.

HĐQT đã dành thời gian hợp lý để thảo luận các vấn đề hoạt động cũng như các vấn đề chiến lược.

HĐQT đã có cơ hội đầy đủ để gặp với các cán bộ quản lý cao cấp.

HĐQT đã được cung cấp đầy đủ thông tin và có thời gian đủ để xem xét các vấn đề có thể gây ra xung đột lợi ích.

Có đủ thời gian để các TVHĐQT độc lập gặp gỡ và thảo luận riêng.

Các thông tin, bao gồm kế hoạch ngân sách và báo cáo tài chính, được cung cấp cho các TVHĐQT trước các cuộc gặp đáp ứng kỳ vọng của quý TVHĐQT về mức độ chi tiết và cô đọng.

Các báo cáo trình bày cho HĐQT tại các cuộc gặp đáp ứng kỳ vọng của quý TVHĐQT về mức độ chi tiết và cô đọng, có số liệu, chính xác và không thiên vị.

HĐQT nhận được phản hồi thích hợp và đúng hạn của Ban điều hành đối với những vấn đề mà HĐQT nêu ra.

Thời gian các cuộc họp được phân bổ hợp lý giữa các phần trình bày của ban điều hành và phần thảo luận của HĐQT.

Thời lượng mỗi cuộc họp đủ để HĐQT có thể thảo luận các vấn đề quan trọng.

Số lượng các cuộc họp trong năm đủ để HĐQT có thể hoạt động hiệu quả.

Các TVHĐQT tới dự họp đã chuẩn bị và đã đặt các câu hỏi chất vấn phù hợp cho Ban điều hành.

## Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty:

Có 4/7 thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2018-2023), 3/3 thành viên Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2018-2023) đã được cấp chứng chỉ về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước công nhận. Công ty luôn tạo điều kiện để tất cả các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty. Tuy nhiên, do thời gian các khóa đào tạo thường trùng với lịch công tác của Ban Quản trị nên các thành viên không tham gia khóa học được. Bên cạnh đó, STK có 01 thành viên HĐQT là người nước ngoài, do khóa học không hỗ trợ ngôn ngữ thứ hai cho nên cũng ảnh hưởng đến việc hoàn thành chứng chỉ Quản trị Công ty theo quy định.

Danh sách thành viên HĐQT, BKS đã được đào tạo về quản trị Công ty:

Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT
Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT
Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT
Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT
Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS
Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS
Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS

## Các tiểu ban HĐQT

Công ty chưa thành lập các tiểu ban HĐQT nên không có hoạt động của các tiểu ban HĐQT.

## Đánh giá hoạt động của HĐQT

### ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC - KIỂM SOÁT

HĐQT đã xem xét kế hoạch kinh doanh mà Ban điều hành đề trình và định hướng để Công ty đạt được kế hoạch đã đặt ra.

Dựa trên bối cảnh kinh doanh và các cuộc họp HĐQT hàng quý, HĐQT cũng chỉ đạo, đưa ra kiến nghị và giải pháp để Ban điều hành xem xét và điều chỉnh phương án kinh doanh, tiết giảm chi phí, gia tăng hiệu quả sản xuất, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.

HĐQT đã chỉ đạo việc đầu tư góp vốn, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng và vốn chủ sở hữu, đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty.

HĐQT cũng cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn về môi trường kinh doanh, yếu tố kinh tế vĩ mô để Ban điều hành có cái nhìn sâu rộng, tăng cường tăng phòng vệ, cải thiện yếu tố bất lợi từ thị trường, đối thủ cạnh tranh

Cơ cấu của HĐQT đảm bảo tuân thủ qui định khi có 3/7 thành viên HĐQT độc lập.

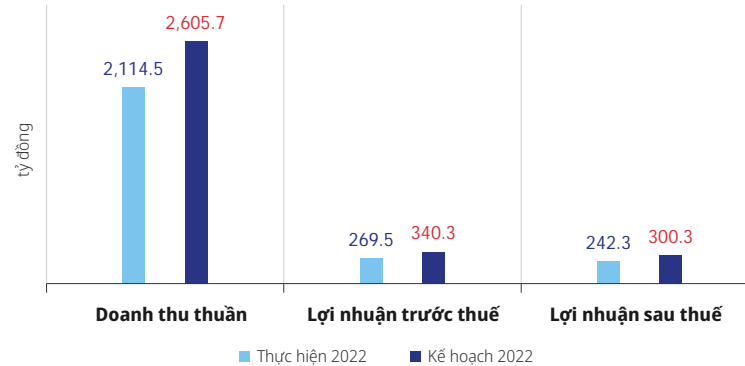
Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đã tích cực tham gia các cuộc họp của HĐQT, giám sát hoạt động của Ban điều hành và đưa ra những góp ý thiết thực cho Ban điều hành và HĐQT trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh, triển khai các kế hoạch kinh doanh và nâng cao chất lượng của hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Các thành viên HĐQT đã được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời để có thể đưa ra những đánh giá phân tích đúng đắn về tình hình doanh nghiệp và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của cổ đông và của Công ty.

Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu trữ theo đúng quy định.

## Đánh giá của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban điều hành

### Đánh giá tổng quan về tình hình hoạt động của Công ty



Công ty không duy trì đà tăng trưởng trong năm 2022, cụ thể mặc dù Doanh thu tăng 3,5% so với cùng kỳ 2021 nhưng lợi nhuận trước thuế giảm 5,7% và lợi nhuận sau thuế giảm 13,6% so với năm 2021.

Do điều kiện kinh doanh không thuận lợi cũng như tình hình nhu cầu dệt may sụt giảm trên thế giới, Công ty cũng không đạt được kế hoạch đặt ra cho năm 2022, cụ thể Doanh thu thuần đạt 81% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 79% và lợi nhuận sau thuế cũng đạt ~81% so với kế hoạch.

Tuy nhiên, Công ty cũng đạt được 1 số thành tựu nhất định trong năm 2022:

Duy trì được lợi thế cạnh tranh của Sợi tái chế, tỷ trọng Sợi tái chế đạt 52%, đóng góp lớn vào kết quả lợi nhuận chung của Công ty.

Duy trì và mở rộng mạng lưới khách hàng; nghiên cứu & phát triển sản phẩm mới

Triển khai dự án đầu tư mở rộng tăng công suất

Đảm bảo tình hình tài chính ổn định, lành mạnh

Bên cạnh đó, Công ty cần phải tập trung nguồn lực để quản lý tốt chất lượng sản xuất và đạt mục tiêu kết quả kinh doanh để duy trì niềm tin với cổ đông, đối tác...; phân bổ nguồn vốn đầu tư hợp lý để đảm bảo khả năng thanh toán, tình hình tài chính ổn định cho Công ty.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

### Phương thức giám sát

HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban điều hành thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ, các cuộc họp thông qua thư điện tử, về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.

HĐQT đã thảo luận và phê chuẩn các Nghị quyết của Hội đồng quản trị dựa trên đề xuất của Ban điều hành;

Ban điều hành có trách nhiệm giải thích chi tiết về kết quả kinh doanh quý và năm, dự báo kết quả kinh doanh của quý hoặc năm tiếp theo.

### Kết quả thực hiện

Ban điều hành đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

HĐQT đã đưa ra các giải pháp cải tiến hoạt động, quản trị rủi ro, hỗ trợ Ban điều hành, từ đó đạt được những thành tựu nhất định trong năm 2022.

Tuy nhiên, kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2022 chưa đạt mục tiêu đã đề ra.

Ban điều hành cần phải nỗ lực hơn trong năm 2023 trước bối cảnh kinh doanh còn nhiều thách thức. Ban điều hành phải đưa ra chiến lược cụ thể cho hoạt động kinh doanh, tiếp tục phát triển và ổn định thị trường, nâng cao tỉ trọng đóng góp của sợi tái chế, phát triển sản phẩm mới, cân đối tình hình tài chính của Công ty.

Các giám đốc chuyên trách cần phải thực hiện tốt chức năng của mình để hỗ trợ Tổng giám đốc điều hành và giám sát các hoạt động của các phòng ban, phát hiện những điểm cần cải tiến để ngăn ngừa rủi ro xuất phát từ nội bộ Công ty, từ đó tăng cường nội lực để ứng phó với các rủi ro từ bên ngoài.

## CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẶT RA NĂM 2023

**Tiếp tục nâng cao tỷ trọng sợi tái chế**

**Hoàn thành hạng mục Nhà máy mở rộng tăng công suất tại Công ty con (Giai đoạn 1)**

**Đạt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận năm 2023**

## Đánh giá của HĐQT về tình hình thực hiện mục tiêu môi trường-lao động-xã hội

HĐQT có vai trò chính trong việc hoạch định mục tiêu và định hướng phát triển bền vững cho Công ty. Trong đó, định hướng phát triển bền vững được cụ thể hóa theo từng mục tiêu cho các bộ phận, phòng ban và các đơn vị cơ sở khác, HĐQT sẽ có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và đảm bảo rằng các mục tiêu PTBV đặt ra được triển khai và thực hiện tại doanh nghiệp.

Thông qua việc mục tiêu của từng bộ phận, phòng ban sẽ được lượng hóa thành các chỉ tiêu (KPI), Ban điều hành có thể đánh giá và đo lường một cách chính xác và hiệu quả kết quả thực hiện định hướng phát triển bền vững của từng phòng, ban theo mục tiêu chung của Công ty.

Định kỳ hàng quý, HĐQT sẽ tiến hành họp để nghe Ban điều hành Công ty báo cáo và kịp thời đưa ra các chỉ đạo cho các hoạt động kinh doanh và sản xuất của STK. Từng khía cạnh về kinh tế - xã hội - môi trường đều được các đại diện của Ban điều hành trình bày trực tiếp trước HĐQT trong các buổi họp. Thành viên HĐQT sẽ đánh giá và đưa ra các định hướng để cải thiện kết quả hoạt động của Công ty.

HĐQT giao Ban điều hành và bộ phận Quan hệ cổ đông chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế, quy định của Việt Nam và phù hợp với tình trạng thực tế của Công ty.

## Môi trường

HĐQT đánh giá cao Công ty đã có những sáng kiến trong việc bảo vệ môi trường; ngoài việc tăng tỷ lệ sợi tái chế lên 52% trên doanh thu và tăng doanh thu sợi màu (từ 0,2% năm 2021 lên 0,9% năm 2022), Công ty đã lắp đặt và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái, giúp góp phần giảm phát thải nhà kính; ngoài ra Công ty cũng đã thực hiện việc hợp tác mở rộng tăng công suất năng lượng mặt trời.

Công ty đã hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín từ khâu nguyên vật liệu đến khâu thành phẩm: phế phẩm lại được tái sản xuất thành nguyên vật liệu.

Ngoài ra Công ty còn tái sử dụng ống giấy, các vật liệu đóng gói khác.

## Lao động

Mặc dù các yếu tố vĩ mô không thuận lợi, Công ty vẫn đảm bảo được chế độ phúc lợi cơ bản; môi trường làm việc an toàn cho người lao động.

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2022 tăng 5% với với năm 2021;

Các chế độ thưởng lễ, Tết và hiệu quả hoạt động kinh doanh vẫn được duy trì đầy đủ và đúng hạn, giúp ổn định cuộc sống cho người lao động.

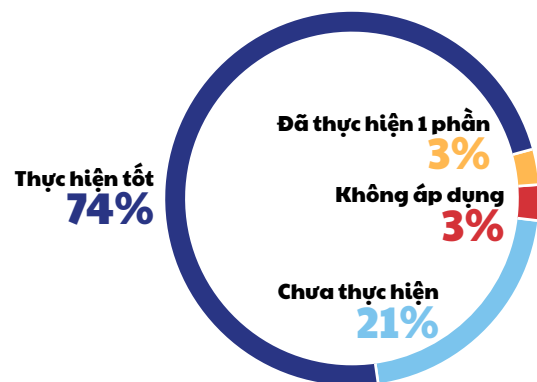
## Cộng đồng xã hội

Công ty vẫn thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách nhà nước và chi trả đúng hạn cho nhà cung ứng.

## Đánh giá tình hình thực hiện quản trị Công ty năm 2022

### ĐÁNH GIÁ THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Dựa theo chuẩn mực quản trị Công ty của khu vực ASEAN (ASEAN Corporate Governance Scorecards), Sơ Thể Kỳ đã thực hiện tốt 108/146 tiêu chí trong Thẻ điểm Quản trị Công ty.



#### Các tiêu chí đã thực hiện tốt:

- > Đảm bảo quyền cơ bản của cổ đông
- > Đảm bảo đối xử bình đẳng với cổ đông
- > Bảo vệ quyền lợi các bên có liên quan
- > Đảm bảo công bố thông tin minh bạch
- > Đảm bảo trách nhiệm của HĐQT được thực hiện

#### Các tiêu chí cần cải thiện:

- > Cơ cấu HĐQT: chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT
- > Tình hình thực hiện quản trị Công ty theo pháp luật

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO PHÁP LUẬT

Quy định	Lý do chưa thực hiện theo quy định	Hướng khắc phục
Công ty có Tổng giám đốc là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, chưa đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020.	Công ty chưa tìm được nhân sự có đủ năng lực và chuyên môn để đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty.	Công ty sẽ tiếp tục tìm nhân sự có chuyên môn phù hợp để đảm nhiệm vị trí này.

## Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2023

Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của TGD và Ban điều hành nhằm thực hiện các kế hoạch kinh doanh trong năm 2023.

Song hành với TGD và Ban điều hành trong việc xác định các cơ hội mở rộng kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh bền vững cho STK.

Hoạch định chiến lược và chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân sự.

Giám sát tình hình quản lý chi phí, hiệu quả hoạt động của Ban điều hành.

Lồng ghép các yếu tố PTBV vào trong quản trị Công ty.

## Kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị Công ty năm 2023

Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp; Hoàn thiện chức năng Kiểm toán nội bộ, tăng cường quản trị rủi ro trong bối cảnh điều kiện kinh doanh không thuận lợi.

## Kế hoạch huy động vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mới

Công ty đang trong quá trình nộp hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ để huy động vốn đầu tư Nhà máy mở rộng công suất tại Công ty con.

Xem thêm Mục **Tình hình đầu tư dự án**, trang 75, **Báo cáo thường niên năm 2022**.



# Báo cáo ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

97

Hoạt động của Ban kiểm soát

98

Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

99

# Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 (bắt đầu từ ngày 17/04/2018)



## Ông Nguyễn Tự Lực

*Trưởng Ban kiểm soát*

Năm sinh: 1952

Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán

Quá trình làm việc:

2007 - nay Trưởng Ban Kiểm soát, STK

2006 - nay Trợ lý Tổng Giám đốc, STK

2000 - 2006 Kế toán trưởng, STK

1984 - 2000 Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á

1979 - 1984 Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM,  
Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn



## Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền

*Thành viên Ban kiểm soát*

Năm sinh: 1990

Trình độ học vấn: Cử nhân

Quá trình làm việc:

2012 - 2019 Trưởng nhóm kinh doanh, STK

2019 - 2020 Trợ lý TGD

2020 - nay Chuyên viên KD Công ty KPack



## Bà Đinh Ngọc Hoa

*Thành viên Ban kiểm soát*

Năm sinh: 1979

Trình độ học vấn: Cử nhân ngành Kinh doanh tiền tệ

Quá trình làm việc:

2005 - nay Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, STK

2002 - 2004 Nhân viên kế toán CTY TNHH Ví Hợp

Trong năm 2022, không có sự thay đổi về cơ cấu thành viên BKS.

## TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN BKS NĂM 2022 (NHIỆM KỲ 2018-2023)

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong BKS của các công ty khác	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	0	0%	-	-
2	Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS	1.376	0,0016%	-	-
3	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	8	0,00001%	-	-

## Hoạt động của Ban kiểm soát

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2022 là tiến hành họp để xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS trong năm, trong đó có phân công công việc đảm trách của từng thành viên BKS, trong năm BKS đã họp 4 lần, cụ thể như sau:

- > Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty
- > Tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ
- > Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty
- > Đánh giá về sự phối hợp của HĐQT với Ban Điều Hành.
- > Đánh giá về tình hình đầu tư của Công ty, các dự án đã và đang thực hiện theo NQ HĐQT.
- > Từ đó đưa ra kiến nghị đối với HĐQT trong các năm tiếp theo.

### Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Nội dung	Ngày họp	Kết quả
1	Đánh giá tình hình hoạt động cả năm 2022	21/01/2022	Thông nhất 100%
2	Thảo luận kế hoạch hoạt động năm 2023	27/04/2022	Thông nhất 100%
3	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 2 và 6 tháng năm 2022	28/08/2022	Thông nhất 100%
4	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 3 và 9 tháng 2022	28/11/2022	Thông nhất 100%

# Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

## Đánh giá của BKS về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022

- > Các phiên họp Hội đồng quản trị có mời trưởng ban Ban kiểm soát tham dự đầy đủ.
- > Nhìn chung, Hội đồng quản trị công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo điều lệ công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật.

### PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM TÀI CHÍNH 2021

Cổ tức bằng tiền mặt 15%/mệnh giá

Thời gian thực hiện

Tháng 05/2022

### KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2022

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022	So sánh với thực hiện năm 2021	So sánh với kế hoạch năm 2022
Doanh thu thuần	2.114,5	3,5%	81,1%
Lợi nhuận trước thuế	269,5	-5,7%	79,2%
Lợi nhuận sau thuế	242,3	-13%	80,7%

### MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2021	So sánh
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,06	1,39	0,67
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,26	0,72	0,53
Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,20	0,26	(0,06)
Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,14	0,16	(0,02)
Năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	3,71	3,64	0,07
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,00	1,04	(0,04)
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận từ HĐKD trên doanh thu thuần	%	12,80%	13,96%	-1,16%
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	11,46%	13,63%	-2,18%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	11,40%	14,13%	-2,73%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	15,72%	22,12%	-6,40%

### CÔNG BỐ THÔNG TIN

Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định về việc công bố thông tin của công ty đại chúng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

## Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT

BKS đã tham gia các phiên họp của HĐQT với vai trò quan sát viên để nắm tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đóng góp ý kiến tại cuộc họp trong trách nhiệm và quyền hạn của mình.

BKS đã theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đảm bảo công khai, minh bạch.

BKS đã định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tính tuân thủ các Quy chế, Điều lệ, tính hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của công ty.

Trong năm 2022, BKS tiếp tục duy trì việc chú trọng vào kiểm soát rủi ro, thông qua việc rà soát lại quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành, tiến tới đề nghị đề nghị bổ sung các quy trình, quy chế còn thiếu đảm bảo, để STK hoạt động an toàn và phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn.

Tiến hành các cuộc họp (trực tiếp và bằng văn bản) để thống nhất thông qua về kết quả kinh doanh, các chiến lược và mục tiêu phát triển theo từng quý, bán niên, cả năm của Công ty.

## Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của Ban điều hành

Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, quy định của nhà nước trong điều hành sản xuất, cụ thể:

- > Chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của STK theo kế hoạch kinh doanh đã được thông qua ĐHCĐ năm 2022 thông qua.
- > Tuân thủ quy định pháp luật về góp vốn, xây dựng, đầu tư, đăng ký kinh doanh.
- > Triển khai các cuộc họp thống nhất chiến lược hành động mục tiêu kinh doanh, giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong quản lý và hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro đến từ nội tại Công ty và môi trường bên ngoài.

Dựa trên kết quả kinh doanh năm 2022, BKS đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm của mình trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được mục tiêu lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên mục tiêu về doanh thu và lợi nhuận vẫn chưa đạt.

## Giám sát tình hình tài chính của Công ty

- > Công ty đã lập Báo cáo tài chính Quý (04 Báo cáo/năm) và công bố theo quy định của pháp luật và nghĩa vụ CBTT của Công ty niêm yết.
- > Báo cáo tài chính soát xét hợp nhất và Báo cáo tài chính năm hợp nhất của CTCP Sợi Thế Kỳ đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- > Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại 31/12/2022, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Số liệu kế toán được công bố không có sự thay đổi đột ngột khi so sánh số liệu không kiểm toán hàng quý và số liệu đã soát xét, kiểm toán bởi EY Việt Nam.

## Đánh giá của BKS về sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm 2021

### SỰ AM HIỂU KINH DOANH, TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC CỦA HĐQT:

Hầu hết các thành viên trong Hội đồng quản trị có hiểu biết và kinh nghiệm trong lãnh vực sản xuất sợi, bên cạnh đó có trình độ về quản trị doanh nghiệp vì đã được đào tạo và kinh qua nắm giữ các trọng trách lãnh đạo các doanh nghiệp, trên cơ sở đó cho thấy Hội đồng quản trị có đầy đủ có tầm nhìn chiến lược để lãnh đạo công ty.

Nhìn chung, Hội đồng công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng quản trị theo điều lệ công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên có trình độ và kinh nghiệm thời gian làm việc tại các tổ chức khác nhau. Do đó, các thành viên đều thành thạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Ban kiểm soát đã lên kế hoạch cho năm thứ tư của nhiệm kỳ 2018-2023 và phân công công việc cho mỗi thành viên thực hiện báo cáo BKS trình bày tại Đại hội cổ đông thường niên.

## Kết quả giải quyết khiếu nại của Cổ đông đối với Công ty (nếu có)

Trong năm 2022, BKS không nhận được bất kỳ khiếu nại hay yêu cầu nào cần phải thẩm định hay kiểm tra bất thường trong hoạt động của Công ty.

## Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS đối với 2023

Kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS: tiếp tục thực hiện theo chiến lược định hướng chung của Công ty.

**Kiến nghị:** Trên cơ sở do STK đang được điều hành phù hợp theo các quy định hiện hành. BKS nhận thấy chưa có các phát sinh bất cập trong quá trình giám sát của mình, và BKS không có ý kiến hay kiến nghị gì.

# **Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có liên quan**

Ngăn ngừa xung đột lợi ích	<b>102</b>
Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan	<b>102</b>
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2022	<b>102</b>
Giao dịch với đối tượng khác	<b>102</b>
Lương, thưởng và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành	<b>103</b>

## Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Các Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám Đốc Điều Hành và cán bộ quản lý khác (“Người Quản Lý”) của Công ty tuân thủ các qui định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. Cụ thể như sau:

1. Người Quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Người Quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người Quản lý và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Người Quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều Người Quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
  - b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản lý đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
  - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.

## Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan

Không có

## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2022

Vui lòng xem mục **Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết năm 2022**, trang 62, **Báo cáo thường niên 2022**.

## Giao dịch với đối tượng khác

Giao dịch giữa Công ty và Công ty con của Công ty (Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX) đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 15C-2022/NQHĐQT ngày 17/08/2022.

Tên tổ chức	Giấy CNKD/Ngày cấp	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch	Nội dung	Tổng giá trị đã giao dịch (VND)
Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX	3901206611 cấp ngày 29/06/2015	Công ty con	2022	Cho vay	169.550.461.000

# Lương, thưởng và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành

## Lương, thưởng và thù lao của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương & Thưởng	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	150.000.000	-	01/01/2022-31/12/2022
2	Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	150.000.000	(xem phần thù lao của Ban điều hành)	01/01/2022-31/12/2022
3	Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT không điều hành	150.000.000	-	01/01/2022-31/12/2022
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225.000.000	-	01/01/2022-31/12/2022
5	Võ Quang Long	Thành viên HĐQT không điều hành	150.000.000	-	01/01/2022-31/12/2022
6	Chen Che Jen	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225.000.000	-	01/01/2022-31/12/2022
7	Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225.000.000	-	01/01/2022-31/12/2022
<b>Tổng cộng (VND)</b>			<b>1.275.000.000</b>		

## Lương, thưởng và thù lao của BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương & Thưởng	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	60.000.000		01/01/2022-31/12/2022
2	Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS	60.000.000		01/01/2022-31/12/2022
3	Đình Ngọc Hoa	Thành viên BKS	60.000.000	352.272.489	01/01/2022-31/12/2022
<b>Tổng cộng (VND)</b>			<b>180.000.000</b>	<b>352.272.489</b>	

## Lương, thưởng và thù lao của Ban Điều Hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương & Thưởng	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Triệu Hòa	TGD	(xem mục HĐQT)	1.310.900.000	01/01/2022-31/12/2022
2	Nguyễn Phương Chi	GD chiến lược	-	1.451.556.387	01/01/2022-31/12/2022
3	Phan Như Bích	GD tài chính	-	864.751.531	01/01/2022-31/12/2022
<b>Tổng cộng (VND)</b>				<b>3.627.207.918</b>	



# **Báo cáo** **tài chính** **kiểm toán** **hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thông tin chung **105**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc **106**

Báo cáo kiểm toán độc lập **107**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất **108**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất **110**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất **111**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất **112**

# THÔNG TIN CHUNG

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302018927 sửa đổi lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 11 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bà Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Bà Đặng Mỹ Linh</i>	<i>Chủ tịch</i>
<i>Ông Đặng Triệu Hòa</i>	<i>Phó Chủ tịch</i>
<i>Ông Đặng Hướng Cường</i>	<i>Thành viên</i>
<i>Bà Cao Thị Quế Anh</i>	<i>Thành viên</i>
<i>Ông Chen Che Jen</i>	<i>Thành viên</i>
<i>Ông Võ Quang Long</i>	<i>Thành viên</i>
<i>Ông Nguyễn Quốc Hương</i>	<i>Thành viên</i>

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Ông Nguyễn Tự Lực</i>	<i>Trưởng ban</i>
<i>Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền</i>	<i>Thành viên</i>
<i>Bà Đinh Ngọc Hoa</i>	<i>Thành viên</i>

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Ông Đặng Triệu Hòa</i>	<i>Tổng Giám đốc</i>
<i>Bà Nguyễn Phương Chi</i>	<i>Giám đốc Phát triển Chiến lược</i>
<i>Ông Phan Như Bích</i>	<i>Giám đốc Tài chính</i>

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là ông Đặng Triệu Hòa.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

**Đặng Triệu Hòa**

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 13 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

**Maria Cristina M. Calimbás**

Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1073-2023-004-1

**Đặng Minh Tài**

Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2815-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.199.951.103.248</b>	<b>986.230.344.776</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>235.284.187.347</b>	<b>366.205.978.093</b>
111	1. Tiền		20.784.187.347	24.205.978.093
112	2. Các khoản tương đương tiền		214.500.000.000	342.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>180.000.000.000</b>	<b>-</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	180.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>225.986.702.005</b>	<b>87.022.805.785</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	69.400.071.855	69.083.156.471
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	151.583.002.310	16.351.481.025
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	3.471.000.000	
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.532.627.840	1.588.168.289
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>466.136.524.256</b>	<b>471.504.991.659</b>
141	1. Hàng tồn kho		472.682.334.984	490.920.247.655
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.545.810.728)	(19.415.255.996)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>92.543.689.640</b>	<b>61.496.569.239</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	3.067.765.320	5.930.866.811
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	84.182.005.136	42.013.872.115
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	5.293.919.184	13.551.830.313

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>925.081.840.609</b>	<b>984.909.304.450</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>11.279.690.982</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	11.279.690.982
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>730.566.913.801</b>	<b>806.745.403.454</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	730.566.913.801	806.644.500.122
222	Nguyên giá		2.088.323.320.799	2.058.140.940.344
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.357.756.406.998)	(1.251.496.440.222)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	100.903.332
228	Nguyên giá		14.385.298.205	14.385.298.205
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.385.298.205)	(14.284.394.873)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>40.942.507.371</b>	<b>24.178.132.004</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	40.942.507.371	24.178.132.004
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>13.800.000.000</b>	<b>6.097.134.018</b>
253	1. Đầu tư vào công ty khác		13.800.000.000	6.097.134.018
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>139.772.419.437</b>	<b>136.608.943.992</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	136.348.216.385	133.546.225.816
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	3.424.203.052	3.062.718.176
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.125.032.943.857</b>	<b>1.971.139.649.226</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.199.951.103.248</b>	<b>986.230.344.776</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>583.671.887.207</b>	<b>711.866.113.607</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	219.788.323.822	291.395.910.347
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	8.783.975.931	41.623.436.088
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.568.641.115	11.810.815.168
314	4. Phải trả người lao động		24.626.980.550	26.624.030.474
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	6.447.916.477	8.266.264.038
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	6.659.866.578	6.233.724.905
320	7. Vay ngắn hạn	20	308.095.357.806	321.327.876.336
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.15	5.700.824.928	4.584.056.251
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>270.998.167</b>	<b>280.104.373</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		270.998.167	280.104.373

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.541.090.058.483</b>	<b>1.258.993.431.246</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>1.541.090.058.483</b>	<b>1.258.993.431.246</b>
411	1. Vốn cổ phần		843.638.250.000	707.269.440.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		843.638.250.000	707.269.440.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.824.578.872	35.093.198.872
413	3. Cổ phiếu quỹ		(42.410.550.000)	(42.410.550.000)
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		1.219.011.000	1.219.011.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		697.818.768.611	557.822.331.374
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		455.544.390.374	279.342.679.536
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		242.274.378.237	278.479.651.838
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.125.032.943.857</b>	<b>1.971.139.649.226</b>

Người lập  
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng  
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc  
Đặng Triệu Hoà

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

B02-DN/HN

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	22.1	2.116.780.568.379	2.043.370.881.890
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(2.248.877.567)	(982.169.267)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	2.114.531.690.812	2.042.388.712.623
11	4. Giá vốn hàng bán	26	(1.741.237.965.679)	(1.667.905.910.801)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		373.293.725.133	374.482.801.822
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	29.340.143.578	18.043.108.556
22	7. Chi phí tài chính	23	(48.364.243.092)	(8.691.611.219)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(9.128.352.047)</i>	<i>(5.319.270.025)</i>
25	8. Chi phí bán hàng	24, 26	(19.448.338.303)	(27.145.444.741)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25, 26	(64.115.797.999)	(71.510.694.737)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		270.705.489.317	285.178.159.681

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	11. Thu nhập khác		713.832.657	722.041.900
32	12. Chi phí khác		(1.956.678.674)	(161.637.493)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(1.242.846.017)	560.404.407
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		269.462.643.300	285.738.564.088
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(27.549.749.939)	(4.754.187.463)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	27.3	361.484.876	(2.504.724.787)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		242.274.378.237	278.479.651.838
61	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		242.274.378.237	278.479.651.838
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	3.341	4.084
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	3.341	4.084

Người lập  
**Nguyễn Thị Hồng Thắm**

Kế toán trưởng  
**Phan Như Bích**

Tổng Giám đốc  
**Đặng Triệu Hoà**

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>269.462.643.300</b>	<b>285.738.564.088</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10, 11	106.360.870.108	110.577.079.644
03	Hoàn nhập dự phòng		(12.869.445.268)	(5.108.829.897)
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		11.564.710.655	(2.465.573.499)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(17.725.426.686)	(6.327.104.473)
06	Chi phí lãi vay	23	9.128.352.047	5.319.270.025
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>365.921.704.156</b>	<b>387.733.405.888</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(308.390.925.789)	(34.345.039.507)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		18.237.912.671	(65.853.422.700)
11	Tăng các khoản phải trả		169.333.161.750	24.333.144.265
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		61.110.922	(2.671.101.512)
13	Tiền lãi vay đã trả		(8.515.119.480)	(5.481.366.305)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(24.802.880.291)	(16.351.031.025)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.784.708.236
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(7.719.336)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>211.844.963.939</b>	<b>290.141.566.004</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(188.651.811.052)	(3.400.740.060)
23	Tiền chi gửi tiết kiệm ngân hàng		(180.000.000.000)	-
24	Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng		-	26.000.000.000

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
25	Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.519.092.895
27	Tiền thu lãi tiền gửi		17.114.857.133	6.327.149.578
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(351.536.953.919)</b>	<b>30.445.502.413</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	142.100.190.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	20	1.057.928.818.066	1.070.324.713.667
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(1.088.272.662.348)	(1.018.171.245.277)
36	Cổ tức đã trả cho các cổ đông	21.2	(102.213.100.650)	(102.197.517.784)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>9.543.245.068</b>	<b>(50.044.049.394)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(130.148.744.912)</b>	<b>270.543.019.023</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>366.205.978.093</b>	<b>95.106.312.655</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(773.045.834)	556.646.415
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>235.284.187.347</b>	<b>366.205.978.093</b>

Người lập  
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng  
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc  
Đặng Triệu Hoà

Ngày 13 tháng 3 năm 2023



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302018927 sửa đổi lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 11 năm 2022.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện tại là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 882 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 927).

### Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một công ty con như sau:

Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex ("Unitex") tiền thân là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 452033000336 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3901206611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 6 năm 2015, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận Đầu tư của Unitex là sản xuất xơ sợi, vải thành phẩm. Unitex có trụ sở chính tọa lạc tại lô A17.1, đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hiện tại, Unitex đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Vào ngày 21 tháng 10 năm 2022, Công ty tăng vốn điều lệ vào Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex ("Unitex") với số tiền là 142.100.190.000 VND theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông số 273-22/CV-CTTK ngày 21 tháng 3 năm 2022.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại UNITEX.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 5 năm

#### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- > Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng; và
- > Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

#### Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi vào ngày 3 tháng 7 năm 2000 trong thời hạn 50 năm và Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh vào ngày 21 tháng 7 năm 2009 trong thời hạn 45 năm và vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2053.

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

### 3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### 3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

### 3.11 Các khoản đầu tư

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của Nhóm Công ty liên kết sau ngày Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### **Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư**

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 liên quan đến việc hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch (“tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình”). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

#### **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

#### **Tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 3.17 Thuế

#### Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- > *Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;*
- > *Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ kế toán năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- > *Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;*
- > *Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- > *đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc*
- > *Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.*

### 3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	16.586.058	35.847.322
Tiền gửi ngân hàng	20.767.601.289	24.170.130.771
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	214.500.000.000	342.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>235.284.187.347</b>	<b>366.205.978.093</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 1,0% đến 6,0%/năm.

#### 5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có thời hạn từ ba (3) tháng trở lên nhưng không vượt quá một (1) năm và hưởng lãi suất tại 7,1%/năm.

#### 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

##### 6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Unifi Châu Á Thái Bình Dương Hồng Kông	21.883.037.796	10.545.551.846
Công ty TNHH Coats Phong Phú	9.602.862.329	13.412.446.823
Thai Toray Synthetics Co., Ltd.	8.902.945.036	-
Công ty TNHH Chori - Osaka	8.798.473.838	12.352.370.186
Công ty TNHH Dệt Nhuộm Nam Phương	7.331.860.800	-
Khác	21.783.837.092	32.772.787.616
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.400.071.855</b>	<b>69.083.156.471</b>

Chi tiết số đầu năm được trình bày phù hợp với chi tiết số cuối năm.

##### 6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Multicom Machinery Taiwan LTD	149.091.159.230	10.643.457.000
Công ty TNHH Công nghệ VBS	880.000.000	1.090.594.122
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Trường Hải	346.500.000	1.705.000.000
Oerlikon Barmag Zweigniederlassung	277.735.068	-
Zhangjiagang Shuoxiang Internationa	222.402.560	-
Schill +Seilacher GMBH Boeblingen	-	1.086.189.280
Khác	265.205.452	1.826.240.623
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>151.583.002.310</b>	<b>16.351.481.025</b>

## 7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.471.000.000</b>	-
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam	3.471.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	-	<b>11.279.690.982</b>
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam	-	11.279.690.982
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.471.000.000</b>	<b>11.279.690.982</b>

Số dư thể hiện cho Công ty TNHH Dintsun Việt Nam (“Dintsun”) vay theo Biên bản Thỏa thuận Góp vốn Đầu tư số DTVN - 2019001 ký ngày 12 tháng 12 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 để bổ sung vốn đầu tư dự án Khu Công nghiệp Sóc Trăng và không chịu lãi suất. Vào ngày 16 tháng 6 năm 2022, Công ty hoàn thành đầu tư thêm vào Dintsun với giá trị là 7.702.865.982 VND dưới hình thức chuyển đổi khoản cho vay dài hạn theo Biên bản Thỏa thuận Góp vốn Đầu tư số DTVN-2019000.

## 9. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	283.606.536.566	(3.112.425.296)	249.440.713.272	(16.104.310.749)
Nguyên vật liệu	165.479.464.761	(3.433.385.432)	208.061.491.372	(3.310.945.247)
Hàng mua đang đi trên đường	23.596.333.657	-	33.418.043.011	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>472.682.334.984</b>	<b>(6.545.810.728)</b>	<b>490.920.247.655</b>	<b>(19.415.255.996)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(19.415.255.996)	(24.524.085.893)
<i>Cộng: Dự phòng trích lập trong năm</i>	-	(4.635.353.349)
<i>Trừ: Hoàn nhập dự phòng trích lập trong năm</i>	12.869.445.268	9.744.183.246
Số cuối năm	(6.545.810.728)	(19.415.255.996)

## 8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	-	801.791.320
Khác	1.532.627.840	786.376.969
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.532.627.840</b>	<b>1.588.168.289</b>

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	304.608.626.458	1.565.972.049.649	182.768.538.157	4.791.726.080	2.058.140.940.344
Mua mới	-	2.903.711.599	4.032.952.000	-	6.936.663.599
Chuyển từ xây dựng cơ bản					
dở dang hoàn thành	-	23.245.716.856	-	-	23.245.716.856
Số cuối năm	304.608.626.458	1.592.121.478.104	186.801.490.157	4.791.726.080	2.088.323.320.799
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	88.291.213.410	570.109.047.670	101.158.012.334	3.838.565.694	763.396.839.108
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(150.939.967.561)	(952.160.023.166)	(143.778.284.908)	(4.618.164.587)	(1.251.496.440.222)
Khấu hao trong năm	(9.207.445.922)	(81.423.931.680)	(15.574.889.219)	(53.699.955)	(106.259.966.776)
Số cuối năm	(160.147.413.483)	(1.033.583.954.846)	(159.353.174.127)	(4.671.864.542)	(1.357.756.406.998)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	153.668.658.897	613.812.026.483	38.990.253.249	173.561.493	806.644.500.122
Số cuối năm	144.461.212.975	558.537.523.258	27.448.316.030	119.861.538	730.566.913.801

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Phần mềm máy vi tính
<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm và số cuối năm	14.385.298.205
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	13.834.916.387
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Số đầu năm	(14.284.394.873)
Hao mòn trong năm	(100.903.332)
Số cuối năm	(14.385.298.205)
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	100.903.332
Số cuối năm	-

## 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án nhà máy UNITEX	29.973.680.699	-
Máy móc và thiết bị chờ lắp đặt	10.928.370.930	23.843.586.550
Mua tài sản khác	40.455.742	334.545.454
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.942.507.371</b>	<b>24.178.132.004</b>

### 13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty khác (Thuyết minh số 13.1)	13.800.000.000	6.097.134.018

#### 13.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam	5	13.800.000.000	5	6.097.134.018

Công ty TNHH Dintsun Việt Nam ("Dintsun") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200764052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2019. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Dintsun là đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng. Dintsun có trụ sở chính đăng ký tại Ấp Xây Đá B, Xã Hồ Đắc Kiện, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty hoàn thành đầu tư thêm vào Dintsun với giá trị là 7.702.865.982 VND dưới hình thức chuyển đổi khoản cho vay dài hạn.

### 14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.067.765.320</b>	<b>5.930.866.811</b>
Bảo hiểm	1.250.123.438	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	944.488.607	4.237.790.753
Chi phí thuê xe	320.000.000	1.658.228.059
Khác	553.153.275	34.848.000
<b>Dài hạn</b>	<b>136.348.216.385</b>	<b>133.546.225.816</b>
Tiền thuê đất	112.833.871.240	113.811.689.249
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.921.580.213	18.710.893.905
Khác	3.592.764.932	1.023.642.662
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>139.415.981.705</b>	<b>139.477.092.627</b>

### 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tainan Spinning Co., Ltd	105.308.480.400	91.222.587.200
Unifi Textile (Suzhou) Co., Ltd	53.768.088.000	63.461.746.000
Chori Co., Ltd	30.323.800.800	46.151.762.440
Pt. Indo-Rama Synthetics TBK	-	60.490.976.000
Khác	30.387.954.622	30.068.838.707
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>219.788.323.822</b>	<b>291.395.910.347</b>

### 16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lear Corporation - Kenansville	3.681.251.674	9.398.398.464
Treasure Star International Limited	417.331.620	5.794.349.760
Công ty TNHH Dệt nhuộm Nam Phương	-	5.373.566.979
Khác	4.685.392.637	21.057.120.885
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.783.975.931</b>	<b>41.623.436.088</b>



## 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.499.586.755	17.582.009.349	(24.856.768.314)	775.172.210
Thuế thu nhập cá nhân	113.431.355	10.036.100.094	(9.660.767.046)	488.764.403
Thuế giá trị gia tăng	5.197.797.058	228.690.349.163	(231.583.441.719)	2.304.704.502
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.810.815.168</b>	<b>256.308.458.606</b>	<b>(266.100.977.079)</b>	<b>3.568.641.115</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.551.830.313	-	(8.286.052.993)	5.080.546.040
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	42.013.872.115	268.657.345.928	(226.489.212.907)	84.182.005.136
Thuế xuất, nhập khẩu	-	205.628.626	-	205.628.626
Khác	-	983.342.198	(975.597.680)	7.744.518
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.565.702.428</b>	<b>269.846.316.752</b>	<b>(235.936.094.860)</b>	<b>89.475.924.320</b>

## 18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tiện ích	4.913.918.642	7.191.132.150
Chi phí hoa hồng bán hàng	753.799.125	868.165.745
Chi phí lãi vay	780.198.710	76.631.638
Khác	-	130.334.505
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.447.916.477</b>	<b>8.266.264.038</b>

## 19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	843.221.735	3.245.911.456
Cổ tức	327.500.530	262.660.180
Khác	5.489.144.313	2.725.153.269
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.659.866.578</b>	<b>6.233.724.905</b>

## 20. VAY NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Đánh giá lại do chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
		Tăng	Giảm		
Vay ngân hàng	321.327.876.336	1.057.928.818.066	(1.088.272.662.348)	17.111.325.752	308.095.357.806

Các khoản vay tín chấp từ các ngân hàng được thực hiện nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chịu lãi suất dao động từ 2,2%/năm đến 4,5%/năm (đối với dư nợ ngoại tệ). Chi tiết được trình bày như sau:

VND

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Nguyên tệ USD	Kỳ hạn trả gốc
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	118.455.076.628	5.060.020	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2023 đến ngày 26 tháng 3 năm 2023
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Hồ Chí Minh	109.018.438.675	4.656.917	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2023 đến ngày 29 tháng 5 năm 2023
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	68.203.305.703	2.913.426	Từ ngày 11 tháng 1 năm 2023 đến ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	12.418.536.800	530.480	Từ ngày 5 tháng 3 năm 2023 đến ngày 30 tháng 5 năm 2023
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>308.095.357.806</b>	<b>13.160.844</b>	

## 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 21.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>						
Số đầu năm	707.269.440.000	35.093.198.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	381.620.620.536	1.082.791.720.408
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	278.479.651.838	278.479.651.838
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(102.277.941.000)	(102.277.941.000)
Số cuối năm	707.269.440.000	35.093.198.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	557.822.331.374	1.258.993.431.246
<b>Năm nay:</b>						
Số đầu năm	707.269.440.000	35.093.198.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	557.822.331.374	1.258.993.431.246
Tăng vốn (*)	136.368.810.000	5.731.380.000	-	-	-	142.100.190.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	242.274.378.237	242.274.378.237
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	-	(102.277.941.000)	(102.277.941.000)
Số cuối năm	843.638.250.000	40.824.578.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	697.818.768.611	1.541.090.058.483

(\*) Vào ngày 26 tháng 9 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 13.636.881 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 03-2021/NQ-ĐHĐCĐ/TK ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11-2022/NQHĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2022. Vào ngày 12 tháng 11 năm 2022, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 20 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 707.269.440.000 VND lên 843.638.250.000 VND.

(\*\*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06-2022/NQHĐQT/TK ngày 5 tháng 4 năm 2022 đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền là 15% mệnh giá cổ phiếu với tổng giá trị là 102.277.941.000 VND.

## 21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm	707.269.440.000	707.269.440.000
Tăng vốn	136.368.810.000	-
Số cuối năm	<b>843.638.250.000</b>	<b>707.269.440.000</b>
<b>Cổ tức đã công bố</b>	<b>(102.277.941.000)</b>	<b>(102.277.941.000)</b>
Cổ tức đã trả bằng tiền	(102.213.100.650)	(102.197.517.784)

## 21.3 Cổ phiếu

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>84.363.825</b>	<b>843.638.250.000</b>	<b>70.726.944</b>	<b>707.269.440.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>				
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	84.363.825	843.638.250.000	70.726.944	707.269.440.000
Cổ phiếu phổ thông	84.363.825	843.638.250.000	70.726.944	707.269.440.000
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(2.541.650)	(42.410.550.000)	(2.541.650)	(42.410.550.000)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	81.822.175	801.227.700.000	68.185.294	664.858.890.000

## 22. DOANH THU

### 22.1 Doanh thu bán hàng

VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>2.116.780.568.379</b>	<b>2.043.370.881.890</b>
<i>Trừ:</i>		
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	(805.683.048)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(2.230.118.022)	(176.486.219)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.114.531.690.812</b>	<b>2.042.388.712.623</b>

### 22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	17.725.426.686	6.327.104.473
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.614.716.892	11.716.004.083
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.340.143.578</b>	<b>18.043.108.556</b>

## 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	39.235.891.045	3.372.341.194
Lãi tiền vay	9.128.352.047	5.319.270.025
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.364.243.092</b>	<b>8.691.611.219</b>

## 24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	Năm trước
Phí vận chuyển	9.109.582.228	12.887.594.470
Phí phát hành thư tín dụng (L/C), chứng từ xuất khẩu	5.393.435.037	8.357.779.614
Chi phí hoa hồng bán hàng	2.344.551.101	2.517.539.901
Khác	2.600.769.937	3.382.530.756
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.448.338.303</b>	<b>27.145.444.741</b>

## 25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	32.601.644.783	31.887.770.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.781.628.224	21.814.899.153
Chi phí phụ tùng, vật phẩm	9.527.080.924	10.280.604.921
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.577.509.247	1.469.700.501
Chi phí khác	6.627.934.821	6.057.719.798
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.115.797.999</b>	<b>71.510.694.737</b>

## 26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.277.763.972.568	1.187.454.840.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	247.909.931.827	272.537.233.024
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 10 và 11)	106.360.870.108	110.577.079.644
Chi phí nhân công	139.698.790.039	144.522.919.401
Chi phí khác	53.068.537.439	51.469.977.879
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.824.802.101.981</b>	<b>1.766.562.050.279</b>

## 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty như sau:

- > Đối với trụ sở Củ Chi, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế.
- > Đối với Chi nhánh Trảng Bàng, thuế TNDN áp dụng theo từng loại sản phẩm. Cụ thể:  
Thu nhập từ sản phẩm FDY và DTY được miễn thuế TNDN trong bốn năm (2011 - 2014) và được giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2015 - 2023). Thuế suất áp dụng thuế suất là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2011.

Thu nhập từ sản phẩm FDY và DTY mở rộng được miễn thuế trong bốn năm (2016 - 2019) và giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2020 - 2028). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.

Thu nhập từ sản phẩm POY giai đoạn 3 được miễn thuế trong hai năm (2016 - 2017) và giảm 50% số thuế TNDN trong bốn năm tiếp theo (2018 - 2021). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.

Báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do vậy, việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 27.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.516.255.103	28.130.207.047
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(966.505.164)	(23.376.019.584)
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(361.484.876)	2.504.724.787
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.188.265.063</b>	<b>7.258.912.250</b>

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## 27.2 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	269.462.643.300	285.738.564.088
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	53.892.528.660	57.147.712.818
Các khoản điều chỉnh:		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế	890.040.642	2.145.823.035
Ưu đãi thuế ở Chi nhánh Trảng Bàng	(28.330.081.489)	(31.842.022.978)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(966.505.164)	(23.376.019.584)
Lợi nhuận chưa thực hiện	943.595.911	3.183.418.959
Lỗi thuế chưa ghi nhận Thuế TNDN hoãn lại của công ty con	758.686.503	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>27.188.265.063</b>	<b>7.258.912.250</b>

## 27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Chi phí phải trả	2.361.618.377	2.625.065.485	(263.447.108)	(158.505.665)
Dự phòng	950.483.191	337.150.913	613,332,278	(621.014.307)
Chênh lệch tỷ giá	66.600.232	54.615.853	11.984.379	32.867.909
Trợ cấp thôi việc phải trả	45.501.252	45.885.925	(384.673)	(21.497.592)
Lỗi thuế chuyển sang năm sau	-	-	-	(1.736.575.132)
	<b>3.424.203.052</b>	<b>3.062.718.176</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>361.484.876</b>	<b>(2.504.724.787)</b>

## 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan do người thân của thành viên HĐQT của Nhóm Công ty đầu tư	Bán hàng	-	21.857.929.365

Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Đặng Triệu Hòa	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.460.900.000	1.517.400.001
Ông Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Chen Che Jen	Thành viên HĐQT	225.000.000	225.000.000
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT	225.000.000	225.000.000
Ông Võ Quang Long	Thành viên HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT	225.000.000	225.000.000
Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên ban kiểm soát	352.272.489	351.987.385
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược	1.451.556.387	1.271.233.115
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	864.751.531	832.379.070
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.374.480.407</b>	<b>5.217.999.571</b>

### 29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	242.274.378.237	278.479.651.838
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	72.519.207	68.185.294
Lãi trên cổ phiếu ( <i>mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu</i> )		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.341	4.084
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.341	4.084

Không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	769.388.400	340.500.000
Từ 1 đến 5 năm	2.420.769.251	1.362.000.000
Trên 5 năm	12.350.772.653	9.902.875.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.540.930.304</b>	<b>11.332.215.412</b>

### 31. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ chính:		
Đô la Mỹ (USD)	112.156	101.190

### 32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Người lập  
**Nguyễn Thị Hồng Thắm**

Kế toán trưởng  
**Phan Như Bích**

Tổng Giám đốc  
**Đặng Triệu Hoà**

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

# PHỤ LỤC: THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
<b>A. Quyền của Cổ đông</b>			
<b>A.1</b>	<b>Quyền cơ bản của cổ đông</b>		
A.1.1	Trả cổ tức trong vòng 30 ngày sau khi công bố	chưa thực hiện thông lệ	STK mới thực hiện việc chi trả cổ tức theo qui định của Việt nam (trong thời gian 6 tháng kể từ khi kết thúc ĐHĐCĐ).
<b>A.2</b>	<b>Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của công ty.</b>		
	<b>Cổ đông có quyền tham gia:</b>		
A.2.1	Sửa đổi qui chế (điều lệ) công ty?	đã thực hiện thông lệ này	Đã sửa đổi điều lệ theo Điều lệ mẫu
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	không phát sinh trong kỳ	Không phát sinh trong năm 2020, nhưng STK đã thực hiện thông lệ này khi có nhu cầu tăng vốn
		đã thực hiện thông lệ này	
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	không phát sinh trong kỳ	Sự kiện này không phát sinh trong kỳ
<b>A.3</b>	<b>Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết.</b>		
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thủ lao hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành?	đã thực hiện thông lệ này	NQĐHĐCĐ 2022, số 01-2022 ban hành ngày 31/03/2022, BBĐHĐCĐ 2022 ngày 31/03/2022
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên HĐQT?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ Công ty qui định các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên
A.3.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên HĐQT?	đã thực hiện thông lệ này	Qui chế bầu cử có qui định rõ ràng
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành?	đã thực hiện thông lệ này	Qui chế biểu quyết, Qui chế bầu cử được công bố rõ ràng trên Website và trước khi đại hội tiến hành
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	đã thực hiện thông lệ này	Biên bản họp ĐHĐCĐ năm 2022 đã tường thuật chi tiết các câu hỏi của cổ đông và trả lời của HĐQT/BTGD
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	đã thực hiện thông lệ này	Biên bản họp ĐHĐCĐ năm 2022 đã ghi chi tiết kết quả bầu chọn cho mỗi nội dung lấy ý kiến ĐHĐCĐ
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	đã thực hiện thông lệ này	Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ 2022 đã ghi đủ danh sách TVHĐQT tham dự
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGD/Giám đốc Điều hành (nếu TGD/Giám đốc Điều hành không phải là thành viên HĐQT) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	đã thực hiện thông lệ này	Do tại STK TGD và chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm nên trong BB ĐHĐCĐ đã ghi đủ thành phần tham dự
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ Công ty và Qui chế biểu quyết có qui định vấn đề này
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ Công ty và Thẻ lệ biểu quyết có qui định vấn đề này

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	đã thực hiện thông lệ này	ĐHĐCĐ 2022 đã mời một bên độc lập tham gia ban kiểm phiếu. Tuy nhiên không có đại biểu nào tham dự
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	đã thực hiện thông lệ này	Biên bản và nghị quyết HĐQT được công bố trong vòng 24h trên website Công ty
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	đã thực hiện thông lệ này	Công ty đã thực hiện thông lệ này.
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/ hoặc các báo cáo đính kèm?	đã thực hiện thông lệ này	Các tờ trình ĐHĐCĐ của Công ty đều nêu rõ thông tin và cơ sở cho vấn đề cần thông qua
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ công ty có quy định vấn đề này và trên thực tế Công ty luôn tạo điều kiện để cổ đông đóng góp vấn đề thảo luận vào chương trình nghị sự
<b>A.4</b>	<b>Thị trường giao dịch đầu tư công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch.</b>		
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc đầu tư cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ Công ty có quy định vấn đề này
<b>A.5</b>	<b>Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức.</b>		
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN của Công ty có nêu các kênh liên lạc của cổ đông và trên website Công ty có địa chỉ liên lạc của bộ phận quan hệ cổ đông
<b>B. Đối xử Bình đẳng với Cổ đông</b>			
<b>B.1</b>	<b>Cổ phiếu và quyền biểu quyết</b>		
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ và Thể lệ biểu quyết có quy định vấn đề này
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)?	không phát sinh trong kỳ	Sự kiện này không phát sinh trong kỳ
<b>B.2</b>	<b>Thông báo ĐHĐCĐ</b>		
B.2.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	đã thực hiện một phần thông lệ	Công ty có lập các tờ trình cho từng vấn đề riêng lẻ để lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, tuy nhiên trong NQ vẫn gộp nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	đã thực hiện thông lệ này	Đã thực hiện đầy đủ từ ĐHĐCĐ 2017
	<b>Thông báo về ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:</b>		



Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
B.2.3	Có cung cấp tiêu sử của thành viên/ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên HĐQT đang tại vị trong các công ty niêm yết khác)?	đã thực hiện thông lệ này	Sơ yếu lý lịch của ứng viên HĐQT được công bố
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	đã thực hiện thông lệ này	Tờ trình ĐHĐCĐ 2022 về vấn đề này có nêu danh sách các công ty kiểm toán được đề cử và tiêu chí lựa chọn
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	đã thực hiện thông lệ này	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được gửi kèm trong thư mời họp và được đăng tải trên website của công ty.
<b>B.3</b>	<b>Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân.</b>		
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ Công ty và Bộ Quy Tắc Ứng xử có qui định rõ vấn đề này
B.3.2	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	đã thực hiện thông lệ này	Quy trình CBTT có qui định vấn đề này
<b>B.4</b>	<b>Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao.</b>		
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	đã thực hiện tốt thông lệ	Điều lệ có qui định vấn đề này
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ có qui định vấn đề này
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ có qui định vấn đề này
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó qui định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ có qui định vấn đề này
<b>B.5</b>	<b>Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng</b>		
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN 2022 đã nêu ở mục ngăn ngừa xung đột lợi ích với các bên liên quan
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ Công ty có qui định về vấn đề này và trên thực tế Công ty đã tuân thủ các qui định này.

### C. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
<b>C.1</b>	<b>Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng.</b>		
	<b>Công ty có công bố chính sách và các thực hành về:</b>		
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử của Công ty có qui định vấn đề này
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử của Công ty có qui định vấn đề này
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững ?	đã thực hiện thông lệ này	Báo cáo phát triển bền vững kể từ năm 2015 có nêu rõ vấn đề này
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	đã thực hiện thông lệ này	Báo cáo phát triển bền vững kể từ năm 2015 có nêu rõ vấn đề này
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử của Công ty có qui định vấn đề này
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử của Công ty có qui định vấn đề này
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử của Công ty có qui định vấn đề này
<b>C.2</b>	<b>Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm.</b>		
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay BCTN để các bên có quyền lợi liên quan có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	đã thực hiện thông lệ này	Website của Công ty có số điện thoại và email liên hệ của bộ phận bán hàng và quan hệ cổ đông
<b>C.3</b>	<b>Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng.</b>		
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	đã thực hiện thông lệ này	Báo cáo phát triển bền vững có nêu rõ ràng các chính sách liên quan đến vấn đề này.
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	đã thực hiện thông lệ này	Báo cáo phát triển bền vững có nêu rõ ràng các chính sách liên quan đến vấn đề này.
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	đã thực hiện thông lệ này	Công ty có phát hành ESOP trong các năm 2011, 2015 và 2018
<b>C.4</b>	<b>Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.</b>		
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web công ty hoặc BCTN?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử có cơ chế thông tin phản hồi. Tuy nhiên công ty chưa cung cấp thông tin liên hệ trên website hoặc BCTN
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức ?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ qui tắc ứng xử có nêu Cơ chế thông báo vi phạm - phản hồi

#### D. Công bố thông tin và Minh bạch

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
<b>D.1</b>	<b>Cấu trúc sở hữu minh bạch</b>		
D.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có danh sách cổ đông lớn (sở hữu >5% cổ phần)
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có công bố tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp của cổ đông lớn
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có công bố tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp của TV HĐQT
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban điều hành?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có công bố tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp của BDH
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/ (SPV)?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
<b>D.2</b>	<b>Chất lượng của BCTN</b>		
	<b><i>BCTN của công ty có công bố những nội dung sau:</i></b>		
D.2.1	Mục tiêu của công ty	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.2.4	Chính sách cổ tức	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
	<b><i>Tuyên bố Khẳng định về Quản trị Công ty</i></b>		
D.2.8	BCTN có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
<b>D.3</b>	<b>Công bố Giao dịch bên liên quan (GDBLQ)</b>		
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
<b>D.4</b>	<b>Thành viên/ủy viên HĐQT giao dịch cổ phiếu của công ty</b>		

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người người nội bộ của công ty thực hiện?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
<b>D.5</b>	<b>Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán</b>		
D.5.1	Phi kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?	chưa thực hiện thông lệ	chưa thực hiện được thông lệ này vì công ty kiểm toán yêu cầu giữ bí mật phi kiểm toán
D.5.2	Phi dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	không phát sinh trong kỳ	Công ty không sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của công ty kiểm toán trong kỳ
<b>D.6</b>	<b>Phương tiện truyền thông</b>		
	<b>Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây?</b>		
D.6.1	Báo cáo quý	đã thực hiện thông lệ này	Công ty có CBTT báo cáo quý và Bản tin nhà đầu tư quý kể từ năm 2015
D.6.2	Trang thông tin điện tử của công ty	đã thực hiện thông lệ này	Trên website của Công ty có mục quan hệ cổ đông
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	đã thực hiện một phần thông lệ	Trên website của Công ty có nêu danh sách các chuyên gia phân tích có ra báo cáo nhưng chưa nêu các đánh giá của chuyên gia phân tích. Công ty có tổ chức các buổi gặp với chuyên viên phân tích
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	đã thực hiện thông lệ này	Khi có sự kiện lớn Công ty có mời báo chí tới để đưa tin
<b>D.7</b>	<b>Nội/công bố BCTN/báo cáo tài chính đúng hạn</b>		
D.7.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	đã thực hiện thông lệ này	
D.7.2	BCTN có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	đã thực hiện thông lệ này	
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?	đã thực hiện thông lệ này	HĐQT ra quyết định phê duyệt nội dung của BCTN
<b>D.8</b>	<b>Trang thông tin điện tử của công ty</b>		
	<b>Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về:</b>		
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quý gần nhất)	đã thực hiện thông lệ này	
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	đã thực hiện thông lệ này	
D.8.3	BCTN có thể được tải về	đã thực hiện thông lệ này	
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường		
D.8.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	đã thực hiện thông lệ này	
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về	đã thực hiện thông lệ này	
<b>D.9</b>	<b>Quan hệ nhà đầu tư</b>		

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu chi tiết các thông tin này
<b>E. Trách nhiệm của HĐQT</b>			
<b>E.1</b>	<b>Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT</b>		
	<i>Trách nhiệm của HĐQT và qui chế quản trị công ty được xác định rõ ràng</i>		
E.1.1	Công ty có công bố qui chế quản trị công ty / điều lệ hoạt động của HĐQT?	đã thực hiện thông lệ này	Qui chế quản trị và Điều lệ Công ty đã được đăng trên website của Công ty
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	đã thực hiện thông lệ này	Các nghị quyết của HĐQT được CBTT theo đúng qui định hiện hành và được nêu trong BCTN và BCQT
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	đã thực hiện thông lệ này	Điều lệ và Qui chế quản trị có quy định rõ trách nhiệm của TVHĐQT
	<i>Tâm nhìn/sứ mệnh của công ty</i>		
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	đã thực hiện thông lệ này	Công ty có công bố đầy đủ nội dung này trên website của Công ty và trong BCTN
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	đã thực hiện thông lệ này	Các cuộc họp HĐQT thường xuyên xem xét tình hình thực hiện chiến lược
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	đã thực hiện thông lệ này	Các cuộc họp HĐQT thường xuyên xem xét tình hình thực hiện chiến lược
<b>E.2</b>	<b>Cơ cấu HĐQT</b>		
	<i>Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử</i>		
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ quy tắc ứng xử được đăng trên Website của Công ty
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ quy tắc ứng xử có qui định về vấn đề này
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ quy tắc ứng xử có qui định về vấn đề này
	<i>Thành phần và cơ cấu của Hội đồng Quản trị.</i>		
E.2.4	Thành viên HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên HĐQT?	chưa thực hiện thông lệ	Hiện 3/7 TVHĐQT là thành viên độc lập
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/ không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	đã thực hiện thông lệ này	Mặc dù Điều lệ Công ty chưa qui định vấn đề này nhưng Công ty và các TVHĐQT tuân thủ qui định của Pháp luật hiện hành
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	đã thực hiện thông lệ này	Công ty không có trường hợp này
	<i>Tiểu ban nhân sự</i>		

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.2.8	Công ty có Tiểu ban Nhân sự hay không?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.10	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
<b>Tiểu ban Thù lao/ Lương thưởng</b>			
E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thù lao không?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.14	Tiểu ban Thù lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.15	Chủ tịch của Tiểu ban Thù lao có phải là thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Thù lao?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thù lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thù lao có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
<b>Tiểu ban Kiểm toán</b>			
E.2.18	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm ?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	Công ty đang trong quá trình nghiên cứu để thành lập tiểu ban này
<b>E.3</b>	<b>Quy trình HĐQT</b>		

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
<b>Họp và tham dự họp HĐQT</b>			
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu lịch làm việc dự kiến của HĐQT
E.3.2	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	đã thực hiện thông lệ này	Ngoài các cuộc họp trực tiếp (4 lần/năm), HĐQT còn có các cuộc họp không trực tiếp (trao đổi email, điện thoại). Năm 2022 số cuộc họp không trực tiếp là 27 cuộc họp
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	đã thực hiện thông lệ này	
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	đã thực hiện thông lệ này	Hiện tại việc thông qua các quyết định của HĐQT theo nguyên tắc quá bán theo yêu cầu của luật doanh nghiệp. Tuy nhiên trên thực tế toàn bộ các nghị quyết HĐQT của STK đều được thông qua với tỷ lệ 100%
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	chưa thực hiện thông lệ	
<b>Tiếp cận thông tin</b>			
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?	đã thực hiện thông lệ này	
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	đã thực hiện thông lệ này	Vai trò của Thư ký Công ty được quy định trong Điều lệ và trên thực tế đang được bộ phận quan hệ cổ đông đảm nhận
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	đã thực hiện thông lệ này	Bộ phận quan hệ cổ đông thường xuyên được cập nhật các vấn đề liên quan tới pháp lý
<b>Bổ nhiệm và tái cử thành viên HĐQT</b>			
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới?	đã thực hiện thông lệ này	Thông báo cho cổ đông về việc ứng cử đề cử TVHĐQT có quy định rõ các tiêu chí lựa chọn TVHĐQT
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	đã thực hiện thông lệ này	Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử TVHĐQT có quy định rõ
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 5 năm một lần?	đã thực hiện thông lệ này	1 nhiệm kỳ kéo dài 5 năm
<b>Các vấn đề thù lao</b>			
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGD?	đã thực hiện thông lệ này	các thông tin này được công bố trong BCTN
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	đã thực hiện thông lệ này	các thông tin này được công bố trong BCTN
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	đã thực hiện thông lệ này	Công ty có lập tờ trình riêng để ĐHĐCĐ thông qua
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deffered bonus)?	chưa thực hiện thông lệ	
<b>Kiểm toán Nội bộ</b>			

Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?	đã thực hiện một phần thông lệ	Bộ phận kiểm soát nội bộ không được bổ nhiệm chính thức mặc dù công ty có chỉ định nhân sự thực hiện kiểm soát một số hoạt động (sản xuất, tài chính)
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	chưa thực hiện thông lệ	
E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	chưa thực hiện thông lệ	
<b>Giám sát rủi ro</b>			
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN đã nêu các vấn đề này
E.3.20	BCTN/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	đã thực hiện thông lệ này	Báo cáo của BKS đã nêu các vấn đề này
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	đã thực hiện thông lệ này	BCTN có nêu các rủi ro và biện pháp xử lý
E.3.22	BCTN/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	chưa thực hiện thông lệ	
<b>E.4 Nhân sự trong HĐQT</b>			
<b>Chủ tịch HĐQT</b>			
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGD?	đã thực hiện thông lệ này	STK đã tách bạch 2 chức danh này
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	chưa thực hiện thông lệ	STK chưa áp dụng thông lệ này vì chưa tìm được nhân sự có chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với vị trí này khá khó khăn
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	đã thực hiện thông lệ này	Thành viên HĐQT-hiện tại đang là Phó chủ tịch HĐQT đã và đang làm Tổng Giám đốc trong 2 năm trước
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của chủ tịch có được công bố công khai?	đã thực hiện thông lệ này	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch được qui định trong Điều lệ, Qui chế quản trị và các tài liệu này được công bố trên website của Công ty
<b>Trưởng thành viên HĐQT độc lập</b>			
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	chưa thực hiện thông lệ	
<b>Kỹ năng và năng lực</b>			



Mã	Tiêu chí		Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	đã thực hiện thông lệ này	
E.5	Hiệu quả HĐQT		
<b>Phát triển thành viên HĐQT</b>			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?	đã thực hiện thông lệ này	Công ty có cung cấp Điều lệ, Quy chế quản trị cho TVHĐQT mới
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	đã thực hiện thông lệ này	Các TVHĐQT được khuyến khích tham gia khóa đào tạo về Quản trị Công ty
<b>Bổ nhiệm và Hiệu quả của TGD/Ban điều hành</b>			
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	chưa thực hiện thông lệ	
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	đã thực hiện thông lệ này	Báo cáo của HĐQT có đánh giá hiệu quả của BTGD
<b>Đánh giá HĐQT</b>			
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	đã thực hiện thông lệ này	
<b>Đánh giá thành viên HĐQT</b>			
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	đã thực hiện thông lệ này	
<b>Đánh giá tiểu ban</b>			
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	chưa thực hiện thông lệ	Do chưa thành lập tiểu ban nên không có thực hiện đánh giá